



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 59 - KỲ I - 11/2020



TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ
CHẶNG ĐƯỜNG 60 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN



HIỆN THỰC HÓA ƯỚC MƠ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG HIỆU VIỆT TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



XUẤT KHẨU NÔNG SẢN
GHI NHẬN NHIỀU TÍN HIỆU TÍCH CỰC TỪ EVFTA



CUỘC CHIẾN CÔNG NGHỆ MỸ - TRUNG
ĐỘNG THÁI ĂN MIẾNG TRẢ MIẾNG

TRƯỜNG PT DTNT NGUYỄN BÌNH KHIÊM 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Trường PT DT Nội trú Nguyễn Bình Khiêm được thành lập theo Quyết định số 299/TCCB ngày 22/5/1995 của Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Thái với tên gọi ban đầu là Trường PT DTNT huyện Võ Nhai. Từ đó tới nay, Trường không ngừng lớn mạnh và trở thành điểm sáng trong hệ thống các trường chuyên biệt của ngành giáo dục Thái Nguyên.



Tập thể sư phạm Trường PT DTNT Nguyễn Bình Khiêm

Ngược dòng thời gian, trở lại thời điểm khi có quyết định thành lập, trong điều kiện của một tỉnh miền núi, nguồn lực đầu tư cho giáo dục có hạn nên quá trình xây dựng Trường gặp không ít khó khăn. Đến tháng 8 năm 1997, Trường mới tổ chức tuyển sinh khóa học đầu tiên theo hình thức cử tuyển cho các đối tượng theo quy định thuộc địa bàn các huyện: Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hóa. Lễ khai giảng đầu tiên diễn ra vào ngày 01/11/1997, khi đó Trường mới có 05 lớp với 150 học sinh và 25 cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

Trên chặng đường 25 năm xây dựng và trưởng thành, Trường đã trải qua các lần thay đổi tên gọi và cơ quan quản lý. Tuy nhiên, dù trong hoàn cảnh nào, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn giữ vững được truyền thống dạy tốt học tốt, chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, Trường học là ngôi nhà chung thân thiện giúp học sinh phát triển toàn diện.

Tháng 7 năm 2018 Trường có quyết định chuyển giao trực thuộc UBND Huyện Võ Nhai quản lý, cơ sở vật chất của Trường được quan tâm tăng cường đầu tư các hạng mục quan trọng như: Cải tạo, nâng cấp 6 phòng lớp học, phòng bộ môn và 2 dãy nhà ký túc xá cho học sinh, xây mới khu nhà ăn 2 tầng, nhà lớp học, hiện tại Nhà trường đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện khuôn viên, cổng trường xanh, sạch đẹp, ngoài ra nhà đa năng, khu nhà công vụ, khu hiệu bộ, khu sân chơi bãi tập cũng nằm trong kế hoạch nâng cấp, sửa chữa. Mặt khác,

Trường cũng được bổ sung thêm các thiết bị dạy học đặc biệt thiết bị thông minh và đồ dùng thực hành đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt, rèn luyện, vui chơi của thầy, trò nhà trường.

Để không ngừng nâng cao chất lượng dạy học, Trường rất chú trọng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ giáo viên. Các thầy, cô giáo cũng tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy, không ngừng trau dồi kiến thức, kinh nghiệm để có phương pháp giảng dạy khoa học.

Hiện nay, ngành giáo dục đang đổi mới mạnh mẽ, chuyển từ dạy chữ sang dạy người, từ trang bị kiến thức sang hình thành năng lực. Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, Trường đã chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên rà soát sắp xếp lại nội dung chương trình theo hướng tinh giản nội dung, bổ sung kiến thức mới, thực hiện dạy học theo chủ đề, dạy tích hợp giữa các môn học với giáo dục tư tưởng, đạo đức, tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng...

Dưới sự hướng dẫn, chỉ bảo của các thầy cô, sự nỗ lực của học sinh, chất lượng giáo dục của Trường trong nhiều năm qua luôn ổn định, khẳng định vị thế là trường chất lượng cao của huyện Võ Nhai, thường xuyên nằm trong top trên của khối giáo dục THCS toàn tỉnh. Trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện, tỉnh, học sinh của Trường có sự tiến bộ rõ rệt, bình quân mỗi năm Trường có từ 20 - 50 giải các cấp. Tại các cuộc thi, hội thi văn nghệ, thể dục thể thao như vẽ tranh,

giai điệu tuổi hồng, hội khỏe Phù Đổng... Trường đều có các học sinh tham dự và đạt giải cá nhân cũng như tập thể. Nổi bật, năm học 2019-2020, Trường Phổ thông dân tộc nội trú Nguyễn Bình Khiêm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm công tác dạy và học cho trên 350 học sinh với tỷ lệ học sinh đạt khá, giỏi chiếm gần 70%; số học sinh có hạnh kiểm khá, tốt chiếm trên 98%. Kết thúc năm học, Nhà trường được UBND tỉnh Thái Nguyên công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục mức 3, thư viện nhà trường được công nhận thư viện tiên tiến.

Với những đóng góp và thành tích cho sự nghiệp giáo dục, Trường đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Liên đoàn Lao động Việt Nam, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Võ Nhai tặng Cờ thi đua, và nhiều bằng khen, giấy khen cho tập thể, cá nhân. Nổi bật trong năm 2011 Trường PTDT Nội trú Nguyễn Bình Khiêm đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Điều đáng tự hào hơn cả chính là dưới mái trường thân yêu này các em đã được học tập, rèn luyện, trưởng thành rồi trở về xây dựng quê hương miền núi Thái Nguyên thân thương. Trong số họ, không ít người đã trở thành cán bộ lãnh đạo, nhà chuyên môn giỏi, nhà quản lý tốt và những công dân gương mẫu... trở thành niềm tự hào, làm rạng danh cho mái trường thân yêu "PTDT Nội trú Nguyễn Bình Khiêm".

Trịnh Long

LỄ CÔNG BỐ BÁO CÁO ĐẦU KỲ VÀ CỔNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TRỰC TUYẾN CÁC CHỈ TIÊU SDG CỦA ASEAN

Sáng ngày 23/10/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê tổ chức Lễ công bố Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu phát triển bền vững (SDG) của ASEAN bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Thống kê Việt Nam chủ trì buổi lễ với vai trò chủ tịch ASEAN về Thống kê.

Tham dự trực tiếp Lễ công bố có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; các Phó tổng cục trưởng: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến, lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê; đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế và cơ quan thông tấn báo chí. Tham dự trực tuyến ở các đầu cầu quốc tế có 81 điểm cầu, gồm: Cơ quan Thống kê các quốc gia thành viên, các Ban ngành của ASEAN, các cơ quan thuộc Ban Thư ký ASEAN, các tổ chức quốc tế ngoài lãnh thổ Việt Nam như UNESCAP, FAO, ILO, UNFPA, ADB, ..., Liên minh Châu Âu, Đại sứ Liên minh châu Âu tại ASEAN, Dự án ARISE plus...

Phát biểu khai mạc buổi lễ, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, năm 2020 đánh dấu mốc quan trọng đối với Thống kê Việt Nam với vai trò là Chủ tịch ASEAN về Thống kê trong bối cảnh chung Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN. Đồng thời cũng là năm kỷ niệm 5 năm thành lập Cộng đồng ASEAN, 10 năm thành lập Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN và cũng tròn 10 năm tôn vinh ngày Thống kê thế giới. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương gửi lời chúc mừng tốt đẹp nhất đến toàn thể những người làm công tác thống kê,



cộng đồng thống kê ASEAN nói riêng và cộng đồng thống kê thế giới nói chung.

Trong vai trò Chủ tịch Thống kê ASEAN năm 2020, Việt Nam đã đề xuất và nhận được sự đồng thuận của tất cả các quốc gia thành viên ASEAN trong việc thực hiện sáng kiến “Thiết lập hệ thống thông tin thống kê về phát triển bền vững của ASEAN”. Sáng kiến nhằm góp phần hình thành một hệ thống thông tin thống kê về phát triển bền vững đồng bộ, thống nhất trong cộng đồng ASEAN; bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ giám sát và đánh giá phát triển bền vững của cộng đồng ASEAN; đẩy mạnh quan hệ đối tác trong thực hiện các chỉ tiêu; nâng cao năng lực của các quốc gia thành viên trong việc thu thập, biên soạn các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững cũng như tăng cường vai trò điều phối của thống kê ASEAN.

Với sự nỗ lực của các quốc gia thành viên, sự chủ động của Thống kê ASEAN, Nhóm công tác về các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của ASEAN và sự hỗ trợ của dự án ARISE Plus, Báo cáo đầu kỳ các chỉ tiêu phát triển

bền vững của ASEAN đã được hoàn thiện và Cổng thông tin dữ liệu trực tuyến về các chỉ tiêu phát triển bền vững của ASEAN đã được thiết lập.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Igor Driesmans, Đại sứ Liên minh châu Âu tại ASEAN đánh giá cao Báo cáo đầu kỳ, nhấn mạnh đây là công cụ quan trọng đảm bảo tính minh bạch của các chỉ tiêu thống kê.

Tại Buổi lễ, các đại biểu đã được nghe trình bày Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN và tham gia thảo luận các nội dung liên quan.

Hệ thống Thống kê quốc gia (NSS) và các Cơ quan Thống kê quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện báo cáo tiến độ quốc gia. Đây là các cơ quan giám sát được hỗ trợ bởi các cơ chế và biện pháp thể chế khác nhau; duy trì hệ thống giám sát đối mặt với những thách thức lớn do yêu cầu về dữ liệu SDG rất lớn; Năng lực thống kê ngày càng phải nâng cao, cả về nguồn lực tài chính cũng như nhân lực, nhằm tăng cường sự tham gia của các bên liên quan để hệ thống giám sát quốc gia được vững chắc.

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN (ACSS), thông qua nhóm WGSDGI, đã và đang tăng cường phối hợp trong việc cung cấp dữ liệu về các chỉ tiêu SDG để hỗ trợ người dùng tin tiếp cận với dữ liệu có chất lượng tốt hơn và dễ dàng hơn.

Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN là những nỗ lực của ACSS trong việc cung cấp số liệu thống kê phù hợp, kịp thời và có khả năng so sánh, phục vụ công tác hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.

ACSS cam kết nâng cao năng lực và tăng cường hợp tác ở khu vực cũng như quốc gia để cải thiện tính sẵn có và chất lượng dữ liệu với sự ủng hộ của các bộ ngành có liên quan.

Mặc dù hiện tại mới chỉ có một số chỉ tiêu SDG được đưa vào báo cáo và cơ sở dữ liệu trực tuyến, nhưng ACSS cam kết sẽ tiếp tục nâng cao năng lực và tăng cường hợp tác ở khu vực cũng như quốc gia để cải thiện tính sẵn có và chất lượng dữ liệu. Vì vậy, rất cần có sự vào cuộc và tham gia tích cực của các bộ ngành có liên quan.

ACSS sẽ nỗ lực triển khai các hoạt động phù hợp với chiến lược, ưu tiên và kế hoạch công tác của khu vực về SDG. Điều này nhằm đảm bảo ACSS sẽ luôn nắm bắt và hiểu nhu cầu số liệu thống kê của các cơ quan liên quan, đặc biệt là các cơ quan, ban ngành của ASEAN. Đây cũng là những thông điệp chính mà buổi lễ mong muốn truyền tải đến các đại biểu tham dự.

Để đảm bảo công tác giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững của ASEAN đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đề xuất một số nội dung sau: (1) Cần duy trì và phát huy tính chủ động của Nhóm công tác về các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của ASEAN; (2) Các quốc gia thành viên thường xuyên cập nhật số liệu của các chỉ tiêu phát triển bền vững; (3) Cần huy động sự hỗ trợ quý báu của các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội trong việc thực hiện các chỉ tiêu giám sát và đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã nhấn mạnh trong bài phát biểu của mình.

Với tính chuyên nghiệp trong tổ chức, sự hợp tác tích cực giữa các đơn vị, buổi lễ Công bố Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu SDG của ASEAN đã thành công tốt đẹp./.

Thu Hiền

HỘI THI “ĐÔI Đũa VÀNG GSO” NĂM 2020

Chào mừng kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 - 20/10/2020) và hướng tới kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê (6/5/1946-6/5/2021), sáng ngày 16/10/2020, tại trụ sở Tổng cục Thống kê (TCTK) đã diễn ra Hội thi “Đôi đũa Vàng GSO” năm 2020 do Ban chấp hành Công đoàn TCTK tổ chức.



Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chụp ảnh lưu niệm với đội đạt giải Nhất.

Tới dự và động viên Hội thi có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; các Phó tổng cục trưởng TCTK: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến.

Hội thi diễn ra sôi nổi, hào hứng với sự tham gia của 21 đội thi, trong đó có 19 đội đến từ các Công đoàn bộ phận thuộc cơ quan TCTK và 2 đơn vị khách mời là Công đoàn Cục Thống kê TP. Hà Nội và Trường Cao đẳng Thống kê. Tại Hội thi, mỗi đội dự thi nấu 1 món ăn chính và chuẩn bị 1 món tráng miệng hoặc 1 món khai vị cho 50 khẩu phần ăn trong thời gian tối đa là 100 phút. Các món ăn dự thi yêu cầu phải trình bày đẹp mắt, khẩu vị ngon, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Bên cạnh đó, mỗi đội sẽ có 2 phút để thuyết trình trước Ban Giám khảo về món ăn của đội mình.

Hội thi “Đôi đũa Vàng GSO” năm 2020 là một hoạt động công đoàn rất có ý nghĩa, tạo sân chơi lành mạnh, thiết thực cho các công đoàn viên, thắt chặt tình đoàn kết, tạo không khí vui tươi sôi nổi trong cơ quan. Thông qua Hội thi cũng đã tuyên truyền về giá trị gia đình và vai trò vị thế của người phụ nữ trong cuộc sống hiện đại.

Kết thúc Hội thi, giải đôi đũa Vàng thuộc về Công đoàn Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia; 2 giải đôi đũa Bạc thuộc về Vụ Kế hoạch Tài chính và Văn phòng TCTK, 3 giải đôi đũa Đồng thuộc về Cục Thống kê TP. Hà Nội, trường Cao đẳng Thống kê, Trung tâm tin học Thống kê khu vực I (thuộc Cục Thu Thập dữ liệu) và 7 giải khuyến khích./.

M.T

TỔNG CỤC THỐNG KÊ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH VỀ NGUỒN “THEO DẤU CHÂN NGƯỜI”

Khu di tích lịch sử Tân Trào - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các cơ quan Trung ương ở và làm việc trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, nằm trên địa bàn các xã thuộc 2 huyện Sơn Dương và Yên Sơn. Tổng diện tích tự nhiên của toàn khu là 561,1 km², với 18 di tích và cụm di tích tiêu biểu, đã được xếp hạng di tích quốc gia, trong đó nổi bật là Cụm di tích Nà Nưa (gồm: Lán Nà Nưa - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc từ cuối tháng 5 đến ngày 22/8/1945, nằm ở sườn Tây núi Nà Lừa; lán Cảnh vệ, cách lán Nà Nưa khoảng 20m về hướng Tây, là nơi ở của các đồng chí cảnh vệ, để đảm bảo an toàn cho Bác; lán Điện Đài - nơi thông tin liên lạc giữa Mặt trận Việt Minh và quân Đồng Minh, tại Côn Minh - Trung Quốc; lán Đồng Minh - nơi ghi dấu sự hợp tác giữa Mặt trận Việt Minh và Phái đoàn Đồng Minh; lán họp Hội nghị Cán bộ Toàn quốc của Đảng, cách lán Nà Nưa 20m về hướng Bắc, được dựng lên để phục vụ Hội nghị Toàn quốc của Đảng, diễn ra trong 03 ngày (từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945). Với những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học đặc biệt của khu di tích, năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử Tân Trào là di tích quốc gia đặc biệt.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường hoạt động giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn; hướng tới 75 năm kỷ niệm Ngày thành lập Ngành Thống kê Việt Nam (06/5/1946-06/5/2021); đồng thời kỷ niệm 90 năm ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930-20/10/2020), ngày 17/10/2020, Tổng cục Thống kê đã tổ chức đoàn tham dự chương trình về nguồn năm 2020 với chủ đề “Theo dấu chân Người”.

Thành phần đoàn tham dự gồm: Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương; các Phó Tổng cục trưởng: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Tổng cục Thống kê; Lãnh đạo Nữ các đơn vị thuộc Tổng cục; đại diện công đoàn, Đoàn Thanh niên cơ quan Tổng cục Thống kê...

Tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào, đoàn đã dâng hương và tham quan: Cụm di tích Lán Nà Nưa, đình Tân Trào, cây đa Tân Trào... Đặc biệt, đoàn đã tham quan Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ, đây là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ đã lãnh đạo và đưa ra nhiều quyết sách quan trọng của đất nước, trong đó có Sắc lệnh liên quan đến thành lập Nha Thống kê Việt Nam (tiên thân của Tổng cục Thống kê ngày nay).

Ngày 06/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 61/SL thành lập Nha Thống kê Việt Nam, nằm trong Bộ Quốc dân Kinh tế. Sau đó không lâu, ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến trường kỳ chống Thực dân Pháp bùng nổ trên phạm vi cả nước, các cơ quan của Chính phủ rời Thủ đô lên Việt Bắc để lãnh đạo kháng chiến. Từ chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ tiếp tục lãnh đạo toàn dân

thực hiện khẩu hiệu “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”. Hoạt động thống kê trong giai đoạn này từng bước được hoàn thiện về tổ chức, bộ máy.

Ngày 11/7/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 124/SL bãi bỏ Nha Thống kê Việt Nam. Tiếp sau đó, ngày 09/8/1950, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 38/TTg thành lập Phòng Thống kê trong Văn phòng Thủ tướng do ông Lương Duyên Lạc làm trưởng phòng với 3 cán bộ... Đó là những dấu mốc sự kiện quan trọng của ngành Thống kê trong những ngày đầu thành lập và những sự kiện đó đều ít nhiều có liên quan đến địa điểm nơi mà đoàn cán bộ Tổng cục Thống kê dừng chân tham quan - Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ trong Khu di tích lịch sử Tân Trào.

Cũng trong chuyến đi, đoàn của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Tuyên Quang đã có những hoạt động giao lưu chúc mừng ngày Phụ nữ Việt Nam.

Chương trình về nguồn “Theo dấu chân Người” tổ chức cho đoàn cán bộ của Tổng cục Thống kê thực sự có ý nghĩa to lớn. Ở đó, mỗi người cán bộ công chức được ôn lại những truyền thống hào hùng của đất nước và thực sự tự hào vì ngành Thống kê đã đóng góp một phần vào những trang sử vẻ vang ấy. Đó như một sự nhắc nhở mỗi cán bộ công chức cần nỗ lực tiếp nối xây dựng ngành Thống kê ngày càng vững mạnh để không phụ công các thế hệ đi trước đã dày công vun đắp xây dựng nền móng của Ngành từ những ngày đầu thành lập./.

P.V

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THÍ ĐIỂM TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

Chiều ngày 19/10/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết kết quả điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các Phó Tổng cục trưởng TCTK: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến; các thành viên thuộc các đơn vị của TCTK tham gia điều tra thí điểm tại 4 đoàn công tác: Hà Nội, Hải Phòng, Phú Yên, Tiền Giang; lãnh đạo và chuyên viên Cục thu thập dữ liệu và công nghệ thông tin.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, việc triển khai thực hiện công tác năm 2021 với trọng tâm là Tổng điều tra (TĐT) kinh tế 2021 hết sức quan trọng, mở đầu cho giai đoạn ứng dụng tối đa về công nghệ thông tin, cũng như tăng cường kết nối giữa các đơn vị trong TCTK với các địa phương trong công tác thu thập, tổng hợp, xử lý, công bố và lưu trữ dữ liệu. Vì vậy, cần phải thay đổi hoàn toàn cách thức cũng như phương pháp thực hiện để điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thực hiện được thông suốt, đúng theo mục đích, mục tiêu đã đề ra...

Thay mặt cho Đoàn công tác TW, đại diện Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ Thống kê trình bày Báo cáo kết quả điều tra thí điểm TĐT kinh tế năm 2021. Nhìn chung, quá trình thực hiện điều tra thí điểm TĐT kinh tế năm 2021 có một số thuận lợi: Tổ công tác của 4 Cục Thống kê đã chủ động, sát sao và thực hiện theo đúng



yêu cầu của Đoàn công tác TW; việc chọn mẫu doanh nghiệp điều tra thí điểm và doanh nghiệp đi thực địa được tính toán đảm bảo đại diện theo quy mô doanh nghiệp, loại hình kinh tế, ngành kinh tế cấp 1 để có thể xác định rõ cấu trúc doanh nghiệp cũng như những thuận lợi, khó khăn khi triển khai Tổng điều tra kinh tế vào năm 2021; các doanh nghiệp sẵn sàng phối hợp với cơ quan Thống kê để kê khai thông tin, ủng hộ việc thực hiện điều tra online để tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, ủng hộ việc khảo sát thí điểm...

Báo cáo cũng nêu lên một số nội dung còn tồn tại, vướng mắc trong quá trình điều tra thí điểm gồm: Cách thức thực hiện; bảng hỏi và thu thập thông tin; phần mềm thu thập thông tin, đồng thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm rút kinh nghiệm cho việc triển khai chính thức TĐT kinh tế năm 2021.

Tại Hội nghị, các thành viên trong Đoàn công tác TW đã đưa ra nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho điều tra thí điểm TĐT kinh tế năm 2021.

Liên quan đến các nội dung trong báo cáo kết quả điều tra thí điểm TĐT kinh tế năm 2021, Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh

đánh giá cao những điểm khó khăn, vướng mắc đã được nêu trong báo cáo. Điều này là rất cần thiết và hữu ích giúp cho Đoàn công tác TW tháo gỡ và tiếp tục hoàn thiện các công việc cần triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao những ý kiến đóng góp kiến của các thành viên Đoàn công tác TW, đồng thời, đề nghị cần thống nhất một số công việc gồm: Hướng dẫn thống nhất và cụ thể về các chỉ tiêu khấu hao tài sản cố định và một số ngành khác có phát sinh mới; Phân loại các đối tượng tiến hành tập huấn theo hình thức online và trực tiếp để đảm bảo chất lượng tập huấn; tập trung tập huấn kỹ về mã sản phẩm, thống nhất và làm các video clip hướng dẫn các điều tra viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện nội dung điều tra chính xác...

Kết luận Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị Tổ thường trực TĐT kinh tế 2021 phải xác định cụ thể nội dung, sản phẩm chung và riêng cho các đơn vị chủ trì thực hiện. Trên cơ sở đó, các đơn vị thực hiện cần bám tiến độ và phối hợp nhịp nhàng để triển khai công việc một cách hiệu quả.../.

Thu Hoàng



Đo lường BẠO LỰC, đo đếm những ai?!

Nguyễn Thị Việt Nga

Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường - Tổng cục Thống kê

Là người làm thống kê, đã bao giờ bạn nghĩ mình đang đi nhầm nghề chưa? Năm xưa, khi khảo sát hỏi các câu hỏi về nghèo đói, chi tiêu của hộ, chủ hộ nói nửa đùa nửa thật với tôi: “Cô còn trẻ, chuyển nghề đi, cứ đi hỏi khắp thiên hạ thế này không chán à?”.

Khi đi đo đếm về giới và bạo lực thì tôi tự kiểm điểm thấy mình yếu bóng vía, tôi nhát, tôi hèn ghê gớm, gặp những bi kịch ngoài đời, tôi bị ám ảnh; lướt trên cõi mạng có những kiểu con bạo hành chính cha mẹ ruột, ngoại tình đánh vợ để bảo vệ nhân tình, mẹ đẻ đánh con đến chết... làm tôi tức điên lên nhưng pha lẫn khiếp hãi, không dám nhòm vào. Cái tội hay liên tưởng, lắp ghép những số phận, những cuộc đời với nhau sau mỗi câu chuyện hay hình ảnh nhìn được và rồi tự ám ảnh bản thân với những câu hỏi “tại sao???”. Khi lướt qua các sự vụ gặp phải tôi luôn lắp ghép và hình dung ra lý do, đằng sau những hành vi bạo lực là cả câu chuyện dài về định kiến giới, về lịch sử văn hóa Việt Nam và các quan niệm áp đặt lên vai trò người phụ nữ trong mỗi gia đình.

Việc đo đếm, lượng hóa bạo lực đối với phụ nữ được khởi nguồn từ Tổ chức Y tế Thế giới từ những năm 90 của thế kỷ trước, bắt đầu từ các bác sĩ khi khám bệnh cho các bệnh nhân nữ, có lẽ họ cũng có câu hỏi, những liên tưởng như tôi khi cố gắng giải đáp những câu hỏi “tại sao” hay “cái gì” đằng sau

những vết thương trên thân thể nữ bệnh nhân, tại sao họ bị rạn/gãy chân tay, thậm chí sảy thai? Và có nhiều trường hợp phải quay lại bệnh viện với những thương tích lần sau nặng hơn lần trước; và công việc của họ (những người bác sĩ) không còn đơn giản là cấp cứu, cầm máu, chữa bệnh nữa... các phương pháp để lượng hóa, đo đếm bạo lực sau này được thử nghiệm và phổ biến rộng rãi tới các cơ quan Thống kê quốc gia trên thế giới. Sau hai cuộc điều tra quốc gia tại Việt Nam, tỷ lệ gần như không suy chuyển khi mà gần 60% phụ nữ từng bị bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần do chồng/ bạn tình gây ra trong cuộc đời, tính riêng bạo lực thể xác và tình dục thì cũng có đến 1/3 phụ nữ từng bị bạo lực thể xác, trong đó có đến 1/4 số nạn nhân từng bị thương, 1/3 nạn nhân từng có ý định tự tử và gần 3% đã thực hiện hành vi tự tử.

Nhân dịp sửa đổi bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu “tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên bị bạo lực” được đề xuất đưa vào danh sách các chỉ tiêu được thu thập, theo dõi của Tổng cục Thống kê, có nhiều ý kiến tranh luận về các ưu tiên cho đối tượng khi đo lường về bạo lực. Với nguồn lực tài chính và kỹ thuật có hạn, các cơ quan thống kê quốc gia mới chỉ ưu tiên các nguồn lực trong đo lường bạo lực đối với phụ nữ, là đối tượng chịu bạo lực do chồng/ bạn tình và những người khác gây ra. Tuy nhiên, có nhiều tranh cãi về việc

cần thêm ưu tiên đo lường bạo lực với trẻ em, người già là những đối tượng yếu thế không thể tự bảo vệ mình, bạo lực gây hậu quả nặng nề và lâu dài với họ.

Với nam giới trưởng thành thì các yếu tố nguy cơ cao thường đến từ bên ngoài gia đình như tai nạn lao động, tai nạn giao thông, đánh nhau ngoài cộng đồng... việc hỏi chung về bạo lực trong cùng 1 phiếu hỏi cho cả nam và nữ là không thể, nên nếu cần đo đếm bạo lực cho cả hai nhóm dân số nam và nữ thì có thể coi như thực hiện 2 cuộc điều tra riêng biệt với các bảng hỏi và công cụ phỏng vấn khác nhau. Với trẻ em, việc đo lường bạo lực sẽ phức tạp hơn, vì khi phỏng vấn cần có sự đồng ý của cha/mẹ hoặc người chăm sóc chính - có thể là nguồn gây bạo lực chính đối với trẻ.

Từ việc bình thường hóa với bạo lực trong xã hội trước những năm 90, đến nay có thể thấy sự biến chuyển lớn trong nhận thức của xã hội, cộng đồng khi các vấn đề về phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ, bạo lực gia đình được luật hóa, trong cuộc sống thường ngày ta dễ nhận thấy bắt đầu có những tiếng nói lên tiếng quyết liệt phản đối những hành vi bạo lực. Với những cam kết “không để ai bị bỏ lại phía sau” từ Chính phủ Việt Nam vào chương trình nghị sự các Mục tiêu Phát triển bền vững, việc cần thiết phải xem xét và thêm ưu tiên nguồn lực để thống kê đúng, đủ các vấn đề về mức độ phổ biến về bạo lực trong xã hội ngày nay với tất cả các nhóm đối tượng. Tôi lại mơ có đủ sức, đủ lực và nhiệt huyết với nghề để đo đếm hết được bạo lực với các nhóm đối tượng còn yếu thế như trẻ em, người cao tuổi và khi đó, mỗi khi nghe văng vẳng đâu đó “Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê...”, tôi vẫn thấy công việc mình và đồng nghiệp đang làm vẫn có chút ý nghĩa cho đời mà không phải hối hận khi vẫn gắn bó với công việc mình đang theo./.

Những ngày đầu mới thành lập Trường gặp rất nhiều khó khăn: Đội ngũ cán bộ, giáo viên thiếu; chương trình đào tạo, tài liệu giáo trình còn rất hạn chế; cơ sở vật chất đơn sơ, các phòng học, nhà làm việc, nhà ăn chủ yếu bằng tranh nứa. Trong khi chờ xây dựng, nhà trường phải dựa vào đình, chùa, nhà dân xung quanh để làm lớp học. Nhiệm vụ chủ yếu của Trường là bồi dưỡng văn hóa, đào tạo trình độ sơ cấp và mở lớp huấn luyện nghiệp vụ thống kê ngắn ngày phục vụ kịp thời cho công tác thống kê, chuẩn bị những tiền đề để đào tạo cán bộ có trình độ trung cấp.

Sau hơn 2 năm vừa xây dựng cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giáo viên, vừa hoàn thiện chương trình, biên soạn tài liệu, giáo trình, được sự quan tâm của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, của Tổng cục Thống kê và dựa vào kinh nghiệm đào tạo sơ cấp, bồi dưỡng cán bộ, Nhà trường đã mở được khóa chuyên tu đầu tiên trình độ trung cấp vào tháng 11 năm 1962 với số lượng 70 học viên.

Nếu giai đoạn 1962-1964 là giai đoạn Trường phát triển trong hoàn cảnh miền Bắc hòa bình, thì giai đoạn 1965-1975, cùng với quân và dân cả nước, Thầy và trò Trường Trung cấp Kế hoạch - Thống kê bước vào những năm tháng khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đế quốc Mỹ điên cuồng mở cuộc chiến tranh bằng không quân phá hoại miền Bắc nên các Ban Thống kê và các Tổ môn đã 2 lần sơ tán về 6 địa điểm của các huyện: Từ Sơn, Yên Phong, Quế Võ. Ở những nơi này, thầy và trò của Nhà trường được đồng bào các xã cư mang, đùm bọc.

Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn trăm bề, nhưng thầy và trò Trường Cán bộ Thống kê lúc bấy giờ vẫn luôn nỗ lực hết mình



TRƯỜNG CHẶNG ĐƯỜNG 60 NĂM

thực hiện lời dạy của Bác Hồ “Dù trong hoàn cảnh nào cũng phải quan tâm dạy thật tốt, học thật tốt” để cung cấp đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên” cho đất nước và động viên nhau thực hiện tốt phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai để thực hiện nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước, bảo vệ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam, hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, đào tạo cán bộ và xây dựng một Nhà trường tiên tiến dưới chế độ XHCN trong hoàn cảnh chiến tranh”.

Sau giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất, cả nước bước vào công cuộc xây dựng CNXH. Thời điểm này, Tổng cục Thống kê thành lập thêm Trường Trung học Thống kê II đặt ở TP. Vũng Tàu (nay là Trường Cao đẳng Thống kê II ở tỉnh Đồng Nai) và Trường Trung học Thống kê III ở TP. Đà Nẵng. Theo đó, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Nhà trường

cũng chuyển sang một thời kỳ mới. Nhà trường đã chia sẻ một nửa đội ngũ cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm vào tiếp quản và xây dựng lực lượng nòng cốt cho Trường II, Trường III và một số các Cục Thống kê các tỉnh miền Nam. Tiếp tục củng cố, xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên ở lại.

Có thể nói trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Trường Cao đẳng Thống kê đã trưởng thành về mọi mặt. Từ một Trường nghiệp vụ Thống kê chỉ có vài chục cán bộ, giảng viên đến nay đã trở thành Trường Cao đẳng Thống kê với một đội ngũ cán bộ, giảng viên phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả.

Trường Cao đẳng Thống kê tiền thân là Trường Nghiệp vụ Thống kê được thành lập vào ngày 20/02/1960 đóng tại làng Hòa Mục, xã Nhân Chính, Huyện Từ Liêm, Hà Nội. Sau khi hợp nhất với Trường Nghiệp vụ Kế hoạch, năm 1962 Trường được nâng cấp thành Trường Trung cấp Kế hoạch - Thống kê. Năm 1965, Trường chuyển về thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc (cũ) nay là thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1966 Trường đã đổi tên thành Trường Cán bộ Thống kê, đến năm 1977 thì đổi tên thành Trường Cán bộ Thống kê Trung ương. Do yêu cầu của Ngành Thống kê và nhu cầu của xã hội, năm 2004, Trường Cán bộ Thống kê Trung ương được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Thống kê và mang tên đó cho đến ngày nay.

CAO ĐẲNG THỐNG KÊ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thị Huệ

Phó Hiệu trưởng phụ trách - Trường Cao đẳng Thống kê

Đến nay, Nhà trường đã đào tạo được trên 50.000 cán bộ thống kê, kế toán và các ngành kinh tế khác cho đất nước và cho các nước bạn Lào, Campuchia. Hàng năm, Trường còn đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thống kê và quản lý nhà nước cho hàng nghìn công chức, viên chức của ngành Thống kê. Trường Cao đẳng Thống kê là một trong số ít cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học tin cậy, có uy tín trong ngành và cả nước. Trong các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên đã trưởng thành, nhiều người đã và đang giữ những vị trí chủ chốt trong các ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền từ trung ương đến địa phương và doanh nghiệp.

Ghi nhận những thành tích của tập thể cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên, Trường đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý như: Huân chương

lao động hạng Nhất, Nhì, Ba... Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục trưởng TCTK, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh đã tặng Cờ thi đua, Bằng khen cho nhà trường, một số Phòng, Khoa, Bộ môn và nhiều cá nhân.

Những thành tựu to lớn mà nhà trường đã đạt được trong 60 năm qua là điểm tựa cho bước phát triển tương lai của Trường Cao đẳng Thống kê trong thời gian tới. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, kinh tế tri thức, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập quốc tế. Cùng với sự đổi mới và phát triển mạnh mẽ của ngành Thống kê, ngành giáo dục; nhu cầu của ngành và xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng cao, cạnh tranh trong đào tạo ngày càng gay gắt; Sự phát triển ngày càng nhiều

các Trường Đại học và ngày càng mở rộng về quy mô, loại hình và các bậc đào tạo, đã tạo ra những thách thức, khó khăn lớn đối với các Trường Cao đẳng, Trung cấp trong nước nói chung và Trường Cao đẳng Thống kê nói riêng.

Nhận thức rõ được những cơ hội và thách thức, trong chiến lược phát triển của Trường Cao đẳng Thống kê đã xác định rõ những mục tiêu cụ thể và những bước đi cần thiết để đổi mới chính mình, hướng đến một mô hình đào tạo tiên tiến, mô hình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng, lấy yêu cầu của nhà tuyển dụng làm mục tiêu đào tạo. Mục tiêu đào tạo nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, tăng cường các năng lực thực hành nghề nghiệp, thực tiễn, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm.

Để đạt được các mục tiêu theo định hướng phát triển trên, một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm được đề ra là:

Một là, đổi mới mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng tinh, gọn, mạnh mẽ và hiệu quả. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý và điều hành các cấp, chú trọng đồng thời chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động, xây dựng các tiền đề vững chắc để thực hiện thành công cơ chế tự chủ toàn diện trong những năm tới.

Hai là, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm với công việc và tâm huyết với nghề.

Ba là, phát triển chương trình đào tạo: Xây dựng và đổi mới các chương trình đào tạo cả về mục tiêu, nội dung, cấu trúc và hình thức tổ chức dạy học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng

và hội nhập quốc tế. Mục tiêu đào tạo chuyển đổi từ việc chủ yếu trang bị kiến thức cho người học, sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học. Chương trình đào tạo đảm bảo đạt chuẩn đầu ra cả về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí và khả năng đảm đương công việc của sinh viên tốt nghiệp.

Bốn là, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học: Sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm nhằm phát huy tính tự học, chủ động và sáng tạo của sinh viên. Việc lấy người học làm trung tâm không chỉ làm cho người học phát triển tư duy độc lập, sáng tạo mà còn giúp người thầy thêm tiến bộ, trưởng thành. Hình thức tổ chức học tập theo nhóm, tổ được đẩy mạnh để rèn luyện cho sinh viên khả năng hợp tác, khả năng thuyết phục và các kỹ năng thuyết trình, quản lý.

Năm là, đảm bảo các điều kiện về hệ thống học liệu, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo: Tăng cường đầu tư hạ tầng cơ sở, trang thiết bị phục vụ đào tạo; Đảm bảo đầy đủ sách báo, tạp chí, giáo trình, tài liệu dạy học; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện, Website của nhà trường; Trang bị máy móc, thiết bị cho các phòng học, phòng thực hành đầy đủ và hiện đại phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả; Tiếp tục đầu tư và nâng cấp khu ký túc xá với hệ thống phòng ở tiện nghi, khép kín và hiện đại phục vụ sinh hoạt cho sinh viên nội trú; Hệ thống nhà ăn, nhà thi đấu thể thao đa năng, sân tennis, cầu lông, bóng rổ... phục vụ cho hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao của cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên.

Như vậy, để thực hiện tốt mục tiêu và sứ mệnh của mình, Nhà trường xác định chất lượng đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo cần phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu và thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Đây chính là phương châm mà Trường Cao đẳng Thống kê hướng tới sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế./.

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Thống kê đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thực hiện sứ mạng, nhiệm vụ được giao, gắn liền với sự lãnh đạo chặt chẽ, toàn diện của Đảng ủy nhà trường. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Lãnh đạo Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đảng bộ và nhân dân tỉnh, thành phố Bắc Ninh. Cùng với sự phấn đấu không ngừng của tập thể lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được nâng cao, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu công tác của cán bộ, giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên; đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu về số lượng, chuẩn về chất lượng. Đó là điều kiện thuận lợi để nhà trường phát triển hơn nữa trong việc thực hiện sứ mệnh của mình, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ đổi mới, góp phần phục vụ công cuộc Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, cũng còn không ít những khó khăn, thách thức, nhất là những thay đổi về cơ chế, chính sách đã có tác động không nhỏ đến hệ thống các cơ sở giáo dục nói chung, trong đó có Trường Cao đẳng Thống kê. Trước tình hình đó, để đảm bảo công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, đảng viên nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của nhà trường trong giai đoạn hiện nay, Đảng bộ Trường Cao đẳng Thống kê đã và đang xây dựng các giải pháp để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên xứng tầm với nhiệm vụ chính trị. Các giải pháp bao gồm:

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng về công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, giảng viên, đảng viên về tầm quan trọng của công tác xây dựng và phát triển đội ngũ đối với sự phát triển nhà trường.

Thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, trong đó phát huy vai trò nòng cốt, tiên phong của cán bộ, giảng viên là đảng viên. Thông qua các hoạt động như tổ chức cho cán bộ, GV học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết như: Chỉ thị 40/2004/CT-TW về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020, Nghị quyết 29-NQ/TW khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo... thông qua các buổi học tập chính trị định kỳ, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt Đảng, giao ban... Đảm bảo việc phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đổi mới GD&ĐT, về xây dựng và phát triển đội ngũ trong thời kỳ hội nhập, tăng cường việc nghiên cứu, hiểu biết về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của người cán bộ giảng viên. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi thành viên trong nhà trường nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vai trò của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đối với sự phát triển của Nhà trường, khẳng định đội ngũ cán bộ giảng viên là yếu tố quyết định tới việc thực hiện sứ mệnh của Nhà trường.

ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN VÌ MỤC TIÊU ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nguyễn Việt Hùng

Ủy viên BTV Đảng ủy, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Trường Cao đẳng Thống kê

Từ đó, là cơ sở để cấp ủy Đảng, Lãnh đạo nhà trường có các chính sách ưu tiên và hợp lý nhất để xây dựng và phát triển đội ngũ, vừa đáp ứng yêu cầu hiện tại vừa có tính chiến lược lâu dài cho sự phát triển của nhà trường, đồng thời là cơ sở để cho mỗi cán bộ, giảng viên không ngừng phấn đấu, rèn luyện, tự hoàn thiện mình đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công tác tổ chức và cán bộ.

Đây là giải pháp mang tính đột phá, là động lực, mắt xích quan trọng trong quá trình gắn kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI với thực hiện đẩy mạnh

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc xác định đúng “nút thắt”, giải phóng những vướng mắc, hạn chế trong thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (Chỉ thị 03 - CT/TW) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI là cơ sở quan trọng để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 - CT/TW.

Trong thực hiện cần giữ vững các nguyên tắc xây dựng Đảng, phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trong học tập, công tác, sinh hoạt Đảng, phát huy sự gương mẫu của người đứng đầu.

Về xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt: Gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt với xây dựng đội ngũ cấp ủy các cấp trong nhà trường có đủ các tiêu chí theo yêu cầu

của từng vị trí. Song, trước hết phải thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực và phương pháp, tác phong công tác; có uy tín trước tập thể và khả năng nghiên cứu, đề xuất cho cấp ủy, Lãnh đạo nhà trường những vấn đề quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo các mặt hoạt động của đơn vị. Thường xuyên chỉ đạo và triển khai thực hiện việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có cách nhìn nhận, đánh giá con người, sự việc một cách khách quan, toàn diện.

Thường xuyên làm tốt công tác quy hoạch cán bộ trong Đảng ủy, các chi bộ trực thuộc, cán bộ lãnh đạo trường, lãnh đạo các đơn vị thuộc trường để chủ động trong công tác cán bộ. Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại





theo đúng quy định của Đảng và quy định của Tổng cục Thống kê.

Về công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên, xây dựng và lập kế hoạch trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm đảm bảo mọi hoạt động đi vào nề nếp, hiệu quả, có tầm nhìn xa, đáp ứng được nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời có những bước đi hợp lý để có đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ, có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng. Đồng thời tạo được thể chủ động cho nhà trường trong quá trình phát triển.

Làm tốt hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công tác giảng dạy, bồi dưỡng trình độ LLCT, QLNN, trình độ ngoại ngữ, tin học... Tiếp tục có chính sách đãi ngộ, ưu đãi về tài chính, về thời gian cho những cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ.

Thực hiện tốt việc giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, giảng viên, thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, giảng viên, tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên phấn khởi, yên tâm công tác và gắn bó với Nhà trường.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định, giữ gìn tốt mối đoàn kết nội bộ.

Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, giảng viên, đảng viên.

Việc xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong đội ngũ cán bộ, giảng viên tại Đảng bộ Trường Cao đẳng Thống kê cũng là một giải pháp quan trọng để thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05 - CT/TW. Theo đó, Đảng ủy Trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên; Tập trung xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí điển hình tiên tiến, làm cơ sở để các tập thể, cá nhân phấn đấu, bình xét, khen thưởng; Tạo môi trường thuận lợi để các điển hình tiên tiến phấn đấu, rèn luyện và nâng cao vai trò trong thực tiễn; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương "người tốt, việc tốt" để mọi tập thể, cá nhân học tập, phấn đấu và noi theo; phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đi đôi với động viên khen thưởng đối với cán bộ, giảng viên, đảng viên.

Đảng bộ Trường thường xuyên chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Điều lệ Đảng, các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng. Trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ đảng viên, UBKT Đảng ủy phối hợp chặt chẽ với công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn, Ban Thanh tra nhân dân cũng như phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

Thực hiện nghiêm túc công tác phê bình và tự phê bình trong cán bộ, giảng viên, đảng viên nhà trường. Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt Đảng nhằm nêu cao tinh thần đấu tranh phê và tự phê của cán bộ, đảng viên.

Với những giải pháp nêu trên, Đảng bộ Trường Cao đẳng Thống kê tin tưởng rằng trong thời gian tới, mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của toàn bộ hệ thống chính trị của Nhà trường, sự cố gắng, nỗ lực của tập thể cán bộ, giảng viên, đảng viên Nhà trường, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên gắn với cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vì mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường sẽ đạt được những kết quả khả quan, góp phần xây dựng Trường Cao đẳng Thống kê trở thành địa chỉ đáng tin cậy trong sự nghiệp giáo dục đào tạo, tạo khí thế mới trong công cuộc vận động và phát triển nhà trường, lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm thành lập Trường (1960-2020)./.

CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ 60 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Văn Chung

Chủ tịch Công đoàn - Trường Cao đẳng Thống kê



Năm 2020, hòa cùng không khí cả nước kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2020); 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2020); 75 năm Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945-19/8/2020) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945-2/9/2020);... Trường Cao đẳng Thống kê cũng vui mừng, phấn khởi tổ chức kỷ niệm tròn 60 năm ngày thành lập Trường. 60 năm qua, Trường đã đào tạo trên 50 ngàn cán bộ Thống kê, Kế toán và các nghiệp vụ quản lý kinh tế khác, bổ sung vào đội ngũ những người làm ra những con số biết nói và lực lượng cán bộ quản lý nền kinh tế đất nước. Trong chặng đường lịch sử đã qua, tổ chức công đoàn Trường Cao đẳng Thống kê đã giành được nhiều thành công

rực rỡ. Ghi nhận những thành tích của tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức và HSSV nhà trường, Đảng và Nhà nước đã trao tặng Nhà trường 3 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba. Trong những thành công đó, có sự đóng góp quan trọng của các thế hệ đoàn viên Công đoàn Trường.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, tổ chức công đoàn đã được Chi bộ Đảng và Ban giám hiệu Nhà trường quan tâm xây dựng và chỉ đạo hoạt động. Đại hội công đoàn trường lần thứ nhất đã được tổ chức vào tháng 9 năm 1963. Trải qua 25 kỳ Đại hội, Công đoàn trường đã hoàn thành các nhiệm vụ vẻ vang của mình trong việc tuyên truyền và giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên công đoàn; nâng cao hiệu quả tổ chức, chỉ đạo các cuộc vận động

và các phong trào quần chúng; chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, giáo viên và người lao động theo đúng Luật lao động; kiểm tra giám sát việc thực hiện dân chủ trong Nhà trường thông qua việc phối hợp cùng Ban giám hiệu tổ chức tốt Hội nghị CBVC hàng năm; vận động đoàn viên tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà trường; tổ chức, vận động đoàn viên gương mẫu tham gia các hoạt động xã hội và đảm bảo an ninh trong nhà trường; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội; phối hợp với chính quyền, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức, vận động CBVC, đoàn viên công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đơn vị bạn; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác công đoàn.

Công đoàn Nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đoàn viên trước tình hình chuyển biến mọi mặt của Đất nước. Từ đó làm tốt vai trò, chức năng của tổ chức công đoàn là động viên, đoàn kết CBVC luôn yên tâm, phấn khởi cống hiến cho sự nghiệp xây dựng phát triển nhà trường, thực hiện tốt qui chế dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể, tham gia quản lý

Nhà trường, tích cực chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm. 60 năm qua, cán bộ đoàn viên công đoàn trường đã luôn nêu cao tính tiên phong gương mẫu. Đội ngũ cán bộ quản lý phục vụ tăng cường kỷ cương, tình thương, trách nhiệm trước HSSV. Đội ngũ cán bộ giáo viên tâm huyết với nghề, hăng hái học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần trực tiếp vào nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định uy tín của Nhà trường trước xã hội. Nhờ đó Trường đã đứng vững, phát triển và lớn mạnh không ngừng và mốc son quan trọng nhất đánh dấu cho sự phát triển đó là ngày 23 tháng 8 năm 2004, Trường Cán bộ Thống kê TW đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định trở thành trường Cao đẳng Thống kê.

Những năm gần đây, cùng với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, Công đoàn Trường đã tổ chức và động viên cán bộ giảng viên hăng hái hưởng ứng và thực hiện tốt các hoạt động đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng dạy học; tổ chức tốt các kì hội giảng hàng năm; đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng... Từ đó, tạo môi trường giáo dục thân thiện, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua “Hai tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” với cuộc vận động “Mỗi thầy cô là một tấm gương đạo đức và tự học”, xây dựng Nhà trường thành “Công sở xanh sạch đẹp”, xây dựng “Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Gia đình nhà giáo văn hóa”.

Để ghi nhận những thành tích ấy, Công đoàn Trường luôn được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc, được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động Tỉnh Hà Bắc trước kia và LĐLĐ tỉnh Bắc Ninh ngày nay tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Đặc biệt, năm 2011, Công đoàn Trường đã được nhận Cờ thưởng luân lưu “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” của Tổng LĐLĐVN; năm 2014 nhận Cờ thưởng luân lưu chuyên đề “Văn hóa-Thể thao” của Tổng LĐLĐ Việt Nam.

Từ thực tế hoạt động, Công đoàn Trường rút ra một số bài học kinh nghiệm, đó là:

- Mọi hoạt động công đoàn phải luôn hướng tới mục đích bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng của người lao động và luôn song hành với hoạt động về mọi mặt của nhà trường. Ngoài quan tâm đến đời sống tinh thần, vật chất, cần thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về mọi mặt cho cán bộ công đoàn.

- Tích cực đổi mới hoạt động công đoàn sao cho vừa giữ vững nguyên tắc, vừa phải có tính mềm dẻo, linh hoạt. Tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, coi trọng và phối kết hợp chặt chẽ với Chính quyền, các đơn vị chuyên môn và Đoàn TNCSHCM để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong các mặt hoạt động.

Gìn giữ và phát huy những thành quả đã đạt được trong 60 năm qua của Trường Cao đẳng Thống kê và Công đoàn Trường là trách nhiệm của cán bộ, giáo viên và HSSV thế hệ hiện tại. Với tinh thần đó, Ban chấp hành Công đoàn Trường khóa 25 phát động phong trào sôi nổi, rộng khắp trong toàn trường, thi đua “Dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt” lập những thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm 60 năm thành lập Trường Cao đẳng Thống kê, Chào mừng thắng lợi của Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ 25. /.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Thống kê là một tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị của trường, có nhiệm vụ tập hợp, tổ chức, giáo dục và rèn luyện đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên. Gắn liền với bề dày truyền thống và thành tích trong 60 năm xây dựng và phát triển của trường, Đoàn Thanh niên không ngừng lớn mạnh và trưởng thành về mọi mặt, đã có những cống hiến liên tục và cụ thể vào phong trào Thanh niên, sinh viên của Tỉnh Bắc Ninh và cả nước.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển không ngừng, qua các chặng đường cách mạng đã hun đúc nên những giá trị truyền thống quý báu, nổi bật của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Cao đẳng Thống kê. Đó là: Truyền thống yêu nước nồng nàn, trung thành với Đảng, gắn bó mật thiết với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với cuộc sống của nhân dân lao động; Truyền thống hiếu học, yêu nghề và kính thầy, trọng bạn; Truyền thống xung kích, sáng tạo trong thực tiễn công tác Đoàn và phong trào thanh niên - sinh viên.

Hiện nay, Đoàn Thanh niên Trường Cao đẳng Thống kê là lực lượng nòng cốt trong các phong trào thi đua giảng dạy, học tập và rèn luyện như: Phong trào thi đua giờ giảng tốt, giờ học tốt nhân kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; thành lập đội tuyển tham gia hội thi Olympic Tiếng anh; hội thi Ánh sáng soi đường, đoàn viên là cán bộ giảng viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh...các phong trào tình nguyện vì cộng đồng như: Hiến máu tình nguyện; Tiếp sức mùa thi; Ngày chủ nhật xanh; Phong trào chăn ấm mùa đông; Phong trào đường điện nông thôn..., thanh niên trường Cao đẳng Thống kê luôn sát cánh trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường. Nhiều năm qua, Đoàn trường được biết đến như một điểm sáng của hệ thống Đoàn trực thuộc của Tỉnh đoàn Bắc Ninh.

TỰ HÀO 60 NĂM ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ

Phạm Văn Sỹ

Bí thư Đoàn - Trường Cao đẳng Thống kê



Hiện Đoàn trường đang tiếp tục triển khai các phong trào thi đua mới, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội XIII của Đảng, kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2021) và 60 năm ngày thành lập Trường (1960-2020) thông qua việc hiện thực hóa hiệu quả các phong trào như: “Đồng hành với thanh niên trong học tập”, “Chương trình tư vấn định hướng nghề nghiệp”, “Phòng trào Sinh viên 5 tốt”, “Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp”. Đặc biệt, hưởng ứng phong trào hành động cách mạng mới của tuổi trẻ Bắc Ninh là “Tiên phong, xung kích, đồng hành cùng ngành y tế trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid19”, Đoàn trường đã tạo nên môi trường học tập, rèn luyện, kỷ luật để mỗi đoàn viên, thanh niên

“thực sự vững vàng về chính trị - tư tưởng, gương mẫu về đạo đức tác phong, tiên tiến về chuyên môn - nghiệp vụ”.

Với phong trào “Sẵn sàng hội nhập” trong toàn thể đoàn viên, sinh viên, với các nội dung cụ thể, thiết thực: “Trau dồi ngoại ngữ, tích lũy kỹ năng, rèn rửa tay nghề, Đoàn trường kêu gọi và yêu cầu mỗi đoàn viên, sinh viên, hơn lúc nào hết, cần nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển của bản thân, gia đình, quê hương, nhà trường và đất nước; sống có lý tưởng, hoài bão, biết dẫn thân và cống hiến; sẵn sàng xung kích, gương mẫu trên mọi lĩnh vực, khắc phục mọi khó khăn để ra sức học tập, rèn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và công tác đoàn thể. Đây cũng là một tiêu chí giúp cho sinh viên đạt danh hiệu cao quý “Sinh viên 5 tốt” của sinh viên Việt Nam,

là danh hiệu minh chứng cho sự nỗ lực, cố gắng trong mỗi cá nhân sinh viên để rèn luyện, hoàn thiện mình ở 05 tiêu chí “Học tập tốt - Đạo đức tốt - Kỹ năng tốt - Hội nhập tốt - Thể lực tốt”.

Tin tưởng rằng, với nền tảng truyền thống anh hùng và sáng tạo, với tinh thần chủ động, quyết tâm và năng lực thực tiễn của mỗi đoàn viên, sinh viên cùng với sự quan tâm sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt của Đảng ủy, Ban Giám Hiệu, sự phối hợp của các đơn vị, công tác Đoàn và phong trào thanh niên, sinh viên của Trường tiếp tục đạt được nhiều thành tích to lớn, góp phần xứng đáng vào công tác giáo dục toàn diện, thúc đẩy thực hiện mục tiêu xây dựng Trường Cao đẳng Thống kê trở thành trường nghề trọng điểm quốc gia, hội nhập thành công vào nền giáo dục nghề nghiệp khu vực và thế giới./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2020

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Mười, cả nước thu hoạch được 990,7 nghìn ha lúa mùa, chiếm 62,5% diện tích gieo cấy và bằng 97,2% cùng kỳ năm trước, sản lượng ước tính đạt 8,04 triệu tấn, giảm 59,5 nghìn tấn so với vụ mùa trước.

Ước tính trong tháng Mười, tổng số trâu của cả nước giảm 2% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số bò tăng 2,5%; tổng số gia cầm tăng 4,3%. Chăn nuôi lợn đang dần được khôi phục, tổng số lợn trong tháng tăng 7,6% so với cùng thời điểm năm trước. Tuy nhiên, dịch tả lợn châu Phi hiện nay đang diễn biến phức tạp tại 31 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan chuyên ngành cần phối hợp với chính quyền cơ sở xử lý triệt để ổ dịch, kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh lây lan diện rộng.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 10 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 198,1 nghìn ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 79,2 triệu cây, giảm 1,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt gần 13,5 triệu m³, tăng 1,4%; sản lượng củi khai thác đạt 15,8 triệu ste, giảm 0,5%.

c) Thủy sản

Trong tháng Mười, bão, áp thấp và lũ lụt tại các tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng tới nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi thủy sản lồng bè và khai thác thủy sản biển. Sản lượng thủy sản trong tháng ước tính

đạt 786,9 nghìn tấn, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 561,9 nghìn tấn, giảm 1,4%; tôm đạt 120,3 nghìn tấn, tăng 0,5%; thủy sản khác đạt 104,7 nghìn tấn, giảm 0,9%.

Sản lượng thủy sản 10 tháng năm 2020 ước tính đạt 6.914,6 nghìn tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.690,2 nghìn tấn, tăng 0,9%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.224,4 nghìn tấn, tăng 1,7% (sản lượng khai thác biển đạt 3.067,2 nghìn tấn, tăng 1,8%).

2. Sản xuất công nghiệp

Trước tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, các lĩnh vực của nền kinh tế đang bước vào trạng thái hoạt động trong điều kiện bình thường mới, sản xuất công nghiệp tháng 10/2020 tiếp tục khởi sắc, đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo với mức tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

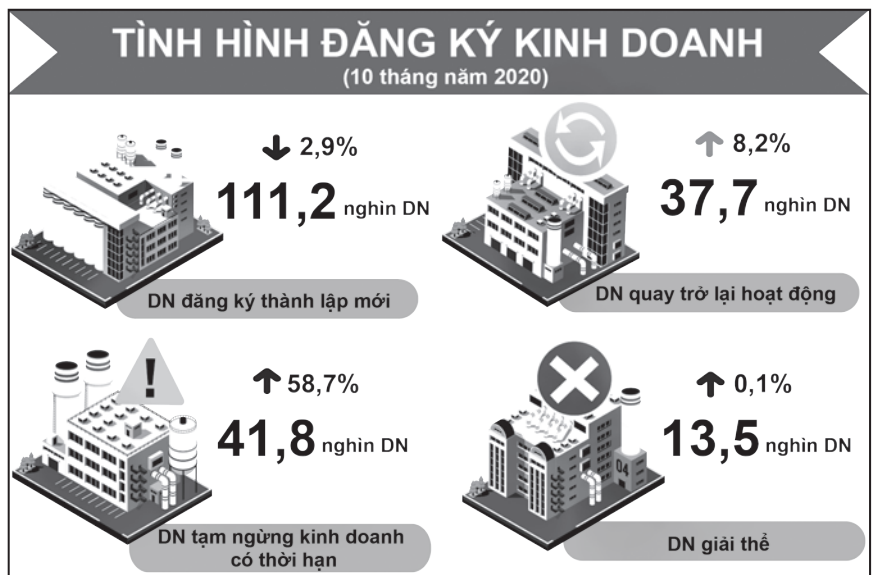
Tuy nhiên, tính chung 10 tháng năm 2020, IIP ước tính tăng 2,7%

so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,5% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 4,2% (cùng kỳ năm 2019 tăng 10,8%), ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,2%, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,1%, riêng ngành khai khoáng giảm 8,1%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2020 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 2% so với cùng thời điểm năm trước.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 10/2020 khởi sắc so với tháng trước. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 10/2020 tăng 18,4% so với tháng 9/2020, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 10,4%. Tính chung 10 tháng năm 2020, cả nước có gần 111,2 nghìn doanh nghiệp



thành lập mới, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước, quy mô vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 14,3 tỷ đồng, tăng 14,4%.

4. Đầu tư

Tính chung 10 tháng năm 2020, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 354,6 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% kế hoạch năm và tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 bằng 68,8% và tăng 6,7%), cụ thể: Vốn Trung ương quản lý đạt 62,1 nghìn tỷ đồng, bằng 67,7% kế hoạch năm và tăng 67,8%; Vốn địa phương quản lý đạt 292,5 nghìn tỷ đồng, bằng 70,3% kế hoạch năm và tăng 29%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/10/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 23,5 tỷ USD, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 10 tháng đạt 478,3 triệu USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2020 ước tính đạt 1.018,6 nghìn tỷ đồng, bằng 67,4% dự toán năm. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2020 ước tính đạt 1.183,3 nghìn tỷ đồng, bằng 67,7% dự toán năm.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động thương mại và dịch vụ tháng Mười tiếp tục xu hướng tăng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2020 tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 6,1% so với

cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1,3%.

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Mặc dù dịch Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn tiếp tục giữ mức tăng dương. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2020 ước tính đạt 439,82 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 229,27 tỷ USD, tăng 4,7%; nhập khẩu đạt 210,55 tỷ USD, tăng 0,4%. Cán cân thương mại hàng hóa 10 tháng năm 2020 ước tính xuất siêu kỷ lục 18,72 tỷ USD.

c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2020 cùng mức tăng 0,09% so với tháng trước và so với tháng 12 năm trước - đều là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020, chủ yếu do giá dịch vụ giáo dục được điều chỉnh tăng theo lộ trình nhằm tiệm cận với giá thị trường và ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt tại các tỉnh miền Trung. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2020 tăng 3,71% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cơ bản tháng 10/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 1,88% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 10 tháng năm 2020 tăng 2,52% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 10/2020 giảm 1,1% so với tháng trước; tăng 30,91% so với tháng 12/2019 và tăng 29,63% so với cùng kỳ năm trước.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động vận tải tháng 10/2020 tiếp tục tăng so với tháng trước với mức tăng 2,9%

về lượng hành khách vận chuyển và 3,7% về lượng hàng hóa vận chuyển, trong đó ngành hàng không ghi nhận sự phục hồi tích cực về sản lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa với mức tăng lần lượt là 25,1% và 21,8% do các hãng hàng không khôi phục lại các đường bay nội địa và một số đường bay thương mại quốc tế. Tuy nhiên, tính chung 10 tháng năm 2020, vận chuyển hành khách vẫn giảm 29,7% và vận chuyển hàng hóa giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2019.

e) Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười đạt 14,8 nghìn lượt người, tăng 7,6% so với tháng trước nhưng giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam. Tính chung 10 tháng năm 2020, khách quốc tế đến nước ta đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 73,8% so với cùng kỳ năm trước.

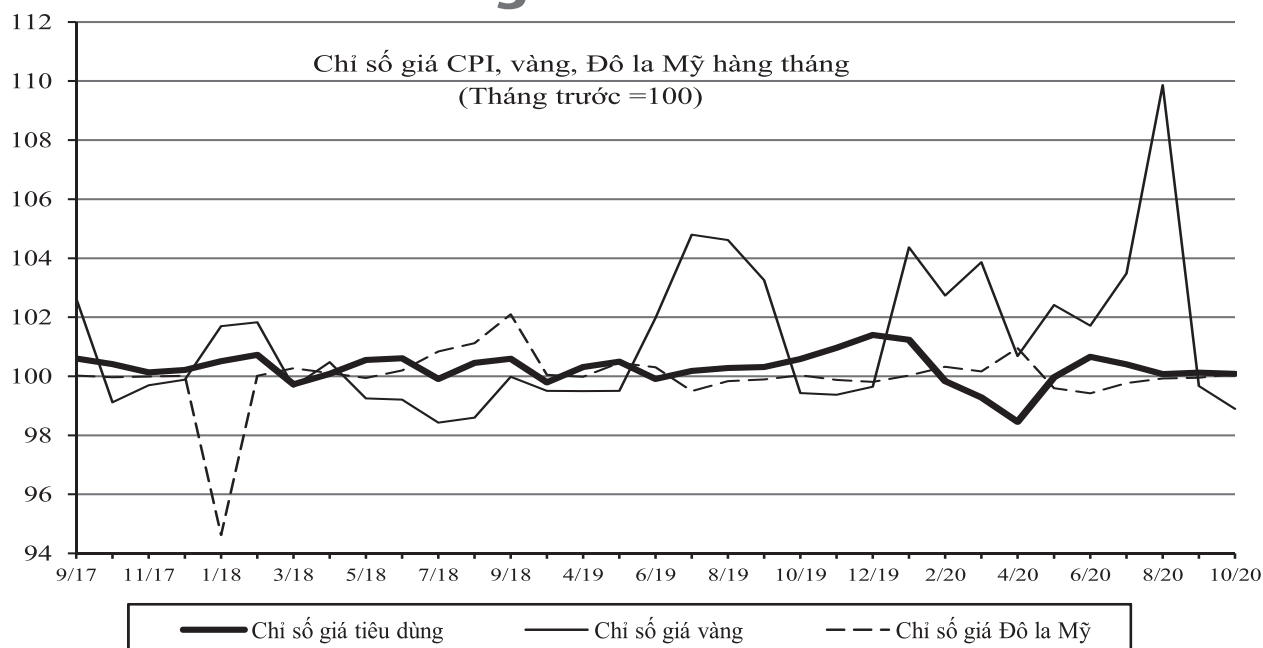
7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Trong tháng Mười, đời sống dân cư nhìn chung ổn định, thiếu đói không phát sinh trên phạm vi cả nước. Tính chung 10 tháng năm nay, cả nước có 16,5 nghìn lượt hộ thiếu đói, tương ứng với 66,5 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 75,7% về số lượt hộ thiếu đói và giảm 75,9% về số lượt nhân khẩu thiếu đói so với cùng kỳ năm trước. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 733,6 tấn gạo.

(Xem tiếp trang 26)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 10 năm 2020



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 10 NĂM 2020 SO VỚI				Mười tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 10 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 9 năm 2020	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	103,11	102,47	100,09	100,09	103,71
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,82	109,50	103,06	99,87	111,09
1- Lương thực	104,43	105,74	104,99	100,16	104,20
2- Thực phẩm	110,29	111,21	102,30	99,72	114,00
3- Ăn uống ngoài gia đình	107,15	107,28	104,11	100,09	107,52
II. Đồ uống và thuốc lá	101,90	101,39	100,94	100,08	101,56
III. May mặc, mũ nón, giày dép	101,49	100,53	100,08	100,06	100,84
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	102,36	100,70	100,15	100,29	102,07
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,66	100,88	100,64	100,00	101,22
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	102,25	100,57	100,50	100,01	102,48
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,40	100,39	100,36	100,00	102,81
VII. Giao thông	89,87	86,51	86,62	99,92	89,06
VIII. Bưu chính viễn thông	98,85	99,47	99,65	99,97	99,42
IX. Giáo dục	106,75	103,85	103,79	101,35	104,14
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,28	104,19	104,14	101,52	104,35
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	99,09	97,84	97,72	99,82	98,99
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	103,68	102,27	101,86	100,09	103,04
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	138,49	129,63	130,91	98,90	127,42
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,91	99,87	100,19	100,07	99,99

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

HIỆN THỰC HÓA ƯỚC MƠ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VIỆT TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

TS. Hoàng Thị Thu Thủy
Học viện Chính trị khu vực III

Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang tích cực xây dựng, phát triển thương hiệu của mình trên thị trường trong và ngoài nước. Những quả ngọt mà các doanh nghiệp gặt hái được trên các bảng xếp hạng toàn cầu là động lực để họ tiếp tục hiện thực hóa ước mơ phát triển thương hiệu toàn cầu.



Thương hiệu đã và sẽ luôn là nòng cốt cho sự phát triển thành công của các doanh nghiệp, quốc gia cũng như góp phần nâng cao văn minh thương mại trong việc cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, đặc biệt trong nền kinh tế có độ mở lớn như hiện nay. Với vai trò quan trọng đó, xây dựng thương hiệu đã nhận được sự quan tâm lớn của Chính phủ thể hiện qua việc khởi động Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam (Vietnam Value) từ năm 2003. Đây là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn và duy nhất của Chính phủ nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển các thương hiệu mạnh trong nền kinh tế, để từ đó

quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam, đồng thời tạo dựng uy tín và nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt trên thị trường trong nước và quốc tế.

Cùng với đó, năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và Quyết định số 1320/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030, giúp nâng cao thể mạnh của Thương hiệu quốc gia Việt Nam, tạo một chiến lược quảng bá đồng bộ, nhất quán và chuyên nghiệp về thương hiệu Việt Nam trên thị trường thế giới.

Qua gần 20 năm thực hiện, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã tôn vinh nhiều thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp tiêu biểu và hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển thương hiệu. Số lượng các doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia (THQG) tăng dần qua các năm. Tính đến năm 2018, đã có tới 97 doanh nghiệp đạt THQG. Mặc dù con số trên còn khá khiêm tốn trong tổng số doanh nghiệp

trên cả nước hiện nay, tuy nhiên điều đó đã cho thấy sự tiến bộ về năng lực của các doanh nghiệp Việt Nam, sự quan tâm ngày càng cao của doanh nghiệp đối với Chương trình cũng như uy tín của Chương trình đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Năm 2020, cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam phải căng mình phòng, chống dịch bệnh Covid-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu của hầu hết doanh nghiệp trong nước chịu tác động tiêu cực. Trước bối cảnh đó, Bộ Công Thương với vai trò là cơ quan quản lý Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã có nhiều biện pháp thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xây dựng, phát triển, quảng bá thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài nước. Cụ thể, Bộ đã phối hợp với các bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và các doanh nghiệp, sản phẩm đạt THQG trên các phương tiện truyền thông trong nước và quốc tế, nhất là

tại các địa bàn xuất khẩu chủ lực. Đồng thời phối hợp với các tổ chức xúc tiến thương mại quốc tế như Cơ quan Xúc tiến Phát triển Ngoại thương Tứ Xuyên, Trung Quốc (CCPIT Tứ Xuyên), Sở Thương mại Quảng Tây... tổ chức Hội nghị giao thương quốc tế trực tuyến nhằm giúp các doanh nghiệp kết nối với các khách hàng tiềm năng, trao đổi trực tiếp với các khách hàng trên nền tảng thương mại điện tử.

Bên cạnh đó, Bộ Công thương tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp với các nhà phân phối lớn trong nước với mục đích vừa hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong xuất khẩu hàng hóa, vừa cung ứng hàng hóa đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân trong thời gian dịch bệnh bùng phát. Bộ cũng hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu, xây dựng và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, đáp ứng quy định, tiêu chuẩn theo đúng thông lệ quốc tế để kịp thời ứng phó với phương án chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường mới. Ngoài ra, thực hiện các hoạt động tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực nghiên cứu thị trường; thiết kế bao bì, sản phẩm và hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế...

Sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành là điều kiện thuận lợi lớn, song các doanh nghiệp cũng luôn xác định việc xây dựng, phát triển thương hiệu ngoài sự hỗ trợ của các Bộ, ngành còn phụ thuộc chủ yếu vào chính sự nỗ lực các doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, từ đầu năm 2020 đến nay, dù đang phải đương đầu với

vô vàn khó khăn, thách thức do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, song “trong cái khó ló cái khôn”, không ít doanh nghiệp đã nhanh nhạy, sáng tạo, biến thách thức thành cơ hội, để tiếp tục khẳng định thương hiệu của mình. Ví dụ như VNPT phát triển và cung cấp ứng dụng học từ xa E-Learning cho gần 12 nghìn trường học trên toàn quốc với hơn 400 nghìn tài khoản giáo viên, hơn 5 triệu tài khoản học sinh. Hay như trong lĩnh vực dệt may, Vinatex, TNG, Mollis... đã tìm được cơ hội khẳng định thương hiệu tại thị trường trong nước với sản phẩm khẩu trang vải kháng khuẩn, khăn kháng khuẩn... Không những vậy, nhiều doanh nghiệp dệt may còn nắm bắt cơ hội xuất khẩu mặt hàng khẩu trang ra khắp thế giới, trong đó có những thị trường quan trọng như Mỹ và Liên hiệp châu Âu (EU)... Đền đáp cho những nỗ lực của các doanh nghiệp trong thời gian qua chính là sự tăng lên về giá trị thương hiệu và niềm tin của người tiêu dùng.

Theo danh sách 50 thương hiệu dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam năm 2020 được Forbes Việt Nam công bố vào tháng 8 vừa qua, tổng giá trị thương hiệu của danh sách năm 2020 đạt hơn 12,6 tỉ USD, tăng 22% so với danh sách thương hiệu năm 2019. Trong đó, 10 thương hiệu dẫn đầu có tổng giá trị hơn 8,1 tỉ USD, chiếm hơn 60% tổng giá trị của danh sách, bao gồm các tên tuổi quen thuộc như: Viettel, Vinamilk, VNPT, Sabeco, Vinhomes, MobiFone, Masan Consumer, Vietcombank, FPT và Vincom Retail. Hai thương hiệu có giá trị vượt trội trong danh sách này là Viettel với giá trị thương hiệu hơn 2,9 tỉ USD và Vinamilk với hơn 2,4 tỉ USD.

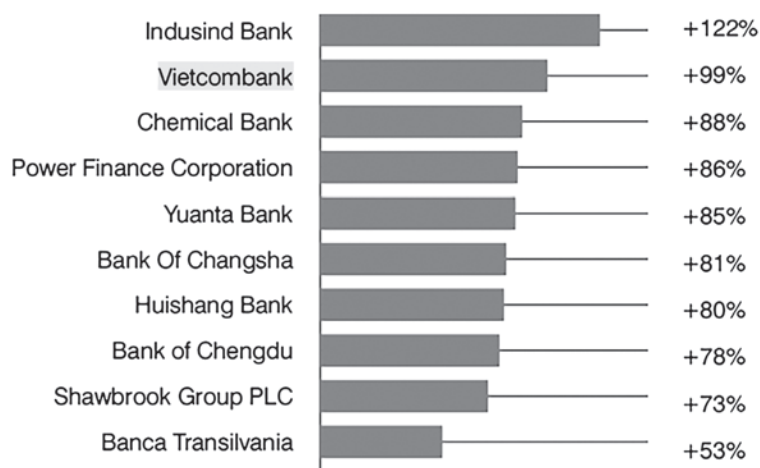
Không chỉ tạo được chỗ đứng trên thị trường nội địa, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã đưa thương hiệu của mình vươn xa trên thị trường quốc tế. Trong 97 doanh nghiệp đạt THQG năm 2018 có rất nhiều doanh nghiệp có thương hiệu sản phẩm tốt ở khu vực và trên thế giới như: Công ty cổ phần ô tô Trường Hải (Thaco) đang vươn dần lên vị trí hàng đầu trong khu vực ASEAN; Công ty TNHH nhà nước một thành viên yếm sào Khánh Hòa đứng đầu khu vực châu Á về sản lượng khai thác yến; Công ty cổ phần Vicostone là một trong 4 công ty sản xuất kinh doanh đá thạch anh lớn nhất trên thế giới; Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk), doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu sữa tới 43 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới...

Dù phải đương đầu với dịch bệnh những tháng đầu năm, thế nhưng các doanh nghiệp Việt Nam liên tục đón nhận những tin vui mới. 4 thương hiệu lớn nhất của Việt Nam là VNPT, VinaPhone, Viettel, MobiFone lọt top 150 nhà mạng viễn thông có giá trị thương hiệu lớn nhất năm 2020 (Telecoms 150-2020) do Brand Finance (tổ chức chuyên đánh giá, xếp hạng thương hiệu độc lập và có uy tín hàng đầu trên thế giới) công bố vào tháng 4/2020. Trong đó 2 thương hiệu VNPT và VinaPhone có mức tăng hạng mạnh nhất. Cụ thể, VNPT có tốc độ tăng giá trị thương hiệu ấn tượng là 42% và đạt con số 2,4 tỉ USD, nhờ đó đã từ vị trí 72 năm 2019 đã vươn lên vị trí 55 (tăng 17 bậc) năm 2020. Bên cạnh đó, thương hiệu VinaPhone cũng tăng từ vị trí 119 lên 106 (tăng 13 bậc) trong top 150 nhà mạng viễn thông có giá trị thương hiệu lớn nhất năm 2020; giá trị thương hiệu tăng 36,4% so với năm 2019. Theo đánh giá của Brand Finance,

thương hiệu VNPT và VinaPhone tăng bậc trong bảng xếp hạng top 150 nhà mạng viễn thông có giá trị thương hiệu lớn nhất năm 2020 là nhờ các điểm chính: (i) Kết quả kinh doanh của VNPT và VinaPhone trong năm 2019 tăng trưởng rất mạnh. (ii) VNPT và VinaPhone đang thay đổi chiến lược chuyển từ một nhà cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống sang trở thành nhà cung cấp dịch vụ với những bước chuyển đổi số mạnh mẽ; (iii) VNPT đã tăng cường đầu tư mạng viễn thông 4G và chuẩn bị cho mạng 5G cũng như đầu tư nâng cấp chất lượng mạng Internet băng rộng cố định.

Cùng với các doanh nghiệp viễn thông, ngành ngân hàng Việt Nam cũng tạo được tiếng vang khi có tới 9 ngân hàng là Vietcombank, BIDV, VietinBank, VPBank, Agribank, Techcombank, MBBank, ACB, Sacombank góp mặt trong bảng xếp hạng 500 thương hiệu ngân hàng (Brand Finance Banking 500) lớn nhất toàn cầu 2020 của Brand Finance. Theo phân tích của hãng này, trong khi khu vực châu Âu sụt giảm trong bảng xếp hạng, nhóm châu Á tăng chủ yếu nhờ giá trị thương hiệu của Việt Nam tăng ấn tượng với 146% so năm trước. Trong đó, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tăng 99%, đạt 0,8 tỷ USD, mức tăng trưởng cao thứ 2 tính theo tỷ lệ phần trăm trên toàn cầu, giúp thứ hạng của ngân hàng này tăng mạnh từ vị trí 325 (năm 2019) lên vị trí 207 (năm 2020) trong bảng xếp hạng Brand Finance Banking 500.

Brand Value Change 2020-2019 (%)



Nguồn: Brand Finance

Vietcombank cũng đồng thời giữ vị trí dẫn đầu trong số các công ty Việt Nam được vinh dự chọn vào Bảng xếp hạng "The World's Largest Public Companies 2020" của Forbes với thứ hạng 937, tăng tới 159 bậc so với năm 2019 và là đại diện duy nhất tại Việt Nam có mặt trong Top 1.000 Doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu do tạp chí Forbes bình chọn.

Những vị trí đạt được của doanh nghiệp Việt Nam trên các bảng thứ hạng toàn cầu là động lực để các doanh nghiệp khác trong nước không ngừng tạo dựng và phát triển thương hiệu, đồng thời góp phần cải thiện thứ hạng của Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Theo Bảng xếp hạng 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới năm 2018

của Brand Finance, thương hiệu "Vietnam" được định giá 235 tỷ USD, xếp thứ 43 thế giới và nằm trong nhóm thương hiệu mạnh. Năm 2019, Thương hiệu quốc gia Việt Nam được định giá 247 tỷ USD, tăng 12 tỷ USD, tương ứng 5,4% so với năm trước đó và xếp hạng thứ 42.

Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận, so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường quốc tế, doanh nghiệp Việt Nam vẫn có một số điểm yếu, cản trở việc xây dựng thương hiệu của sản phẩm và doanh nghiệp, gián tiếp làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế. Hiện vẫn còn nhiều doanh nghiệp chủ yếu xuất khẩu sản phẩm thô, có hàm lượng giá trị gia tăng thấp, giá trị xuất khẩu không cao, do đó hạn chế trong tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Thứ hai là chất lượng sản phẩm xuất khẩu không đồng đều, ổn định, chưa đáp ứng yêu cầu khắt khe của các thị trường cao cấp, thậm chí một số sản phẩm bị cấm xuất khẩu vào một số thị trường phát triển vì không đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng.

Xác định thế mạnh thương hiệu quốc gia chính là bệ đỡ để các doanh nghiệp đưa thương hiệu ra thế giới, trong giai đoạn 2020-2030, Chương trình Thương hiệu quốc gia Đặt mục tiêu mỗi năm tăng 10% số lượng doanh nghiệp được vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới; 90% số lượng doanh nghiệp trên cả nước có nhận thức về vai trò của thương hiệu trong sản xuất, kinh doanh, đầu tư; 100% sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam được quảng bá trong nước

và tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm; xây dựng hình ảnh Việt Nam là một quốc gia có uy tín về hàng hóa và dịch vụ với chất lượng cao, tăng niềm tự hào và sức hấp dẫn của đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển ngoại thương và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Để đạt được mục tiêu này, Chương trình sẽ tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu Việt Nam gắn với các giá trị tích cực, nổi trội của thương hiệu sản phẩm, thực hiện đồng bộ với chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ. Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ có những hành động cụ thể, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, đáp ứng hệ thống tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam; xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu; đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông cho chương trình ở trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước là chưa đủ, quan trọng hơn, các doanh nghiệp Việt Nam cần chú trọng tiếp tục nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ hơn nữa, đồng thời, cần xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, cải thiện chất lượng dịch vụ tại tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ, tiếp tục nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm. Đây là những yếu tố quan trọng sẽ quyết định chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường trong nước, từ đó làm nền móng vững chắc, tạo sức bật giúp thương hiệu của doanh nghiệp tiếp tục vươn ra thế giới./.



Điện hạt nhân trên thế giới VÀ ĐỀ XUẤT TẠI VIỆT NAM

Duy Hưng

Mặc dù còn tồn tại một số ý kiến trái chiều xung quanh vấn đề phát triển điện hạt nhân cả trong nước và trên thế giới, tuy nhiên không thể phủ nhận những đóng góp của điện hạt nhân đối với sự phát triển của nhiều quốc gia. Đặc biệt tại một số quốc gia phát triển như Pháp, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Ukraina, Thụy Điển..., điện hạt nhân chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu nguồn phát điện. Qua sự phát triển thành công của các quốc gia đi trước, Việt Nam có thể cân nhắc về một nguồn cung năng lượng mới và có kế hoạch chuẩn bị các phương án dự phòng để đảm bảo nguồn cung điện cho phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai xa.

Điện hạt nhân - bài toán năng lượng sạch tại các quốc gia phát triển

Do yêu cầu về phục vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống và sản xuất, phát triển kinh tế, không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới, nhu cầu sử dụng điện luôn có xu hướng gia tăng qua mỗi năm. Trong năm 2020 và có thể kéo dài đến 1,2 năm nữa, tác động mạnh của dịch Covid-19 đã làm đình trệ nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh khiến cho nhu cầu về điện giảm ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, các chuyên gia dự báo nhu cầu này vẫn có xu hướng tăng trở lại trong thời gian tới khi thế giới có thể khống chế đại dịch, các hoạt động sản xuất kinh doanh quay trở lại trạng thái bình thường. Trong khi đó, tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, việc khai thác các nguồn năng lượng truyền thống để sản xuất điện trong nhiều năm qua đã, đang phải đối mặt với những cảnh báo về sự cạn kiệt tài nguyên và đặt ra những yêu cầu mới về loại hình năng lượng thay thế.

Khác với nhiệt điện than cần đốt lượng lớn nguyên liệu, thủy điện cần tích trữ nước hay năng lượng tái tạo phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, điện hạt nhân được tạo ra do phản ứng phân hạch dẫn đến sinh nhiệt mà không có chất nào bị đốt cháy. Điều đáng nói là trong quá trình sản xuất điện hạt nhân, lượng khí CO₂ thải ra tính trên đơn vị 1 kWh điện rất thấp. Theo các chuyên gia năng lượng hạt nhân trên thế giới, các phản ứng hạt nhân giải phóng một nguồn năng lượng rất lớn chỉ từ một lượng Uranium rất nhỏ. Cụ thể, năng lượng giải phóng từ 1 gam Uranium được cho là tương đương với việc đốt 1 tấn dầu và lượng khí thải CO₂ trên 1 đơn vị kWh tính cho cả một chu kỳ sản xuất điện hạt nhân chỉ có 6 gam. Con số phát thải CO₂ này ở điện gió (tính cả xây dựng và lắp đặt) là 10 gam/kWh; điện mặt trời (tính cả sản xuất và lắp đặt) là 50 gam/kWh; trong các nhà máy nhiệt điện khí hiện đại nhất là 400 gam/kWh; nhiệt điện than thải 800 gam CO₂ để sản xuất ra 1 kWh đối với các nhà máy hiện tại, còn với các nhà máy được trang bị ở mức trung bình, con số lên tới 1.000 gam/kWh. Do đó, các chuyên gia tính toán điện hạt nhân được cho là nguồn phát điện phù hợp, có tính kinh tế và đặc biệt là thân thiện với môi trường.

Theo Hệ thống thông tin lò phản ứng điện (PRIS) được phát triển và duy trì bởi Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA), tính đến thời điểm 22/9/2020, toàn thế giới có 442 lò phản ứng điện hạt nhân đang vận hành với tổng công suất lắp đặt trên 391,6 nghìn MW; 53 lò phản ứng điện hạt nhân đang được xây dựng với tổng công suất lắp đặt 56,2 nghìn MW.

Tính theo khu vực, Bắc Mỹ, Tây Âu, viễn Đông của châu Á, Trung và Đông Âu lần lượt là những khu vực phát triển mạnh điện hạt nhân với 404 lò phản ứng đang hoạt động có công suất điện ròng đạt 374,9 nghìn MW, chiếm trên 90% tổng số lò phản ứng hạt nhân và 95,7% tổng công suất điện ròng của toàn thế giới. Khu vực châu Phi chỉ có 2 lò phản ứng, châu Mỹ La tinh có 7 lò phản ứng, khu vực Trung Đông và Nam châu Á có 29 lò phản ứng.

Mỹ là một trong số ít quốc gia làm chủ công nghệ nguồn, có thể xuất khẩu công nghệ hạt nhân và cũng là quốc gia đứng đầu thế giới về số lượng lò phản ứng điện hạt nhân đang vận hành với 95 lò có công suất điện ròng tương ứng đạt 97,15 nghìn MW; chủ yếu là các lò phản ứng nước áp lực và lò phản ứng nước sôi đang phổ biến. Nguồn điện hạt nhân của Mỹ cung cấp khoảng 20% điện năng sinh hoạt và sản xuất cho đất nước trên 300 triệu dân với nền kinh tế hàng đầu thế giới. Đây là một con số không hề nhỏ cho thấy những đóng góp của điện hạt nhân đối với cường quốc này. Theo Tạp chí Time (một Tạp chí quốc tế uy tín của Mỹ), với tham vọng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân có khả năng vận hành trên Mặt Trăng và sao Hỏa, Phòng thí nghiệm Quốc gia Idaho cùng Bộ Năng lượng và Cơ quan hàng không vũ trụ Mỹ (NASA) sẽ cùng nhau đánh giá, thẩm định ý tưởng này. Thậm chí Mỹ đã công bố dự án xây dựng lò phản ứng điện hạt nhân sử dụng nguyên liệu là chính chất thải hạt nhân; còn trước mắt, Phòng thí nghiệm Idaho đã cho ra đời một số lò phản ứng siêu nhỏ và có cả lò có thể hoạt động mà không cần nước làm mát.

Pháp là quốc gia có số lượng nhiều thứ 2 thế giới với 53 lò phản ứng điện hạt nhân với công suất ròng đạt 61,3 nghìn MW đã, đang sử dụng điện hạt nhân là nguồn cung chủ yếu, chiếm tới 70,6% tổng sản lượng điện quốc gia.

Việc nên hay không nên sử dụng nguồn điện từ phát triển hạt nhân vẫn tồn tại hai luồng ý kiến trái chiều và có ý kiến cho rằng thời gian gần đây, nhiều quốc gia châu Âu đã đóng cửa nhiều nhà máy điện hạt nhân. Tuy nhiên, những nhà máy đóng cửa hầu hết là những nhà máy điện hạt nhân được xây dựng từ thập niên 60,70, đã hết hiệu năng sử dụng. Trong khi đó, nhiều quốc gia đang có chủ trương xây mới các nhà máy điện hạt nhân. Trung Quốc đang đứng thứ 3 về số lượng lò phản ứng điện hạt nhân (49 lò); dù vậy, với tham vọng vượt qua Mỹ và Pháp, quốc gia này đang có xu hướng gia tăng nguồn điện hạt nhân. Hiện Trung Quốc đang là quốc gia dẫn đầu số lượng lò phản ứng điện hạt nhân đang xây mới với 10 lò. Ấn Độ đứng thứ 2 về số lò điện hạt nhân đang xây mới với 7 lò. Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc... cũng là những quốc gia tham gia mạnh mẽ vào việc xây dựng và xuất khẩu các công nghệ lò hạt nhân. Một số quốc gia có ít hoặc không có năng lực điện hạt nhân hiện đang xem công nghệ này là một lựa chọn khả thi để tăng tính độc lập và đa dạng hóa nguồn cung năng lượng trong đó có Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Ả Rập Xê Út, Belarus.

Điện hạt nhân có khả thi tại Việt Nam

Tại Việt Nam, ngày 25/11/2009 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 41/2009/QH12 về chủ trương đầu tư Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận với tổng mức đầu tư dự toán khoảng 200 nghìn tỷ đồng (theo thời giá lập dự toán năm 2008).

Theo đó, Việt Nam dự định xây dựng 2 nhà máy có tổng công suất trên 4.000 MW sử dụng công nghệ lò nước nhẹ cải tiến, thế hệ lò hiện đại nhất đã được kiểm chứng, dự định sẽ đưa tổ máy thứ nhất vận hành vào năm 2020. Công nghệ dự định xây dựng và sử dụng cho hai nhà máy điện hạt nhân được chuyển giao từ Nga và Nhật Bản, hai quốc gia hàng đầu về công nghệ điện hạt nhân.

Tuy nhiên, dự án xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận đã được Quốc hội bỏ phiếu thông qua Nghị quyết dừng vào năm 2016 trên cơ sở xem xét, cân nhắc rất kỹ lưỡng điều kiện kinh tế của Việt Nam tại thời điểm đó. Cụ thể theo Văn phòng Chính phủ, tình hình phát triển kinh tế vĩ mô của Việt Nam tại thời điểm năm 2016 có nhiều thay đổi so với thời điểm quyết định chủ trương đầu tư dự án năm 2009. Đó đó, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ là xem xét lại các dự án ưu tiên để quyết định, triển khai cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội là tập trung dồn nguồn lực để triển khai các dự án trọng điểm quốc gia, chú trọng

đầu tư phát triển các dự án cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại có mức độ ưu tiên.

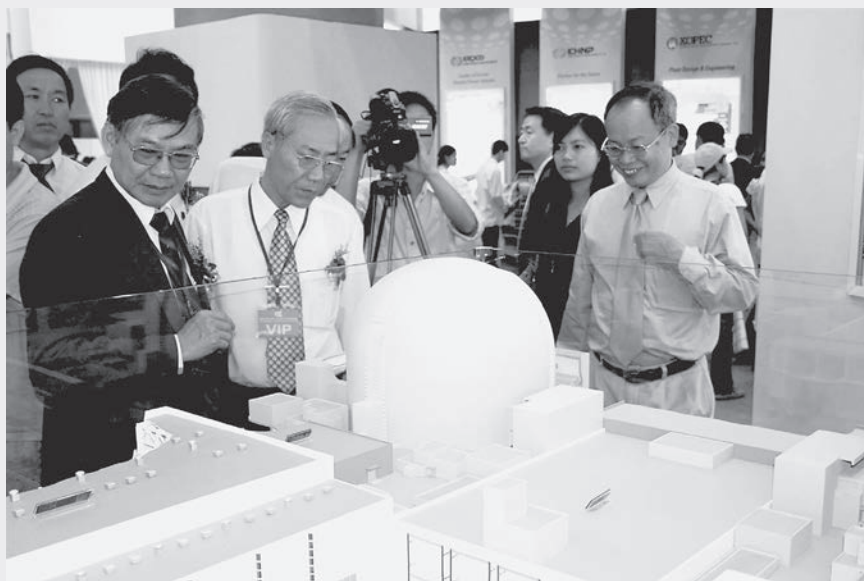
Những năm gần đây, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn ở mức cao so với khu vực và thế giới, điều đó cũng đòi hỏi nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao để phục vụ sản xuất và mức sống ngày một tăng của người dân. Thủy điện và nhiệt điện than đang chiếm tỷ trọng lớn trong việc cung cấp điện lưới quốc gia nhưng Việt Nam đã hết dư địa khai thác thủy điện, thậm chí đang đối mặt với các vấn đề về an ninh nguồn nước. Còn nhiệt điện than đang bị hạn chế do ô nhiễm môi trường, bụi mịn PM2.5 và các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, chống biến đổi khí hậu. Các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, địa nhiệt...) đang được Việt Nam triển khai mạnh mẽ nhưng tính ổn định không cao, phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Khắc phục được các hạn chế nêu trên, điện hạt nhân vẫn được đánh giá có tiềm năng để trở thành một nguồn cung mới vào lưới điện quốc gia Việt Nam.

Tính khả thi của việc xây dựng nhà máy điện hạt nhân tại Việt Nam được các chuyên gia đánh giá

dựa trên các ưu điểm như: Đa dạng hóa nguồn năng lượng, góp phần đáp ứng nhu cầu điện năng của đất nước, giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu hóa thạch, giá cả cạnh tranh với các nguồn điện sử dụng nhiên liệu nhập khẩu; Góp phần giảm phát thải, ứng phó biến đổi khí hậu, hạn chế khai thác tài nguyên hóa thạch; Góp phần nâng cao vị thế Việt Nam khi từng bước làm chủ được công nghệ hạt nhân...

Với mức độ ổn định tương đương thủy điện và nhiệt điện than, giá thành rẻ hơn điện than nhập và điện khí hóa lỏng (LNG) và ưu điểm thân thiện môi trường, điện hạt nhân hội tụ đủ khả năng để Việt Nam cân nhắc sử dụng như nguồn năng lượng tiềm năng trong tương lai.

Tại dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (dự thảo Quy hoạch điện VIII) do Bộ Công thương và Viện năng lượng xây dựng, việc tái khởi động lại dự án điện hạt nhân cũng được đưa ra để xem xét cho giai đoạn sau năm 2030 nhằm góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cũng như đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính. Theo các chuyên gia, việc phát triển một nguồn năng lượng, đặc biệt là với năng lượng hạt nhân cần một khoảng thời gian khá dài để đảm bảo các tính toán, đánh giá kỹ lưỡng và vấn đề an toàn được đặt lên hàng đầu. Mặc dù là công việc không hề dễ dàng với sự thay đổi và phát triển công nghệ từng ngày của thế giới, nhưng việc dự báo gần sát các nhu cầu và xu hướng trong tương lai là điều thực sự cần thiết để Việt Nam có thể lên các kế hoạch lâu dài, đảm bảo nguồn cung điện cho sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế./





HỆ THỐNG LOGISTICS

TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN

VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

PGS. TS. Nguyễn Quang Hồng
Học viện Chính trị khu vực I

Với tầm quan trọng của logistics trong phát triển kinh tế đất nước, những năm gần đây Hệ thống Logistics Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT) được đặc biệt chú ý và quan tâm phát triển. Ngoài các chính sách của Trung ương, các địa phương trong Vùng đã có kế hoạch triển khai với những chính sách cụ thể. Tuy là chưa đầy đủ và đồng bộ nhưng đã tạo được cơ sở pháp lý nhất định để điều chỉnh hoạt động và phát triển hệ thống logistics ở Vùng KTTĐMT hiện nay.

Hệ thống doanh nghiệp logistics

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và hệ thống logistics vùng KTTĐMT ngày một phát triển, tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng số doanh nghiệp (DN) hoạt động, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển KTXH của từng địa phương và cả Vùng. Nếu năm 2010 số lượng các DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics KVKTTĐMT có trên 8,9 nghìn DN (chiếm trên 6,8% tổng số DN có hoạt động logistics cả nước), thì đến năm 2015 đã tăng lên 10,5 nghìn DN, tăng 17% so 2010 và chiếm 5,01% so cả nước; Đến năm 2018, số DN logistics KVKTTĐMT đã đạt trên 14,4 nghìn DN, tăng 37% so năm 2010 và chiếm khoảng 4,6% so cả nước. Mặc dù chiếm tỷ lệ không cao so với số DN logistics cả nước, song DN logistics tích KVKTTĐMT đã có sự phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng.

Bảng 1: Số doanh nghiệp logistics vùng KTTĐMT đang hoạt động thời điểm 31/12 hàng năm từ 2010-2018
Đơn vị: doanh nghiệp

Địa phương \ Năm	Năm				
	2010	2015	2016	2017	2018
Cả nước	131.595	209.786	241.767	284.059	315.613
Thừa Thiên Huế	2.104	1.245	1.388	1.846	1.511
Đà Nẵng	3.694	4.919	5.774	6.259	6.459
Quảng Nam	804	1.418	1.716	1.855	2.056
Quảng Ngãi	1.046	1.140	1.125	1.598	1.791
Bình Định	1.309	1.795	1.976	2.233	2.602
Tổng cộng vùng KTTĐMT	8.957	10.517	11.979	13.431	14.419
% so với cả nước	6,81	5,01	4,95	4,73	4,6

Nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh Vùng KTTĐMT, 2018

Nguồn nhân lực logistics

Sự lớn mạnh của DN logistics KVTĐKTMT còn thể hiện ở sự gia tăng về số lao động. Nếu như năm 2011, số lao động trong DN logistics

KVTĐKTMT mới đạt trên 87,7 nghìn người thì năm 2015 đã tăng lên 104 nghìn người, tăng 18,5% so năm 2011; năm 2018 là 133.5 nghìn lao động, tăng 28% so năm 2015. Trong đó 63% lao động tập trung ở lĩnh vực bán buôn, bán lẻ và vận tải, kho bãi.

Bảng 2: Nguồn nhân lực logistics Vùng KTTĐMT

Đơn vị: Lao động

Năm	Ngành	Bán buôn, bán lẻ...	Vận tải, kho bãi	Thông tin và truyền thông
2011		66.412	17608	3734
2015		70.217	29748	4074
2016		76.317	31826	5338
2017		83.360	38.913	5.976
2018		84.196	42.991	6.359
2019		86.787	45.657	6.762

Nguồn: Đề tài KX01.29/16-20 tính toán theo số liệu của NGTK các tỉnh.

Theo số liệu thống kê năm 2018, tổng vốn đầu tư vào lĩnh vực logistics KVTĐKTMT gần 26,7 nghìn tỷ đồng; thu hút trên 130 nghìn lao động, đóng góp khoảng 17% trong GRDP toàn vùng... cho thấy logistics đang đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy kinh tế KVKTTĐMT.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về logistics của các tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2018 (Phân theo địa phương)

	Thừa Thiên - Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định
Dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm (Tỷ đồng)	7.243,2	19.370,0	10.148,2	7.120,2	10.606,3
Tỷ lệ DV logistics trong GRDP (%)	20,0	21,52	11,0	9,32	15,11
Vốn đầu tư vào lĩnh vực logistics (Tỷ đồng)	5.988,3	8.046,4	3.916,3	4.032,9	4.695,0
Tổng số lao động trong DN logistics (Người)	15.963	61.640	15.508	14.747	22.691
Vốn SXKD bình quân của DN logistics (Tỷ đồng)	14,486	65,327	17,363	15,639	24,891
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải (Tỷ đồng)	2.568	20.391	3.771	3.912	6.021
Khối lượng hàng hóa vận chuyển (Nghìn tấn)	11.009	41.693	17.050	12.799	20.035
Doanh thu thuần SXKD của các DN logistics (Tỷ đồng)	22.689	126.571	83.348	28.354	50.686

Nguồn: Niên giám thống kê của 5 tỉnh Vùng KTTĐMT

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, dù nhiều tiềm năng và cơ hội, song logistics KVTĐKTMT vẫn còn thiếu sức bật, chưa thực sự phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của mình, nguyên nhân là do:

- Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động logistics của Việt Nam hiện nay chưa đồng bộ, thiếu nhất quán, chưa thuận lợi cho hoạt động logistics. Sự chồng chéo và không phân định rành mạch về trách nhiệm và giới hạn quản lý giữa các cơ quan này trong điều chỉnh,

quản lý hoạt động logistics. Nhất là sự chồng chéo giữa Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Công thương trong điều chỉnh dịch vụ logistics liên quan đến quy hoạch phát triển các trung tâm, ngành logistics, vận tải và hỗ trợ vận tải.

- Đối với nước có thu nhập thấp như Việt Nam, chất lượng cơ sở hạ tầng yếu kém chính là nguyên nhân khiến cho ngành logistics kém phát triển do mức chi phí giao thông vận tải cao và thiếu tính cạnh tranh. Bài toán để các cảng biển tại Vùng KTTĐMT có thể phát triển bền vững và khai thác hiệu quả đang cần những giải pháp đồng bộ từ phía Chính phủ và các ngành, địa phương các tỉnh trong vùng.

Hiện tại chưa có các số liệu chính thức về các DN logistics ở Việt Nam chuyên doanh. Phần lớn các DN logistics chỉ tập trung khai thác những mảng nhỏ trong toàn bộ chuỗi cung ứng, phổ biến là hình thức giao nhận, vận tải, bán lẻ. Hầu hết các DN logistics vùng KTTĐMT đóng vai trò là những người cung cấp dịch vụ đơn lẻ như đảm nhận việc khai báo hải quan, vận tải, cho thuê phương tiện vận tải, kho bãi... Qua khảo sát, các DN logistics tại vùng KTTĐMT tự đánh giá khả năng liên kết và hiệu quả kinh doanh còn thấp, nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế - năng lực cạnh tranh của loại hình DN này của các địa phương còn yếu; Nguồn nhân lực logistics thiếu và yếu là một trong những “nút thắt cổ chai” cản trở sự phát triển và ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các DN và các địa phương.

Hầu hết DN logistics cả nước cũng như của vùng KTTĐMT có quy mô vừa và nhỏ, việc tổ chức kinh doanh còn manh mún lại rất phân tán và thiếu chuyên nghiệp,

chênh lệch trình độ giữa DN trong nước và nước ngoài khá lớn, do đó khả năng cạnh tranh của các DN logistics Việt Nam trong lĩnh vực logistics là rất yếu. Các DN logistics thường không đáp ứng tốt được yêu cầu của khách hàng và hệ quả là thị phần bị thu hẹp. Đó là chưa kể đến thực trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh, gây ra những tổn thất cho các doanh nghiệp trong ngành. Trong thực tế, hầu hết doanh nghiệp nội mới chỉ tham gia vào một phần của dịch vụ logistics hoặc đóng vai trò như những nhà cung cấp dịch vụ vệ tinh cho các công ty logistics nước ngoài, như đảm nhận việc khai báo hải quan, cho thuê phương tiện vận tải, kho bãi...

Những bất cập, tồn tại trên là do nhận thức về vai trò, vị trí của logistics ở các cấp, các ngành còn chưa đầy đủ; thiếu cơ chế, chính sách phát triển logistics vùng và từng địa phương; khoảng cách giữa quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch còn quá lớn; khó khăn vướng mắc liên quan đến sự yếu kém và thiếu đồng bộ, thiếu kết nối cơ sở hạ tầng logistics về giao thông, cảng biển, các trung tâm logistics, cảng cạn; không có các cơ sở logistics được quy hoạch, xây dựng trên các tuyến giao thông; các tuyến đường tỉnh lộ (đường gom) còn quá ít so với đường quốc lộ nên thường xảy ra xung đột các loại phương tiện giao thông, gây nhiều tai nạn; việc định hướng, hỗ trợ của Nhà nước, của các ngành đối với hoạt động logistics của vùng thực sự chưa có; mô hình tăng trưởng kinh tế hiện chủ yếu phát triển theo chiều rộng, dựa vào tài nguyên khoáng sản và lao động trình độ thấp nên từ cấp vùng và từng địa phương chưa tạo điều kiện thuận lợi cho logistics phát triển.

Định hướng và giải pháp phát triển hệ thống logistics quốc gia và vùng KTTĐMT

Trên cơ sở chiến lược phát triển Vùng KTTĐMT và phát triển ngành logistics được Chính phủ phê duyệt, từ nay đến năm 2025-2045, định hướng và giải pháp cơ bản phát triển hệ thống logistics quốc gia và vùng KTTĐMT là:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế và chính sách phát triển logistics: Trong gian đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045 Việt Nam cần đẩy nhanh việc bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển hệ thống logistics. Nhà nước cần tạo một hành lang pháp lý thông thoáng và minh bạch để các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics phát triển. Một "hành lang" bao gồm các quy định pháp luật cụ thể và rõ ràng, sự quan tâm của nhà nước trong đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo... là những điều kiện quan trọng để thúc đẩy hệ thống logistics quốc gia và vùng KTTĐMT phát triển. Bên cạnh đó cần có những cơ chế, chính sách khuyến khích và thiết lập các mục tiêu phấn đấu cấp quốc gia và vùng (địa phương) trong logistics để nâng cao chất lượng và hạ chi phí dịch vụ logistics.

Thứ hai, xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng logistics: Dịch vụ logistics có mối liên hệ mật thiết đến sự phát triển hạ tầng giao thông vận tải, cảng biển, hệ thống phân phối, các phương thức vận tải... Việc phát triển các cơ sở hạ tầng đồng bộ, kết nối, nhất là thông qua mô hình các trung tâm logistics được kết nối với các phương thức vận tải là một trong các điều kiện tiên quyết cho hệ thống logistics phát triển.

Thứ ba, nâng cao khả năng cạnh tranh của các DN logistics:

Cần phải nâng cao hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh của các DN logistics Việt Nam và cho vùng KTTĐMT tiến tới việc xây dựng được các doanh nghiệp lớn đầu đàn trực tiếp thực hiện trọn gói các dịch vụ logistics trong điều kiện mở cửa thị trường dịch vụ.

Thứ tư, phát triển hệ thống logistics quốc gia và vùng KTTĐMT theo hướng bền vững (xanh) và kết nối và hội nhập trong hệ thống dịch vụ khu vực và trên thế giới: Xu thế hội nhập quốc tế đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống logistics nhằm đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của giao lưu thương mại toàn cầu. Dịch vụ logistics ngày càng được chuyên môn hóa ở mức độ cao và trở thành một trong những ngành dịch vụ xương sống của hoạt động thương mại quốc tế. Vì vậy, phát triển hệ thống logistics quốc gia và vùng từ cơ sở hạ tầng, thể chế pháp luật, phát triển các DN logistics đến doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ...phải đặt trong bối cảnh hội nhập của nền kinh tế trong hệ thống dịch vụ khu vực và trên thế giới nhằm đáp ứng tốt hơn, hiệu quả hơn nhu cầu phát triển thời gian tới.

Thứ năm, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao cho ngành logistics: Theo dự báo, vùng KTTĐMT đến năm 2030 số lao động logistics lên tới 546.166 người và đến năm 2045 lên tới 719.993 người, tăng hơn 5,5 lần so với thời điểm hiện tại. Do vậy, cần phải có một chiến lược đào tạo nguồn nhân lực bài bản, có những bước đi rõ ràng cho ngành logistics, một mặt nhằm đáp ứng nhanh nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho ngành. Mặt khác, đẩy nhanh chương trình đào tạo các chuyên gia logistics có kỹ năng ứng dụng và triển khai

thực hành quản trị logistics và chuỗi cung ứng theo kịp các nước công nghiệp phát triển.

Tóm lại, để phát triển đồng bộ hệ thống logistics có tính kết nối cao góp phần tăng trưởng kinh tế các vùng và cả nước, Nhà nước cần đầu tư cho nghiên cứu một cách hệ thống và bài bản về logistics, hệ thống logistics và phổ biến sâu rộng kiến thức này trong các ngành và các doanh nghiệp, tránh tình trạng hiểu không thấu đáo, dẫn đến sai lệch, vận dụng không hiệu quả. Chính quyền các địa phương, Hội đồng vùng, ngoài việc xây dựng chính sách đặc thù ưu tiên đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cả phần "cứng" và phần "mềm" cần nâng cao nhận thức về vai trò của hệ thống logistics – kiến tạo môi trường logistics, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp logistics trên địa bàn hoạt động và được hưởng những ưu đãi nhất định về đất đai, kho tàng, bến bãi một cách tốt nhất trong phát triển logistics.

Mặt khác, cần thông qua các hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển, đồng thời nắm bắt các nguyện vọng và truyền đạt với Chính phủ về những vấn đề phát triển của doanh nghiệp và ngành. Trong lĩnh vực logistics, ở Việt Nam có các hiệp hội liên quan đến hoạt động này như VLA (Hiệp hội các DN dịch vụ logistics), VPA (Hiệp hội cảng biển), VATA (Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam), Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam (VSA); Hiệp hội Đại lý và Môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Chủ hàng Việt Nam (VNSC)... Thời gian qua, các Hiệp hội đã phát huy vai trò đối với sự phát triển của ngành và của các DN, trong đó nổi bật về logistics là các hoạt động của VLA. Hiệp hội cần làm tốt hơn nữa vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với Nhà nước và chính quyền các địa phương nắm bắt, phản biện các chính sách phát triển từ đó có những đề xuất về cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong phát triển logistics./

TÌNH HÌNH...

(Tiếp theo trang 15)

Riêng đối với người dân bị ảnh hưởng của bão lũ, theo báo cáo của Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, đến ngày 22/10 Bộ Quốc phòng đã xuất cấp tổng cộng 77,5 tấn lương khô, 1,2 nghìn thùng mì tôm, 2 tấn gạo cho người dân vùng lũ; Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã cứu trợ khẩn cấp tổng giá trị 7,7 nghìn tỷ đồng.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia, 5 quốc gia có số ca mắc Covid-19 nhiều nhất thế giới là Mỹ, Ấn Độ, Bra-xin, Nga và Pháp. Tại Việt Nam, tính đến 6h00 ngày 28/10/2020 có 1.172 trường hợp mắc Covid-19, 1.066 trường hợp đã được chữa khỏi (35 trường hợp tử vong) và đã 56 ngày liên tiếp không ghi nhận ca mắc Covid-19 mới trong cộng đồng.

c) Tai nạn giao thông

Tính chung 10 tháng năm 2020, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 11.653 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 6.717 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 4.936 vụ va chạm giao thông, làm 5.456 người chết, 3.523 người bị thương và 5.107 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 10 tháng giảm 18,2% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 10,9%; số vụ va chạm giao thông giảm 26,4%); số người chết giảm 13,6%; số người bị thương giảm 14,3% và số người bị thương nhẹ giảm 24,5%.

Bình quân 1 ngày trong 10 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 38 vụ tai nạn giao thông, gồm 22 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 16 vụ va chạm giao thông, làm 18 người chết, 12 người bị thương và 17 người bị thương nhẹ.

d) Thiệt hại do thiên tai

Thiên tai xảy ra trong tháng Mười chủ yếu là bão, mưa lớn, sạt lở, lốc xoáy tại một số địa phương làm 153 người chết và mất tích, 222 người bị thương; 111,9 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi, ngập và hư hỏng; 3 nghìn con gia súc và 600,5 nghìn con gia cầm bị chết; 45 nghìn ha lúa và 22,3 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng, tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong tháng là 2,7 nghìn tỷ đồng. Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương, riêng mưa lũ tại các tỉnh miền Trung làm 129 người chết và mất tích, 214 người bị thương; 111,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi, ngập và hư hỏng; hơn 1 nghìn ha lúa và 7,2 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng; ước tính tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 2,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 83,8% tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra.

Tính chung 10 tháng năm 2020, thiên tai làm 249 người chết và mất tích, 516 người bị thương; 1.940 ngôi nhà bị sập đổ; 212,7 nghìn ngôi nhà bị hư hỏng; 187,8 nghìn ha lúa và gần 90 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính hơn 10,1 nghìn tỷ đồng, trong đó thiệt hại do bão, lũ là 3,5 nghìn tỷ đồng./

(Trích Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2020 - TCTK)



XUẤT KHẨU NÔNG SẢN GHI NHẬN NHIỀU TÍN HIỆU TÍCH CỰC TỪ EVFTA

ThS. Nguyễn Thị Thọ

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho xuất khẩu nông sản Việt Nam. Chỉ hơn 1 tháng sau khi EVFTA có hiệu lực, giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường châu Âu đã ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực, tăng trưởng trong các tháng sau khi EVFTA có hiệu lực đã tăng từ 17-20% so với tháng trước đó. Theo các chuyên gia kinh tế, tăng trưởng nhanh ở một thị trường cao cấp, khó tính ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực đã cho thấy những thay đổi tích cực của nông sản Việt.

Liên tiếp đón những tín hiệu vui

Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, liên tiếp các mặt hàng nông sản của Việt Nam như gạo, trái cây, cà phê, tôm... được xuất sang châu Âu (EU) và bước đầu hưởng lợi theo các cam kết của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA). Cụ thể, trong hơn 1 tháng triển khai EVFTA, những tác động tích cực đã lan tỏa đến ngành gạo xuất khẩu. Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU đã tăng phổ biến từ 80-200USD/tấn tùy loại so với thời điểm trước khi EVFTA có hiệu lực. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trị giá xuất khẩu gạo tháng Tám vừa qua của Việt Nam vào thị trường EU đạt hơn 1,2 triệu USD, tăng tới 93,5% so với tháng Bảy và tăng 35,6% so với cùng kỳ năm trước. Tám tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gạo

đi EU đạt trên 15.800 tấn gạo, với giá trị xấp xỉ 8,5 triệu USD. Xuất khẩu gạo, trong đó có gạo thơm sang EU từ nay đến hết năm dự kiến sẽ tiếp tục tăng cho dù vẫn chịu tác động từ dịch bệnh COVID-19.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, việc xuất khẩu một số sản phẩm gạo mang thương hiệu Việt Nam sang thị trường EU không chỉ là thành công bước đầu của bản thân doanh nghiệp, mà còn là dấu mốc sản phẩm gạo mang thương hiệu Việt Nam chính thức ghi danh trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh gạo, rau quả tươi Việt Nam cũng được đánh giá đã và đang rộng cửa vào EU kể từ EVFTA chính thức có hiệu lực. Hiện nay, EU đang là thị trường xuất khẩu thứ tư của rau quả Việt Nam. Với nền tảng sẵn có này, cộng thêm việc miễn giảm thuế nhập khẩu

theo cam kết trong EVFTA đang giúp tăng khả năng cạnh tranh của trái cây Việt Nam so với các nước khác như Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc, Malaysia... Đáng chú ý, số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trị giá xuất khẩu các sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng Tám vừa qua đạt 14,7 triệu USD, tăng trên 25% so với tháng trước đó và tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mặt hàng cà phê cũng được nhận định có thể gia tăng trị giá xuất khẩu vào thị trường EU trong thời gian tới khi được giảm thuế suất từ 15% xuống 0%. EU hiện đang là thị trường tiêu thụ nhiều cà phê nhất của Việt Nam, chiếm 40% trong tổng lượng và 38% về tổng trị giá xuất khẩu cả nước (trung bình giá trị xuất khẩu cà phê sang EU đạt 1,2-1,4 tỷ USD/năm trong 5 năm qua). Trong tháng 8 vừa qua, giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang EU đạt 76 triệu USD, tăng gần 35% so với tháng trước.

Bên cạnh đó, trong số 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được EU cam kết bảo hộ khi EVFTA chính thức đi vào thực thi có cà phê Buôn Ma Thuột. Các chuyên gia nhận định,

đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn cho ngành cà phê Việt Nam với các đối thủ tại thị trường EU.

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản (VASEP) cũng cho biết, nhờ tác động tích cực từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang EU trong tháng 8/2020 ghi nhận mức tăng trưởng 15,7%, đạt 58,8 triệu USD, là mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm nay. Trong đó, xuất khẩu tôm sang Hà Lan và Bỉ tăng trưởng lần lượt 15% và 41% so với cùng kỳ năm trước. 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tôm sang EU đạt 313,7 triệu USD. Cho đến nay, EU là thị trường nhập khẩu tôm lớn thứ 4 của Việt Nam sau Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc, chiếm 13,6% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết, trong tương lai gần từ nay đến hết năm 2020, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản tỷ USD như cà phê, trái cây, gạo, tôm... sang EU sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt. Thậm chí, trong tương lai xa hơn, EU còn là “mảnh đất” màu mỡ để nông sản Việt “đào xới” khi thị trường này có nhu cầu nhập khẩu nông, lâm, thủy sản lớn, chiếm 8,4% tổng trị giá nhập khẩu hàng năm.

Tăng cường xuất khẩu những nhóm hàng có lợi thế

EU là thị trường có kim ngạch nhập khẩu đứng thứ 2 thế giới, chiếm 14,9% tổng nhập khẩu toàn cầu. Đây cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, tuy nhiên, hàng hóa của Việt Nam mới chỉ chiếm khoảng 2% thị phần nhập khẩu của EU. Do vậy, dư địa để gia tăng xuất khẩu sang thị trường EU còn rất lớn. Các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia kinh tế kỳ vọng, trong 5 năm đầu tiên thực thi Hiệp định EVFTA, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

sang EU sẽ tăng thêm khoảng 20% vào năm 2020; 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030.

EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ngành nông sản Việt Nam. Để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản trong thời gian tới, Bộ NN&PTNT cho biết sẽ tập trung tận dụng từng nhóm thị trường xuất khẩu, kể cả những khe hẹp nhất từng thời điểm. Đặc biệt, Bộ sẽ thúc đẩy tận dụng cơ hội từ Hiệp định EVFTA để tăng cường xuất khẩu những nhóm hàng có lợi thế và phù hợp trong bối cảnh COVID-19 như gạo, trái cây, thủy sản, lâm nghiệp...

Theo các chuyên gia kinh tế, gạo là một trong những mặt hàng có tiềm năng lớn để xuất khẩu vào EU khi hiệp định EVFTA có hiệu lực. Năm 2019, Việt Nam xuất khẩu sang EU 50 nghìn tấn gạo, kim ngạch đạt 28,5 triệu Euro; trong khi EU nhập khẩu tổng cộng khoảng 2,3 triệu tấn gạo, kim ngạch đạt 1,4 tỷ Euro. So với các nước ASEAN khác, xuất khẩu gạo của Việt Nam vào EU chỉ bằng 1/6 so với Thái Lan, bằng 1/10 Myanmar và bằng 1/4 Campuchia. Trong khi đó, theo cam kết trong EVFTA, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo (gồm 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thơm). Đặc biệt, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tẻ, cam kết này giúp Việt Nam mỗi năm có thể xuất khẩu ước khoảng 100 nghìn tấn vào EU. Đối với sản phẩm từ gạo, EU sẽ đưa thuế suất về 0% sau 3-5 năm. Trong khi đó, 2 nước xuất khẩu gạo vào EU là Campuchia và Myanmar đang chịu thuế tuyệt đối với mặt hàng này cho đến hết năm 2021, cụ thể: 175 Euro/tấn (năm 2019); 150 Euro/tấn (năm 2020) và 125 Euro/tấn (năm 2021). Vì vậy, đây là cơ hội để đẩy mạnh

xuất khẩu gạo sang EU trong thời gian tới, bởi khu vực này đang tiêu thụ khoảng 2,5 triệu tấn gạo/năm.

Bên cạnh gạo, trái cây cũng là một trong những ngành hàng nông sản chủ lực của Việt Nam và có tốc độ phát triển nhanh nhất. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, diện tích cây ăn trái trên toàn quốc những năm gần đây liên tục tăng. Đến năm 2019, tổng diện tích cây ăn trái đạt 964 nghìn ha, tăng 56,4 nghìn ha so với năm 2018, sản lượng đạt 9,3 triệu tấn, đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trên 6%. Hiện, Việt Nam có khoảng 40 loại rau quả được xuất khẩu sang 60 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư của rau quả Việt Nam.

Rau quả là một trong những mặt hàng nông sản được hưởng lợi ngay khi EVFTA có hiệu lực, mà cụ thể là được xóa bỏ ngay 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các chế phẩm từ rau quả, trong đó, có nhiều sản phẩm là thế mạnh của Việt Nam như: Vải, nhãn, chôm chôm, thanh long, dưa, dứa, bưởi... Phần lớn các dòng thuế EU cam kết xóa bỏ ngay hiện đang có mức thuế MFN trung bình là trên 10%, cá biệt có những sản phẩm rau quả đang chịu thuế trên 20%. Do đó, mức cam kết này của EU được đánh giá sẽ tạo ra lợi thế lớn về giá cho rau quả Việt Nam, đặc biệt trong cạnh tranh với các quốc gia như: Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia... Các chuyên gia kinh tế đánh giá, dư địa xuất khẩu trái cây sang EU của Việt Nam rất lớn do sản phẩm trái cây hai bên có tính bổ trợ nên không phải cạnh tranh trực tiếp. Tuy nhiên, dù EU mở cửa về thuế quan nhưng lại yêu cầu rất chặt chẽ về chất lượng, an toàn thực phẩm,

truy xuất nguồn gốc... Chính vì vậy, ngành Nông nghiệp Việt Nam cần nỗ lực và nhanh chóng đạt được các tiêu chuẩn của EU; các doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với người nông dân để xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu thị trường; phối hợp với các địa phương cấp thêm mã số cho những vùng nguyên liệu trái cây và trồng rau phục vụ xuất khẩu; xây dựng các nhà máy chế biến với quy mô vùng và khu vực nhằm đẩy mạnh chế biến chuyên sâu...

Hiệp định EVFTA có hiệu lực cũng mang đến nhiều kỳ vọng cho xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường EU trong những tháng cuối năm 2020. Ngay khi EVFTA có hiệu lực, thuế xuất khẩu một số mặt hàng tôm đông lạnh của Việt Nam sang EU về 0%, tôm chế biến sẽ có lộ trình giảm thuế từ 5-7 năm. Trong khi các đối thủ cạnh tranh chủ yếu trên thị trường EU không được hưởng hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) như Thái Lan chịu thuế 12%; Ấn Độ 4,2%; Indonesia 4,2%. Nhờ lợi thế về thuế của tôm Việt Nam tốt hơn so với các đối thủ cạnh tranh nên nhà nhập khẩu của EU cũng tìm tới nguồn cung từ Việt Nam nhiều hơn. Các mặt hàng chế biến sâu, đóng gói ăn liền, phục vụ tiêu thụ tại hộ gia đình vẫn được ưa chuộng. VASEP nhận định, xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU từ nay đến hết năm dự kiến sẽ tiếp tục tăng, mặc dù tốc độ tăng chưa cao do vẫn chịu tác động từ dịch bệnh Covid-19.

Bên cạnh việc thúc đẩy các mặt hàng có lợi thế, Bộ NN&PTNT sẽ phối hợp với Bộ Công Thương, các cơ quan, doanh nghiệp theo dõi sát sao diễn biến giá cả, cung cầu các mặt hàng nông sản thiết yếu để cân đối cung cầu; nâng cao chất lượng dự báo thị trường và kịp thời thông tin tới các địa phương, doanh nghiệp để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp...

Nếu cố gắng cao và không có biến động lớn của tình hình thế giới, Bộ NN&PTNT cho biết, khả năng cao trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản cả năm 2020 sẽ đạt kế hoạch trên 40 tỷ USD (40- 41 tỷ USD) và toàn ngành phấn đấu tổng trị giá xuất khẩu "cán đích" khoảng 41 tỷ USD./.



KINH TẾ - XÃ HỘI

PHÁT HUY HIỆU QUẢ

CỦA TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

ThS. Phạm Hiếu Nhơn

Trường Chính trị tỉnh Bình Định

Với mục đích phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội, ngày 22/11/2014, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội". Sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 40, các chính sách tín dụng xã hội đã thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc; có tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến nhận thức của chính quyền địa phương đối với hoạt động tín dụng chính sách, giúp cho công cuộc xóa đói nghèo ở nước ta đi vào thực chất. Tín dụng chính sách xã hội đã tạo bước đột phá trong việc hỗ trợ người nghèo, các đối tượng chính sách để thoát nghèo, làm giàu, theo đúng tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau".

Chỉ thị 40 - điểm tựa nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội

Báo cáo tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội" (Chỉ thị 40) - tháng 7/2020 đã cho thấy, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã giúp giải quyết những vấn đề căn bản, thiết yếu của cuộc sống, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội. Theo đó, các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế hộ tái nghèo; góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn... Đặc biệt, hoạt động tín dụng chính sách xã hội của Việt Nam đã được quốc tế đánh giá cao, góp phần đưa Việt Nam trở thành một hình mẫu về giảm nghèo trên thế giới.

Nhờ việc triển khai tích cực Chỉ thị 40 các chương trình tín dụng xã hội đã có sức lan tỏa, nhận được sự hưởng ứng cao của cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt là các hộ dân... Ngân hàng Chính sách Xã hội cho biết, từ sau khi Chỉ thị 40 đi vào cuộc sống, hiện nay vốn tín dụng chính sách xã hội (TDCSXH) đã đến 100% số xã, phường, thị trấn trên toàn quốc. Tổng nguồn vốn tín dụng chính sách đạt 226.560 tỷ đồng, tăng hơn 91.000 tỷ đồng so với cuối năm 2014; nguồn vốn ủy thác của địa phương qua Ngân hàng Chính sách Xã hội đến ngày 30/6/2020 đạt 19.505 tỷ đồng (tăng 15.697 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 31,3%, tăng gấp 4,1 lần so với giai đoạn trước khi có Chỉ thị 40; huy động vốn của xã hội đạt hơn 31.500 tỷ đồng, tăng hơn 25 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2014.

Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách xã hội đến ngày 30/6/2020 đạt 219.565 tỷ đồng, tăng 90.109 tỷ đồng (tăng 69,6%) so với từ khi có Chỉ thị, giúp cho trên 12 triệu lượt hộ được vay vốn, trong đó có hơn 2,1 triệu lượt hộ đã thoát nghèo bền vững; xây dựng trên 7,3 triệu công trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng 142 nghìn căn nhà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách...; gần 346 nghìn lượt học sinh sinh viên được vay vốn từ NHCSXH để tiếp tục học tập vươn lên trong cuộc sống; hơn 1,3 triệu lượt người

được vay vốn NHCSXH để tạo việc làm, 24 nghìn lượt người được vay vốn đi xuất khẩu lao động...

Thực tế cho thấy, TDCSXH đã trở thành một trụ cột quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Đây cũng là chính sách được triển khai rộng rãi nhất, đáp ứng một lượng lớn nhu cầu vốn cho người nghèo. Nhờ trụ cột này, giai đoạn 2014 - 2019, số hộ nghèo đã giảm nhanh, góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi "tín dụng đen", thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn. Hoạt động TDCSXH của Việt Nam đã được quốc tế đánh giá cao, góp phần đưa Việt Nam trở thành một hình mẫu về giảm nghèo trên thế giới.

Cùng với đó, thông qua việc triển khai hiệu quả Chỉ thị 40 đã huy động được thêm nguồn vốn tại địa phương, nên số hộ dân tộc thiểu số (DTTS) được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội ngày càng tăng. Theo thống kê đồng bào DTTS chiếm 14,7% dân số cả nước nhưng tỷ lệ dư nợ tại NHCSXH chiếm 24,8% tổng dư nợ; toàn quốc có 3,04 triệu hộ DTTS thì đã có 1,4 triệu hộ vay vốn, (chiếm 46% số hộ DTTS); dư nợ bình quân 38 triệu đồng/hộ.

Tổng kết sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 40, nguồn vốn tăng thêm cho hoạt động tín dụng chính sách tính đến 30/6/2020 đạt trên 83 nghìn tỷ đồng; trong đó từ ngân sách nhà nước đạt trên 10 nghìn tỷ đồng, từ chính quyền địa phương các cấp đạt trên 11 nghìn tỷ đồng; từ hỗ trợ thông qua tiền gửi các ngân hàng khác đạt trên 41 nghìn tỷ đồng và từ các tổ chức, doanh nghiệp khác trong xã hội đạt trên 21 nghìn tỷ đồng.

Đặc biệt, triển khai TDCSXH một cách chủ động, kịp thời cho các đối tượng bị ảnh hưởng



bởi dịch Covid-19 thời gian qua được xem là một trong các giải pháp quan trọng, có ý nghĩa to lớn, giúp người nghèo và đối tượng chính sách có điều kiện ổn định việc làm, đảm bảo cuộc sống.

Các địa phương cho biết, nguồn vốn từ NHCSXH đã góp phần giải quyết việc làm, khôi phục các ngành nghề truyền thống, hỗ trợ vốn cho các cơ sở SXKD và hộ gia đình để mở rộng sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động. Hiện tại, tổng dư nợ chương trình cho vay giải quyết việc làm ở mỗi địa phương đã tăng lên đáng kể. Trong đó, để nguồn vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm phát huy hiệu quả, NHCSXH đã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác chủ động trong công tác điều hành, quản lý, phân bổ vốn, ưu tiên đầu tư cho các chương trình, dự án sử dụng nhiều lao động. Việc triển khai cho vay vốn thực hiện theo phương châm đúng quy định, đúng quy trình nghiệp vụ, đúng đối tượng thụ hưởng. Sau khi giải ngân vốn, NHCSXH đã phối hợp chặt chẽ với mạng lưới các Tổ tiết kiệm và vay vốn, thường xuyên giám sát các thành viên để bảo đảm nguồn vốn sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Bên cạnh đó, các NHCSXH tại các địa phương cũng đã tăng cường công tác kiểm tra, thu hồi nợ đến hạn, đẩy nhanh quay vòng



vốn để tạo thêm nhiều cơ hội cho người lao động có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm...

Tiếp tục phát huy hiệu quả của TDCSXH để “không ai bị bỏ lại phía sau”

Có thể thấy, từ những kết quả đạt được sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 40 đã khẳng định đây là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, góp phần đạt mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững; xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an sinh xã hội; ổn định chính trị, an ninh quốc phòng; thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền trên cả nước. Kết quả đạt được cũng thể hiện sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Sự mở rộng quy mô và hiệu quả của TDCSXH được nâng cao đã khẳng định Chỉ thị số 40 ngày càng đi vào cuộc sống.

Tuy nhiên, Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 40 cũng cho thấy mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song trong quá trình triển khai, nhiều chương trình TDCSXH chưa đạt mục tiêu đề ra và còn tồn tại một số hạn chế. Cụ thể như: Trong khi hiệu quả mang lại từ nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm rất lớn và nhu cầu vay của người dân thường khá cao thì đây lại là nguồn vốn thiếu nhiều nhất. Bên cạnh đó, một số chương trình

tín dụng có thời hạn cho vay, hạn mức vốn vay chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế để phát huy hiệu quả đồng vốn, như: Chương trình tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo được áp dụng cho các hộ gia đình ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vòng 3 năm chưa đủ đảm bảo thời gian để các hộ có điều kiện thoát nghèo bền vững; chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, với mức cho vay tối đa 10 triệu đồng/công trình...

Ngoài ra, công tác phối hợp giữa hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức với hoạt động tín dụng chính sách xã hội chưa được gắn kết chặt chẽ. Từ đó, hiệu quả sử dụng vốn chính sách ở một số bộ phận người nghèo, đối tượng chính sách chưa cao...

Chính vì vậy, để việc triển khai TDCSXH mang lại hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới Chỉ thị 40 vẫn là điểm tựa quan trọng nhằm tối đa hóa hiệu quả của từng đồng vốn, đồng thời tập hợp thêm nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội để không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển của đất nước.

Trên cơ sở đó, Ban Kinh tế Trung ương đã đưa ra một số giải pháp, trong đó đặc biệt chú ý đến việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan nhằm huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho TDCSXH.

Tập trung huy động nguồn lực, có cơ chế để NHCSXH tự huy động nguồn vốn trong xã hội để tập trung giải quyết cho các đối tượng mới thoát nghèo và hộ có mức thu nhập trung bình vay phát triển sản xuất.

Tăng cường bổ sung nguồn vốn địa phương để ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn;

tranh thủ khai thác các nguồn lực, nguồn tài trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế để bổ sung nguồn vốn cho vay và đào tạo, nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội nhận dịch vụ ủy thác, ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn...

Đặc biệt, để Chỉ thị 40 thời gian tới tiếp tục phát huy hiệu quả, cần tăng cường, nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDCSXH là một trong những nhiệm vụ chính trị trong chương trình, kế hoạch hoạt động thường xuyên; tổ chức thực hiện tốt chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

Đổi mới nội dung thông tin, tuyên truyền, bảo đảm thiết thực, hiệu quả để mọi người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và tin tưởng thực hiện Chỉ thị 40 nhằm nâng cao hiệu quả TDCSXH; tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo trên cả nước tiếp cận được nguồn vốn, góp phần giúp người nghèo cải thiện cuộc sống. Cùng với đó nhân rộng điển hình tiên tiến, khơi dậy truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng để hỗ trợ người nghèo tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

NHCSXH thời gian tới cần tích cực huy động nguồn vốn tiền gửi và nguồn vốn thu hồi nợ quay vòng để tập trung giải ngân, đáp ứng nhu cầu vay vốn cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, nhất là việc cho vay để phục hồi sản xuất sau dịch bệnh, góp phần tích cực tạo việc làm, ổn định xã hội, phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở mỗi địa phương và cả nước./



KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH: 5 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Vũ Minh Giang

Q. Cục trưởng, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, dưới sự lãnh đạo toàn diện và đúng đắn của Đảng, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đặc biệt đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng đói nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình khá.

Cùng chung với bối cảnh đó, khi mới tái lập tỉnh năm 1997, Bắc Ninh vẫn còn là một tỉnh nghèo, thuần nông với hạ tầng cơ sở nghèo nàn, xuống cấp, kinh tế - xã hội giữa 2 khu vực sông Đuống cắt qua có sự chênh lệch, kém kết nối... Nhưng chỉ sau gần 20 năm, với những định hướng đúng đắn, tầm nhìn dài hạn, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã đề ra 10 nhiệm vụ cấp bách và thực hiện nhiều giải pháp phù hợp với điều kiện của từng thời kỳ với quyết tâm đưa Bắc Ninh phải đi nhanh hơn, đi trước một bước so với lộ trình phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Đến nay, Bắc Ninh đã cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp với nhiều chỉ tiêu về kinh tế - xã hội thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước,

như: Quy mô GRDP; GRDP bình quân đầu người; giá trị sản xuất công nghiệp; kim ngạch xuất khẩu; thu nhập bình quân đầu người; thu hút vốn FDI; thu ngân sách; giáo dục, y tế; chính sách an sinh xã hội.

Nhìn lại chặng đường 5 năm (2016-2020), đã có không ít những thách thức và khó khăn bao trùm tác động đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đó là: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp, cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch; đặc biệt là đại dịch Covid-19 phát sinh từ cuối năm 2019 và đang tiếp tục lây lan trên toàn cầu... đã gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế thế giới và Bắc Ninh cũng không phải ngoại lệ khi kinh tế đã hội nhập sâu, rộng. Trong bối cảnh đó, Bắc Ninh vẫn duy trì được tiềm lực và phát huy lợi thế để trở thành một cực tăng trưởng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô. Những thành tựu nổi bật trong 5 năm qua được thể hiện rõ trong bức tranh tổng thể về kinh tế - xã hội ở những điểm dưới đây.

Về quy mô kinh tế, đến năm 2020 - tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá hiện hành ước đạt 195,4 nghìn tỷ đồng (tương đương 8,34 tỷ USD), chiếm 3% GDP cả nước, xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố; so với năm 2015, tuy không tăng về tỷ trọng so với GDP cả nước nhưng về quy mô đã gấp 1,5 lần. Trong 5 năm, do lực lượng lao động từ các tỉnh nhập cư có xu hướng gia tăng và kéo quy mô dân số cũng tăng hơn, nên GRDP bình quân đầu người tăng chậm lại, từ mức 4.871 USD năm 2015 lên 5.900 USD (bình quân tăng 3,9%/năm) và xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố (sau Bà Rịa-Vũng Tàu và TP. HCM). Quy mô kinh tế tăng nên năng suất lao động cũng tăng hơn, từ mức 184,1 triệu đồng/lao động năm 2015 tăng lên 252,3 triệu đồng năm 2020; bình quân 5 năm (2016-2020) tăng 6,5%/năm, cao hơn mức 5,6%/năm bình quân chung cả nước.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục duy trì theo hướng tích cực, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng từ 73,6% năm 2015 tăng lên 74,7% năm 2020; khu vực dịch vụ ổn định ở mức trên 22%; khu vực nông,

lâm nghiệp và thủy sản từ 4,1% giảm xuống còn 3,2%. Đặc biệt, tuy dân số khu vực nông thôn vẫn chiếm tỷ trọng lớn, từ 72,4% năm 2015 xuống còn 66,4% năm 2020, nhưng tỷ trọng lao động ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản lại giảm nhanh, từ 23,5% năm 2015 xuống còn 12,8% năm 2020; trong khi tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 51,7% lên 55,7% và khu vực dịch vụ từ 24,8% tăng lên 31,5%. Qua đây cho thấy, tái cơ cấu kinh tế đã được thực hiện đồng bộ, thực chất hơn và phù hợp với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông mới.

Trong 5 năm qua, đã huy động được lượng vốn lớn cho đầu tư phát triển và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, mở rộng các ngành sản xuất kinh doanh... Về phát triển doanh nghiệp, giai đoạn 2016-2020 đã thành lập mới được 10.372 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 83,4 nghìn tỷ đồng; so với giai đoạn 2011-2015, gấp 2,1 lần về số doanh nghiệp thành lập mới và gấp 2,2 lần về vốn đăng ký; lũy kế đến cuối năm 2020 có khoảng 17,3 nghìn DN được thành lập với tổng vốn đăng ký 192 nghìn tỷ đồng, trong đó có gần 10 nghìn DN đang hoạt động SXKD. Về thu hút FDI, trong 5 năm đã có 960 dự án FDI được cấp phép với tổng vốn đăng ký đạt 8,71 tỷ USD; nâng tổng vốn đầu tư đăng ký (dự án còn hiệu lực) đến năm 2020 đạt 20,2 tỷ USD, xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 ước đạt 419,4 nghìn tỷ đồng, gấp 2,1 lần giai đoạn 2011-2015; tỷ lệ vốn đầu tư phát triển bằng 46% so với GRDP, hệ số ICOR đã giảm từ 6,9 giai đoạn 2011-2015 xuống còn 6,6 giai đoạn 2016-2020.

Quy mô kinh tế được mở rộng, vốn đầu tư phát triển được

giải ngân nhanh đã tạo điều kiện cho các ngành sản xuất kinh doanh gia tăng cả về số lượng và quy mô hoạt động, nên đã góp phần nuôi dưỡng các nguồn thu cho ngân sách. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 ước đạt 125,81 nghìn tỷ đồng, bằng 14,1% GRDP và gấp 2,2 lần giai đoạn 2011-2015; từ năm 2017 tỷ lệ nộp vào ngân sách Trung ương đã tăng lên 17% và là 1 trong 13 tỉnh, thành phố tự cân đối ngân sách.

Sản xuất nông nghiệp, tuy quy mô diện tích đất canh tác bị thu hẹp nhưng nhờ đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi và nhất là mở rộng diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất thực phẩm sạch, an toàn, chăn nuôi theo hướng sinh học,... nên sản lượng lương thực, thực phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của dân cư, mà còn cung cấp cho các DN chế biến thực phẩm, suất ăn công nghiệp và từng bước xuất khẩu sang một số thị trường khó tính, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga... góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống của nông dân và khu vực nông thôn; tốc độ tăng năng suất lao động của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 14,5%/năm, cao hơn mức 6,5% bình quân chung toàn tỉnh.

Về sản xuất công nghiệp, giai đoạn 5 năm (2016-2020) - công nghiệp Bắc Ninh tiếp tục khẳng định vị thế mới khi đạt mốc 1.000 nghìn tỷ đồng vào năm 2017 với GTSX (theo giá hiện hành) là 1.141 tỷ đồng, đã đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh có quy mô công nghiệp lớn nhất cả nước và đến năm 2020 ước đạt 1.230 nghìn tỷ. Với tỷ trọng công nghiệp điện tử chiếm 80% toàn ngành công nghiệp của tỉnh, không chỉ trở thành ngành mũi nhọn và giữ vai trò quan trọng

trong phát triển công nghiệp của Tỉnh, mà còn đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao của cả nước, với khoảng 500 triệu điện thoại di động đã được xuất xưởng trong 5 năm, chiếm 40% sản phẩm cả nước.

Các ngành dịch vụ tiếp tục được mở rộng về quy mô, đầu tư theo hướng hiện đại và nâng cao chất lượng phục vụ tới người tiêu dùng. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 4 trung tâm thương mại quy mô lớn; 469 siêu thị, chợ truyền thống, cửa hàng tiện ích; 3 tuyến phố chuyên doanh; đa dạng hóa các kênh phân phối gắn kết giữa thành thị với nông thôn, giữa Bắc Ninh với các địa phương trong cả nước. Năm 2020, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 63,9 nghìn tỷ đồng, gấp 1,8 lần năm 2015; bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 12,5%/năm. Trong đó, tỷ trọng hàng hóa và dịch vụ từ các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích đã tăng từ 13,8% năm 2015 lên 35% năm 2020. Hoạt động ngoại thương đóng góp lớn cho kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước; năm 2020 kim ngạch xuất khẩu ước đạt 36 tỷ USD, gấp 1,7 lần năm 2015 và đứng thứ 2 cả nước; trong đó hàng điện tử chiếm từ 60-65% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này cả nước. Nhập khẩu năm 2020 ước đạt 29 tỷ USD và gấp 1,6 lần so năm 2015. Dịch vụ vận tải phát triển, cùng với hệ thống các cảng cạn ICD và 14 trung tâm kho vận logistics; đến nay toàn tỉnh có 25 nghìn phương tiện kinh doanh vận tải, gấp 4,3 lần năm 2015; vận chuyển 22,4 triệu hành khách và vận chuyển 32,4 triệu tấn hàng hóa, gấp 1,5 lần năm 2015.

(Xem tiếp trang 38)

Quảng Bình

Thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng nặng nề đến khai thác và nuôi trồng thủy sản

Trong tháng 10, tỉnh Quảng Bình gánh chịu thiệt hại nặng nề của thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lũ kéo dài với cường độ mạnh, đặc biệt là trận lũ lịch sử từ ngày 16 - 20/10/2020 đã gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản.

Đối với lĩnh vực thủy sản, kết quả hoạt động nuôi trồng và đánh bắt chịu ảnh hưởng đáng kể. Ước tính tháng 10 sản lượng thủy sản thực hiện 6,1 nghìn tấn, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 10 tháng sản lượng đạt 77,5 nghìn tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng cá đạt 62,5 nghìn tấn, tăng 7,8%; tôm đạt 5,0 nghìn tấn, tăng 4,9%; thủy sản khác đạt gần 10 nghìn tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Về khai thác, ước tính tháng 10, sản lượng khai thác đạt gần 5 nghìn tấn, giảm 31,4% so với tháng trước, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng khai thác 65,5 nghìn tấn, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng cá các loại 54,8 nghìn tấn, tăng 8,1%; tôm các loại 1,0 nghìn tấn, tăng 6,3%; thủy sản khác 9,6 nghìn tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm chia theo ngư trường khai thác: Khai thác biển 62,3 nghìn tấn, tăng 8,1%; khai thác nội địa 3,1 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước.

Về nuôi trồng, trong 2 trận mưa lũ vừa qua, nhiều diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập, đe dọa bị vỡ làm trôi nhiều loại thủy sản đến kỳ thu hoạch. Vì vậy, sản phẩm thu hoạch trong tháng 10 giảm mạnh so với tháng trước. Ước tính tháng 10, sản lượng nuôi trồng thu hoạch 1,1 nghìn tấn, giảm 45,2% so với tháng trước, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng thu hoạch 12,1 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng cá các loại ước đạt 7,7 nghìn tấn, tăng 5,9%; tôm các loại gần 4 nghìn tấn, tăng 4,6%; thủy sản khác 367,6 tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình

Bà Rịa - Vũng Tàu:

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 tăng 1,2%

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tháng 10 năm 2020 tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Ngành công nghiệp khai khoáng có chỉ số giảm 9,24% do sản lượng khai thác dầu thô và khí đốt giảm. Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,41%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước có mức tăng 20,32%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,18%.

Sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2020 giảm 3,88% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do ngành khai khoáng giảm 10,65%. Chỉ số sản xuất công nghiệp

TIN ĐỊA PHƯƠNG

trừ dầu thô và khí đốt 10 tháng năm 2020 ước tăng 7,58%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng trưởng khá ổn định với mức tăng 8,92%. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 6,23%. Cung cấp nước sinh hoạt quản lý rác thải, nước thải khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,29%. Chỉ số sản xuất 10 tháng của nhiều ngành cấp 2 trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng hơn 1,8 lần; Sản xuất đồ uống tăng hơn 1,9 lần; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 48,31%;...

Tính chung 10 tháng, sản lượng dầu thô khai thác là 8.137 ngàn tấn, giảm 13,17%; khí tự nhiên dạng khí ước 6.765 triệu m³, giảm 8,58%; sản lượng sắt thép dạng thỏi ước gần 4,6 triệu tấn, giảm 4,28%. Một số sản phẩm tăng so với cùng kỳ là: Điện sản xuất ước tính 28 tỷ kwh, tăng 6,04%; Điện thương phẩm ước tính 3.874 triệu kwh, tăng 18,47%; Bộ com - lê, quần áo đồng bộ, áo jacket ước 7.391 ngàn cái, tăng 19,74%.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hà Nam:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 10 tăng 7,0%

Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 10/2020 của tỉnh Hà Nam đạt gần 3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,0% so với cùng tháng năm 2019. Trong tháng, có 10/12 nhóm ngành tăng so với cùng kỳ gồm: Đá quý kim loại tăng 37,5%; Xăng, dầu các loại tăng 14,2%; Hàng may mặc tăng 13,3%; Sửa chữa xe có động cơ tăng 12,9%; Hàng hóa khác tăng 12,0%; Lương thực thực phẩm tăng 11,8%....

Lũy kế 10 tháng năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2019. Một số nhóm ngành có mức tăng cao: Lương thực, thực phẩm đạt 5,9 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,1%, tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2019; Gỗ và vật liệu xây dựng đạt 4,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 22,5%, tăng 3,3%; Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,7%, tăng 7,1%...

Trong 10 tháng qua, công tác quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Hà Nam luôn được quan tâm. Cục Quản lý thị trường thường xuyên phối hợp với các đơn vị có liên quan tập trung kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các qui định pháp luật về giá, niêm yết giá, xử lý nghiêm đối với trường hợp đầu cơ, ép giá, găm hàng gây bất ổn thị trường;... Đồng thời làm tốt công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các nhà hàng và đường phố nhằm đảm bảo sức khỏe của nhân dân./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VỚI CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Vũ Thị Vân Anh

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Là một nước đang phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được coi là yếu tố quan trọng đối với sự tăng trưởng, phát triển và ổn định nền kinh tế Việt Nam. FDI là nguồn lực đóng góp lớn vào tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, đóng góp vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng thị trường xuất khẩu. Để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này, định hướng phát triển các vùng kinh tế đã được Chính phủ nêu rõ: Thu hút FDI nhằm thúc đẩy và tạo điều kiện liên kết giữa các vùng, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, địa phương; tạo không gian phát triển thống nhất trong vùng và cả nước; từ đó tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

FDI đã có mặt tại khắp các tỉnh thành Việt Nam, so với nguồn vốn chủ yếu vẫn tập trung ở các thành phố lớn, các vùng kinh tế có thế mạnh phát triển. Vùng đồng bằng sông Hồng nhiều năm qua luôn dẫn đầu về thu hút FDI, tính đến tháng 12/2018, đã thu hút được 8913 dự án với vốn đầu tư 98,8 tỷ \$, tương ứng 32,75% số dự án và 30,1% của tổng vốn đầu tư của cả nước. Mặc dù là vùng kinh tế thu hút được nhiều vốn đầu tư, song FDI vào vùng đồng bằng sông Hồng còn tồn tại một số hạn chế

trong việc liên kết giữa các tỉnh, nguồn vốn đầu tư vẫn tập trung vào những thành phố lớn có thế mạnh thu hút FDI như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh; cơ cấu ngành kinh tế trong vùng chuyển dịch chậm. Với thực tế đó, bài viết dưới đây tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về tác động của FDI đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, phân tích thực trạng FDI với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại đồng bằng sông Hồng, từ đó đưa ra những khuyến nghị trong thu hút FDI nhằm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng hợp lý, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế vùng thời gian tới.

Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng đồng bằng sông Hồng

Đồng bằng sông Hồng là một trong hai khu vực kinh tế thu hút được nhiều vốn FDI nhiều nhất tại Việt Nam. Trong những năm đầu thu hút FDI, vốn đầu tư vào cả nước và đồng bằng sông Hồng chưa nhiều, năm 1995, vốn đầu tư vào đồng bằng sông Hồng mới đạt 40 triệu USD. Song từ năm 2000 số vốn đầu tư vào đồng bằng sông Hồng bắt đầu tăng nhanh, cụ thể, năm 2000 vốn FDI vào đồng bằng sông Hồng là 75,487 triệu USD, năm 2010 là 2,7 tỷ USD, đạt mức 7,5 tỷ USD năm 2017,

năm 2019, tổng vốn FDI vào đồng bằng sông Hồng là 6.84 tỷ USD (tuy có giảm song vẫn ở mức cao so với cả nước). Tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Đồng bằng sông Hồng so với cả nước có xu hướng tăng trong những năm gần đây, năm 1995 tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài so với cả nước mới đạt 4,17%, năm 2000 là 13,4%, tỷ trọng này đạt 15,5% năm 2010, đến năm 2017 là 21.1% và tỷ trọng năm 2019 là 22.8%.

Tính đến năm 2019, khu vực đồng bằng sông Hồng có một số tỉnh thu hút được nhiều vốn đầu tư nhất là Hà Nội với 5934 dự án, vốn đầu tư 34,11 tỷ USD (xếp thứ 3 cả nước về vốn đầu tư); Bắc Ninh với 1.510 dự án với vốn đầu tư 18,85 tỷ USD; Hải Phòng (xếp thứ 6 cả nước về vốn đầu tư); Hải Phòng 799 dự án với vốn đầu tư 10,7 tỷ USD (xếp thứ 7 cả nước về vốn đầu tư) và Hải Dương 449 dự án với 8,17 tỷ USD (xếp thứ 11 cả nước về vốn đầu tư). Tính riêng năm 2019 Hà Nội là địa phương thu hút nhiều vốn ĐTNN nhất với tổng số vốn đăng ký 8,45 tỷ USD, chiếm 22,2% tổng vốn đầu tư. Vốn đầu tư tại Hà Nội chủ yếu là theo phương thức góp vốn, mua cổ phần với 6,47 tỷ USD, chiếm tới 76,6% tổng vốn đầu tư đăng ký của Hà Nội. Tiếp sau Hà Nội là Bắc Ninh, Hải Phòng và Hà Nam

đều thu hút được hơn 1 tỷ USD vốn FDI năm 2019.

Trong giai đoạn 2015-2019, tại vùng đồng bằng sông Hồng đã thu hút được một số dự án lớn, điển hình như: Năm 2016, dự án LG Display Hải Phòng, tổng vốn đầu tư đăng ký 1,5 tỷ USD do LG Display co.,ltd (Hàn Quốc) đầu tư với mục tiêu sản xuất và gia công sản phẩm màn hình OLED nhựa cho các thiết bị di động như điện thoại di động, đồng hồ thông minh, máy tính bảng (dự án này tăng vốn đầu tư thêm 500 triệu USD vào 2018) và dự án nhà máy LG Innotek Hải Phòng, tổng vốn đầu tư đăng ký 550 triệu USD do LG Innotek Co.,Ltd (Hàn Quốc) đầu tư với mục tiêu sản xuất mô đun camera tại Hải Phòng. Năm 2018, dự án Thành phố thông minh tại xã Hải Bối, Vĩnh Ngọc, Đông Anh Hà Nội, tổng vốn đầu tư 4,138 tỷ USD do Sumitomo Corporation (Nhật Bản) đầu tư với mục tiêu xây dựng khu đô thị thông minh, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Dự án thu hút nhiều vốn FDI nhất năm 2019 là dự án góp vốn, mua cổ phần của Beerco Limited (Hong Kong) vào công ty TNHH Vietnam Beverage, giá trị vốn góp là 3,85 tỷ USD với mục tiêu chính là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia tại Hà Nội.

3. Thực trạng FDI với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng

Trong giai đoạn 2000 – 2018, cùng với quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế của Việt Nam, khu vực đồng bằng sông Hồng đã có những thay đổi cơ bản về cơ cấu ngành kinh tế. Trong 11 tỉnh được nghiên cứu tại vùng đồng bằng sông Hồng, quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế diễn ra tích cực tuy nhiên sự chuyển dịch cơ cấu này không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố.

**Bảng: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng
Giai đoạn 2010-2018 ***

		2010	2014	2016	2017	2018
Hà Nội	Nông nghiệp	4.9	3.6	3.2	2.8	1.94
	Công nghiệp	29	29.6	29.7	29.7	22.63
	Dịch vụ	58.6	57.3	57.7	57.8	64.03
Vĩnh Phúc	Nông nghiệp	13.6	7.81	7.14	6.51	6.36
	Công nghiệp	57.2	47.6	44.9	45.6	47.73
	Dịch vụ	20.6	30.97	32.4	36.5	38.71
Bắc Ninh	Nông nghiệp	10.6	4.2	3.6	2.9	2.72
	Công nghiệp	58.4	77.9	81.6	83.2	76.55
	Dịch vụ	21.3	8.1	9.4	7.9	16.59
Quảng Ninh	Nông nghiệp	5.7	6.5	6.8	6.3	5.97
	Công nghiệp	52.4	51.2	51.6	51.3	49.18
	Dịch vụ	32	32.5	31.2	31.7	33.24
Hải Dương	Nông nghiệp	17	13.2	12.4	10.6	10.51
	Công nghiệp	43	47.8	48.3	50.2	51.38
	Dịch vụ	33.3	32.7	31.5	31.3	30.51
Hải Phòng	Nông nghiệp	10.1	7.2	6.02	5.31	4.47
	Công nghiệp	36.2	35.2	37.2	32.2	42.29
	Dịch vụ	49.3	50.4	50.4	49.2	47.25
Hưng Yên	Nông nghiệp	20.9	13.8	12.4	10.9	10.58
	Công nghiệp	42.2	45.8	46.1	48.6	51.56
	Dịch vụ	33.1	34.4	35.4	36.9	28.78
Thái Bình	Nông nghiệp	34.3	26.7	28.65	25.82	24.44
	Công nghiệp	32.3	30.8	29.1	33.14	36.21
	Dịch vụ	30.6	34.2	35.47	35.56	33.99
Hà Nam	Nông nghiệp	21.9	14.3	12.6	10.6	9.85
	Công nghiệp	43.6	47.7	49.7	52.7	56.01
	Dịch vụ	29.5	28.1	28.7	29.7	26.74
Nam Định	Nông nghiệp	28.1	25.1	22.9	20.7	20.63
	Công nghiệp	37.3	33.1	34.9	36.4	37.07
	Dịch vụ	30	36.1	38.4	40.2	38.2
Ninh Bình	Nông nghiệp	21.6	14.9	12.2	11.1	10.29
	Công nghiệp	32.5	36.9	38.3	37.3	40.73
	Dịch vụ	37.6	38.6	41.1	41.2	40.09

* Không tính Thuế sản phẩm từ trợ cấp sản phẩm

(Nguồn: Tổng cục thống kê và theo tính toán của tác giả)

Theo số liệu của Cục đầu tư trực tiếp nước ngoài – Bộ kế hoạch và đầu tư, tính đến 20/12/2018, FDI đã xuất hiện ở tất cả các ngành, song FDI vẫn được thu hút nhiều nhất vào ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo có sự đóng góp lớn của FDI, chiếm 54% số dự án và 56% vốn đầu tư.

Ngành nông – lâm – ngư nghiệp chỉ chiếm 1.47% tổng vốn FDI vào đồng bằng sông Hồng, có rất ít chuyển biến về thu hút FDI vào ngành này. Từ năm 2001 trở lại đây, đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập WTO, nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ có xu hướng tăng nhanh, nhất là ngành kinh doanh bất động sản. Đến hết 2019 số dự án vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản chiếm đến 21% tổng vốn đầu tư.

Thực tế cho thấy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại đồng bằng sông Hồng có tác động từ nguồn vốn đầu tư, trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn vốn quan trọng.

Theo số liệu bảng trên, tại vùng đồng bằng sông Hồng, quá trình chuyển dịch cơ cấu diễn ra theo đúng xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tỷ trọng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp trong GDP có sự giảm đáng kể từ 2010 đến 2018. Năm 2018 có 9/11 tỉnh có tỷ trọng nông nghiệp trong GDP dưới 11%, 2 tỉnh còn lại là Thái Bình và Nam Định. Trong đó Thái Bình là tỉnh thu hút được ít FDI nhất trong vùng đồng bằng sông Hồng với 74 dự án và 582 tr USD, không có dự án nào vào lĩnh vực nông nghiệp. Hà Nội và Bắc Ninh là hai tỉnh có số lượng vốn FDI lớn nhất trong vùng năm 2018. Tác động chuyển dịch cơ cấu ngành rõ nét nhất là Bắc Ninh, năm 2010, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP của tỉnh Bắc Ninh 10,6% và năm 2018 là 2,72% cho thấy vai trò rõ nét của FDI đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại tỉnh này.

Tính đến 31/12/2018, đồng bằng sông Hồng với nguồn vốn FDI thu hút nhiều vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, cơ cấu ngành kinh tế tại vùng đồng bằng sông Hồng chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp

và dịch vụ trong GDP. Tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GDP tại các tỉnh đều trên 30%, trong đó một số tỉnh có tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GDP lớn như Bắc Ninh 76,55% (tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GDP lớn nhất); Hà Nam 56,01% (vốn FDI vào lĩnh vực công nghiệp đạt 2,193 tỷ USD chiếm 98,9% tổng số vốn đầu tư của toàn tỉnh); Hưng Yên: 51,56% (vốn FDI vào ngành công nghiệp đạt 3,78 tỷ USD chiếm 94,97% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh); Hải Dương: 51,38% (vốn FDI vào ngành công nghiệp là 6,68 tỷ USD chiếm 95,57% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh). Vĩnh Phúc và Quảng Ninh cũng có tỷ trọng giá trị gia tăng của công nghiệp trong GDP lần lượt là 47,43% và 49,18%, trong đó vốn FDI vào công nghiệp của hai tỉnh này chiếm trên 88% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh. Hà Nội và Hải Phòng là hai thành phố có tỷ trọng giá trị gia tăng ngành công nghiệp trong GDP chiếm tỷ trọng thấp nhưng thay vào đó, hai thành phố này có xu hướng phát triển với ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao tương ứng với 64,03% và 47,25%, đây chính là xu thế cơ cấu tương lai của các tỉnh, thành phố khi hoàn thành công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thông qua số liệu thống kê, phân tích định tính cho thấy FDI là một nguồn vốn quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Là một nước đang phát triển, Việt Nam khó có thể tránh khỏi tình trạng thiếu vốn trong giải quyết các vấn đề như xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu

của quá trình công nghiệp hoá. Tiếp tục chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một biện pháp tích cực và hữu hiệu đối với Việt Nam nói chung và đồng bằng sông Hồng nói riêng. Để làm tốt điều này, Việt Nam cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng bình đẳng, minh bạch, giảm thiểu những chi phí giao dịch ngấm trong quá trình xin cấp phép đầu tư, xử lý triệt để tình trạng tham nhũng. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc cũng như các loại dịch vụ khác nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho nhà đầu tư. Một vấn đề quan trọng khác là tập trung đào tạo đội ngũ lao động có chuyên môn và tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hoá một cách bền vững, vùng đồng bằng sông Hồng cần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư trong nước, đầu tư cơ sở hạ tầng các đô thị, đảm bảo điều kiện về mọi mặt để đô thị hóa phát huy được những ưu điểm vốn có của nó nhằm phục vụ cho quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá./

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agosin, M. R. and Maver, R. (2000), "Foreign Investment in Developing Countries: Does it crowd in Domestic Investment", UNCTAD Discussion Paper, No. 14
2. Baltagi, B. (2008), *Econometric Analysis of Panel Data (Vol. 1)*, John Wiley & Sons.
3. Bornschier, Volker & Chase-Dunn, Christopher (1985), *Transnational Corporations and Underdevelopment*, Praeger.
4. Blundell, R. & Bond, S. (1998), 'Initial conditions and moment re-

strictions in dynamic panel data models', *Journal of Econometrics*, 87(1), 115–143.

5. Borensztein, E., De Gregorio, J., and J-W. Lee (1998), 'How Does Foreign Direct Investment Affect Economic Growth?', *Journal of International Economics* 45, 115-135

6. Bui Hoang Ngoc, Dang Bac Hai (2019), "The impact of foreign direct investment on structural Economic in Viet Nam", Springer Nature Switzerland AG 2019 V. Kreinovich et al. (Eds.): ECONVN 2019, SCI 809, pp. 352–362, 2019.

7. Chandra, R. (1992), *Industrialization and Development in the Third World*, Routledge, London. Gui-Diby, S.L. & Renard, M-F. (2015), 'Foreign Direct Investment Inflows and the Industrialization of African Countries', *World Development*, 74, 43-57.

8. Đào Văn Hiệp (2005), 'Đầu tư trực tiếp nước ngoài và ảnh hưởng của nó đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, hiện đại hoá tại Hải Phòng', luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học kinh tế Quốc dân

9. Kang, S.J. & Lee, H. (2011), 'Foreign direct investment and deindustrialisation', *The World Economy*, 313-329.

10. Kaya, Y. (2010), 'Globalization and industrialization in 64 developing countries, 1980–2003', *Social Forces*, 88(3), 1153-1182.

11. Le, Q.H. & Pomfret, R. (2011), 'Technology spillovers from foreign direct investment in Vietnam: horizontal or vertical spillovers?', *Journal of the Asia Pacific Economy*, 16(2), 183-201.

12. Markusen, J.R. & Venables, A.J. (1999), 'Foreign direct investment as a catalyst for industrial development', *European Economic Review*, 43, 335–356.

13. McMillan, M., Rodrik, D. & Verduzco-Gallo, Í. (2014), 'Globalization, Structural Change, and Productivity Growth, with an Update on Africa', *World Development*, 63(C), 11-32. Morsy, H., Levy, A. & Sanchez, C. (2014), *Growing Without Changing: A Tale of Egypt's Weak Productivity Growth*,

14. Marcel P. Timmer (2014), "Patterns of structural change in developing countries", GGDC research memorandum 149.

15. Nguyễn Tiến Long (2011), Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

16. Octavio và Henning Muhlen (2018): the role of FDI in structural change: Evidence from Mexico, Hohenheim discussion paper in business, University of Hohenheim, Germany.

KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH...

(Tiếp theo trang 33)

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội có nhiều đổi mới với bước phát triển toàn diện và đồng bộ hơn, đã tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Về giáo dục, tỷ lệ kiến thức hóa phòng học đã tăng từ 95,4% lên 100% năm 2020 và tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng từ 84,7% lên 100%, xếp thứ nhất cả nước; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT bình quân đạt 98,3% và luôn xếp ở trong nhóm các tỉnh dẫn đầu. Về y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, từ năm 2018, 100% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ bao phủ BHYT đã tăng từ 73,6% năm 2015 lên 96,5% năm 2020; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 10,6% xuống còn 6,5%; số bác sỹ/vận dân tăng từ 9,9 người năm 2015 lên 11,1 người năm 2020; số giường bệnh/vận dân tăng từ 25,4 giường lên 32,5 giường.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện toàn diện, đồng bộ và đi trước, cùng với hiệu quả từ công tác giảm nghèo, đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 3,53% năm 2015 xuống còn 1,2% năm 2020, hộ cận nghèo giảm từ 3,03% xuống còn 1,55%; thu nhập bình quân một nhân khẩu năm 2020 ước đạt 79,9 triệu đồng (tương đương 6.659 nghìn đồng/tháng), xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố, gấp 1,7 lần năm 2015 và gấp gần 1,5 lần bình quân chung cả nước; tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh đã tăng từ 74,1 năm của năm 2015 lên 74,5 năm của năm 2020.

Tóm lại, sau hơn 20 năm tái lập tỉnh, với quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh nêu cao truyền thống văn hiến, cách mạng, đoàn kết, thống nhất, khát vọng quê hương; tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, Bắc Ninh đã đạt nhiều thành tựu vượt bậc. Trong đó, chặng đường 5 năm (2016-2020) đã tạo thêm dấu ấn khi đưa Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp với 12/15 chỉ tiêu đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức; tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Bắc Ninh là địa phương có nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao; một trong những trung tâm thương mại - dịch vụ, giáo dục, đào tạo nhân lực, chăm sóc sức khỏe, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh, hiện đại./.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC

Trần Tuấn Hưng

Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - TCTK

Việt Nam đã có nhiều tiêu chuẩn nhà nước trong nhiều lĩnh vực khác như kế toán, kiểm toán, xây dựng ... Tuy nhiên, Việt Nam hiện chưa có bất kỳ nghiên cứu nào về Tiêu chuẩn Thống kê hoàn chỉnh đối với từng biến dữ liệu cụ thể - loại dữ liệu sơ cấp dùng để tổng hợp nên các chỉ tiêu thống kê tổng hợp cho các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các tiêu chuẩn thống kê đối với biến dữ liệu cụ thể đòi hỏi phải có quy chuẩn về các khái niệm cơ bản về biến dữ liệu, cách thức thu thập dữ liệu (cách mã hóa dữ liệu ra sao, đơn vị thống kê là gì, cần hỏi câu hỏi nào để thu được dữ liệu đó), xử lý phân tích, dữ liệu (phân tổ dữ liệu, bảng phân loại nào cần được sử dụng), hiệu chỉnh dữ liệu (gắn dữ liệu đối với dữ liệu bị thiếu, không hợp logic), trình bày dữ liệu (các loại kết quả đầu ra) và diễn giải dữ liệu.

Trong khi đó, các tài liệu có tính quy định về chuẩn thống kê hiện đang được sử dụng tại các cơ quan sản xuất dữ liệu thống kê có thể kể đến như Danh mục và Nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã; hệ thống chỉ tiêu bộ, ngành mới dùng ở mức quy định tên chỉ tiêu tổng hợp, nội dung chỉ tiêu, phương pháp tính và nguồn dữ liệu nói chung mà chưa đi sâu vào công tác chuẩn hóa cho từng biến dữ liệu. Các bảng danh mục được nghiên cứu, ban hành cũng mới đáp ứng được yêu cầu phân tổ, trình bày dữ liệu

mà chưa giải quyết được các yếu tố khác của biến dữ liệu như mã hóa dữ liệu ra sao, tích hợp dữ liệu như thế nào, danh sách câu hỏi có thể sử dụng để thu thập dữ liệu.

Chất lượng và tính minh bạch của thông tin thống kê nhằm hỗ trợ quá trình ra các quyết định liên quan đến chính sách công ngày càng được quan tâm và đánh giá cao về giá trị. Sự quan trọng của dữ liệu được chỉ ra bằng các báo cáo quan trọng sử dụng nhiều số liệu thống kê, nhiều chỉ tiêu chất lượng cao được sử dụng để theo dõi các chương trình, dự án như Chương trình tái cơ cấu nền kinh tế, chương trình Phát triển bền vững, các chương trình liên quan đến phát triển giới, thanh thiếu niên... Tuy nhiên, để đạt được và duy trì niềm tin của công chúng trong các số liệu thống kê nhà nước đòi hỏi những số liệu thống kê đó là được sản xuất một cách khách quan, minh bạch và độc lập chuyên nghiệp.

Tháng 3 năm 2017, Ủy ban thống kê Liên Hiệp Quốc đã ban hành Khung bảo đảm chất lượng thống kê Liên Hiệp Quốc (UN-SQAF) và hướng dẫn xây dựng Khung bảo đảm chất lượng thống kê quốc gia nhằm hướng dẫn các quốc gia thành viên xây dựng Khung bảo đảm chất lượng thống kê quốc gia (NQAF). Trong khuyến nghị xây dựng Khung bảo đảm chất lượng thống kê quốc gia đó nhiều tiêu chí liên quan đến việc xây dựng, ban hành, quản lý,

sử dụng và phổ biến các tiêu chuẩn thống kê nhằm bảo đảm chất lượng của số liệu thống kê.

Ngày 05/01/2019 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg về việc Ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030, trong đó có 7 tiêu chí liên quan đến Tiêu chuẩn thống kê. Đó là các tiêu chí:

- CLTK 3.1 - Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê;

- CLTK 3.2 - Thực hiện việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê;

- CLTK 3.3 - Có các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành tốt của quốc tế và khu vực;

- CLTK 3.4 - Phổ biến tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có);

- CLTK 3.5 - Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn để cung cấp (nếu có nhu cầu);

- CLTK 3.6 - Lưu trữ thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất;

- CLTK 3.7 - Công bố, phổ biến các sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan.

Tiêu chí CLTK 3.3 nêu rõ việc phải "Có các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành tốt của quốc tế và khu vực".

Chính vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn thống kê và thí điểm xây dựng một tiêu chuẩn thống kê cụ thể để từ đó làm tiền đề, xây dựng các tiêu chuẩn thống kê chi tiết cho các lĩnh vực thống kê khác trong tương lai trở thành một nhiệm vụ quan trọng của cơ quan thống kê quốc gia.

Bên cạnh đó, xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn thống kê làm cơ sở vững chắc phục vụ đánh giá chất lượng thống kê, giúp người làm công tác thống kê có các tiêu chuẩn thống nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn thông lệ tốt của quốc tế để tuân thủ trong quá trình sản xuất thông tin thống kê.

Có ba lợi thế chính của việc xây dựng và sử dụng phổ biến những tiêu chuẩn thống kê đã được phê chuẩn:

- Bảo đảm chất lượng sản phẩm thống kê;
- Tạo ra bức tranh thống kê toàn cảnh có ý nghĩa về xã hội và kinh tế;
- Giảm thiểu chi phí và tăng cường sự minh bạch.

Vì vậy, nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước là việc làm cần thiết và có tính cấp bách.

Đối tượng áp dụng của việc nghiên cứu là:

- Trong nội bộ cơ quan Tổng cục Thống kê nhằm bảo đảm dữ liệu được sản xuất theo cách thức và chất lượng thống nhất qua thời gian và qua các cuộc điều tra;
- Ở cấp quốc gia bởi những cơ quan sản xuất dữ liệu thống kê nhằm hỗ trợ việc tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau;
- Ở cấp quốc tế nhằm đáp ứng nghĩa vụ báo cáo quốc tế và khuyến khích khả năng so sánh dữ liệu giữa các quốc gia.

Tiêu chuẩn thống kê cho các biến thuộc lĩnh vực giáo dục có thể được sử dụng trong ngành thống kê, các cơ quan thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc ban hành các tiêu chuẩn thống kê nhà nước./

Căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục leo thang nhưng đang chuyển sang đối đầu trực tiếp về công nghệ, thay vì đối đầu thương mại. Mỹ đã áp dụng một loạt các biện pháp hạn chế nhằm vào Kế hoạch phát triển các ngành sản xuất công nghệ cao “Made in China 2025” của Trung Quốc. Bên cạnh đó, Mỹ còn chủ trương thực hiện hành động “Mạng lưới sạch” (Clean Network), mở rộng phạm vi phong tỏa các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu của Trung Quốc, loại các doanh nghiệp và phần mềm ứng dụng được coi là “không tin cậy” của Trung Quốc ra khỏi nước Mỹ.

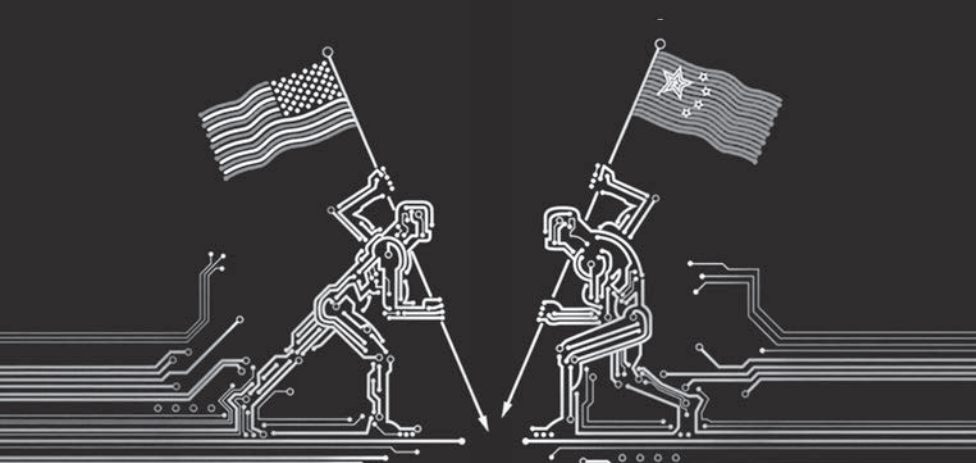
Mỹ mở rộng tấn công lĩnh vực công nghệ của Trung Quốc

Theo nhận định của giới chuyên gia, thời gian gần đây, cuộc chiến công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc không ngừng leo thang. Chính quyền của Tổng thống Donald Trump cho rằng, ứng dụng TikTok, WeChat thuộc các doanh nghiệp khoa học công nghệ hàng đầu của Trung Quốc đang trở thành mối đe dọa lớn đối với Mỹ, đồng thời lo ngại các doanh nghiệp công nghệ cung cấp dịch vụ điện toán đám mây của Trung Quốc như Alibaba, Baidu, China Mobile đánh cắp thông tin bí mật quốc gia của Mỹ.

TikTok và WeChat là hai ứng dụng truyền thông xã hội cực kỳ thành công của Trung Quốc và đang sử dụng khá phổ biến trên toàn cầu. TikTok là một ứng dụng điện thoại thông minh để tạo và chia sẻ các video ngắn, được giới thanh thiếu niên ưa thích sử dụng. Theo thống kê, hiện có hơn 100 triệu người dùng ở Mỹ và hàng trăm triệu người đang sử dụng ứng dụng này trên toàn cầu. TikTok thuộc sở hữu của ByteDance - công ty công nghệ Internet đa quốc gia của Trung Quốc, có trụ sở tại Bắc Kinh, được thành lập vào năm 2012. Tính đến tháng 5/2020, ByteDance được báo cáo là có trị giá hơn 100 tỷ USD. Trong khi đó, phần mềm WeChat thuộc công ty cổ phần đầu tư Tencent Holdings Limited, có một mạng lưới các công ty con cung cấp dịch vụ truyền thông, giải trí, Internet, dịch vụ giá trị gia tăng điện thoại di động, và các dịch vụ quảng cáo trực tuyến tại Trung Quốc. Tập đoàn này sở hữu mạng xã hội WeChat với hơn 1 tỷ người sử dụng.

Cả TikTok và WeChat đều đang đạt được số lượng người sử dụng lớn, làm lu mờ các gã khổng lồ công nghệ Mỹ. Chính quyền Tổng thống Donald Trump khẳng định, ứng dụng TikTok được sử dụng cho các chiến dịch thông tin sai lệch có lợi cho Trung Quốc và Mỹ phải có hành động tích cực chống lại công ty sở hữu TikTok để bảo vệ an ninh quốc gia. Ông Trump đã ra thời hạn 45 ngày cho Tập đoàn Microsoft phải hoàn tất việc tiếp quản hoạt động của TikTok tại Mỹ. Động thái này làm gia tăng áp lực buộc ByteDance phải ký một thỏa thuận bán toàn bộ hoặc một phần TikTok để xoa dịu những lo ngại về an ninh của Mỹ. Một thỏa thuận tiềm năng sẽ cho phép gã khổng lồ ở Thung lũng Silicon Oracle trở thành đối tác công nghệ của TikTok.

Trong khi đó, đối với WeChat, ông Donald Trump cho hay ứng dụng này tự động thu thập một lượng lớn thông tin từ người dùng và cho phép Trung Quốc tiếp cận thông tin



CUỘC CHIẾN CÔNG NGHỆ MỸ - TRUNG ĐỘNG THÁI ẪN MIỄN TRẢ MIỄN

Thu Hường

cá nhân của người Mỹ. Điều này sẽ là mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia của Mỹ, vì vậy, Tencent - chủ sở hữu của WeChat bị cấm khỏi hầu hết các hoạt động của nó tại Hoa Kỳ. Động thái này làm leo thang căng thẳng cuộc đối đầu Mỹ - Trung về tương lai của ngành công nghệ toàn cầu. Một số nhà phân tích cho rằng, các động thái của chính quyền Mỹ sẽ vô hiệu hóa hiệu quả việc sử dụng WeChat và TikTok khỏi các thị trường trực tuyến do Apple và Google điều hành.

Trước đó, vào tháng 8/2020, chính phủ Mỹ đã chính thức cấm các cơ quan chính phủ mua sản phẩm của các công ty sử dụng các dịch vụ viễn thông, giám sát hình ảnh cũng như thiết bị do 5 công ty công nghệ của Trung Quốc cung cấp, gồm: Huawei, ZTE Corp, Hytera Communications Corp, Hangzhou Hikvision Digital Technology Co và Zhejiang Dahua Technology Co. Quy định trên tiếp nối nỗ lực thanh lọc các ứng dụng không đáng tin cậy của Trung Quốc khỏi mạng lưới số của Mỹ của chính quyền Donald Trump. Giới phân tích cho biết, quyết định này cùng với một loạt lệnh cấm

các ứng dụng của Trung Quốc trước đó, không chỉ làm chấm dứt mối quan hệ lâu đời giữa các ngành công nghệ ở Mỹ và Trung Quốc, mà còn gây rạn nứt mối quan hệ hai bên trong lĩnh vực internet toàn cầu.

Đáng chú ý sau khi Tổng thống Trump ra lệnh cấm hai ứng dụng phần mềm hàng đầu của Trung Quốc tại Mỹ, Ngoại trưởng Mỹ, Mike Pompeo cũng tuyên bố đưa ra hành động "Mạng lưới sạch" (Clean Network), nhằm vào 5 phạm vi gồm: Chương trình ứng dụng, nền tảng ứng dụng, dịch vụ đám mây, dịch vụ viễn thông và dịch vụ cáp quang đáy biển. "Mạng lưới sạch" đã mở rộng hơn phạm vi phong tỏa các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu của Trung Quốc, loại bỏ các doanh nghiệp và phần mềm ứng dụng được coi là "không tin cậy" của Trung Quốc ra khỏi nước Mỹ.

Khi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và điện toán đám mây của Trung Quốc bị cấm cửa, nền tảng ứng dụng TikTok và WeChat bị gỡ bỏ tại Mỹ, các công ty viễn thông của Trung Quốc như China Telecom, theo đó cũng bị loại khỏi thị trường viễn thông của Mỹ.

Ngoại trưởng cho biết, ông đang cùng với một số Bộ trưởng Mỹ: Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng An ninh Nội địa kêu gọi Ủy ban viễn thông Liên bang Mỹ ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế để các doanh nghiệp Trung Quốc như China Telecom và 3 doanh nghiệp khác không có cơ hội quay trở lại Mỹ. Bên cạnh đó, các công ty cung cấp dịch vụ điện toán đám mây của Trung Quốc như: Alibaba, Baidu, China Mobile, China Telecom và Tencent cũng cùng chung "số phận". Ngoại trưởng Mỹ còn nêu rõ, nghiêm ngặt để phòng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây của Trung Quốc lưu trữ dữ liệu doanh nghiệp và công dân Mỹ, trong đó bao gồm cả tư liệu nghiên cứu vắc-xin COVID-19. Ngoại trưởng Pompeo cũng điểm danh doanh nghiệp khoa học công nghệ hàng đầu Trung Quốc trong hai lĩnh vực lớn là cung cấp phần mềm ứng dụng và dịch vụ cáp quang đáy biển là tập đoàn công nghệ Huawei. Mike Pompeo phê phán Huawei hỗ trợ Chính phủ Trung Quốc xâm phạm nhân quyền và theo dõi quy mô lớn, vì thế cần nghiêm ngặt để phòng Huawei và các doanh nghiệp sản xuất điện thoại thông minh khác của Trung Quốc có kế hoạch cài đặt chương trình ứng dụng đang thịnh hành tại Mỹ.

Cùng lúc, Bộ Ngoại giao Mỹ đang tìm cách ngăn chặn Trung Quốc không thể đánh cắp dữ liệu được truyền tải qua hệ thống cáp quang đáy biển kết nối giữa Mỹ với hệ thống mạng toàn cầu, Ông đích danh phê phán Công ty Mạng Hải dương (Huawei Marine) thuộc Huawei tham gia đấu thầu không công bằng trong dự án cáp quang đáy biển kết nối châu Á - Thái Bình Dương - châu Phi - châu Âu và tuyên bố Mỹ sẽ không để tình trạng này tiếp tục diễn ra.

Bằng việc mở rộng phạm vi kế hoạch Con đường Sạch 5G sang bao gồm cả các ứng dụng trên điện thoại thông minh và dịch vụ điện toán đám mây, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ cho biết, đã có hơn 30 nước đã trở thành “Quốc gia sạch”, nhiều doanh nghiệp viễn thông lớn trên thế giới cũng trở thành “Doanh nghiệp viễn thông sạch”, đồng thời, kêu gọi các nước đồng minh của Mỹ tham gia kế hoạch này, chống lại Trung Quốc và bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân.

Động thái ăn miếng trả miếng

Đáp trả lại hành động của Mỹ, tháng 8/2020, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc, Vương Văn Bân (Wang Wenbin) chỉ trích cách làm của Mỹ là không có căn cứ và cáo buộc chính quyền của Tổng thống Donald Trump đang lạm dụng sức mạnh quốc gia chèn ép các doanh nghiệp khoa học công nghệ của Trung Quốc.

Tháng 9/2020, Bộ Thương mại Trung Quốc đã đưa ra một cơ chế cho phép nước này trừng phạt các công ty nước ngoài, nâng cao vị thế trong cuộc chiến công nghệ với Mỹ. Theo đó, “Danh sách thực thể không đáng tin cậy” mà Trung Quốc đưa ra được coi là vũ khí để Bắc Kinh trả đũa Mỹ, vốn đã sử dụng “danh sách thực thể” của riêng mình để loại trừ gã khổng lồ viễn thông Trung Quốc Huawei khỏi thị trường Mỹ, đồng thời chống lại TikTok và WeChat. Việc triển khai cơ chế này diễn ra chỉ một ngày sau khi Bộ Thương mại Mỹ tăng cường áp lực bằng cách ra lệnh cấm tải ứng dụng video TikTok và ngăn chặn hiệu quả việc sử dụng WeChat, siêu ứng dụng của Trung Quốc.

Các biện pháp trừng phạt có thể bao gồm phạt tiền đối với tổ chức nước ngoài, cấm tổ chức này tiến hành thương mại và đầu tư ở Trung Quốc, hạn chế việc nhập cảnh

của nhân viên hoặc thiết bị vào nước này. Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết, phạm vi của cơ chế trừng phạt mới bao gồm các doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức và cá nhân khác.

Theo giới phân tích quốc tế, khi Trung Quốc theo đuổi “Chủ nghĩa độc tài kỹ thuật số” (Digital authoritarianism), thì Mỹ đưa ra chương trình “Mạng sạch” để đối phó. Theo đó, các công ty công nghệ của Trung Quốc sẽ chịu tác động nghiêm trọng, trước hết là gặp trở ngại khi mở rộng hoạt động ra bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc, khiến chiến lược “phát triển ra bên ngoài” sẽ chịu sức ép.

Một số nhà phân tích cho rằng, Mỹ phát động một cuộc chiến tranh công nghệ tấn công toàn diện đối với Trung Quốc, tạo thành đòn tấn công vào yếu huyệt của Trung Quốc và đưa ra dự báo, các doanh nghiệp công nghệ của Trung Quốc sẽ hứng chịu tác động nghiêm trọng.

Hậu quả là hành động này của Mỹ không chỉ liên quan đến đến phần cứng, phần mềm mà còn bao gồm cả xây dựng cơ sở hạ tầng mạng, điều này sẽ khiến tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chịu tác động tiêu cực lớn. Do tăng trưởng khoa học công nghệ của Trung Quốc không chỉ nhìn vào trong nước, mà cần lan tỏa khắp thế giới. Nếu việc các doanh nghiệp khoa học công nghệ Trung Quốc mở rộng ra bên ngoài bị ngăn cản, bản đồ khoa học công nghệ không thể mở rộng, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc là không tránh khỏi. Việc nước Mỹ mở rộng hành động bao vây lĩnh vực khoa học công nghệ của Trung Quốc chính là dựng lên “Bức tường Berlin số hóa” nhằm vào Trung Quốc. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng Trung Quốc mới là bên dựng lên “Bức tường vây số hóa” trước, nhằm hạn chế

doanh nghiệp Mỹ tham gia vào thị trường Trung Quốc. Điều này đã dẫn đến việc Mỹ đưa ra biện pháp mạnh để đối phó hành động của Trung Quốc. Năm 2017, Trung Quốc thực thi Luật An ninh mạng, yêu cầu các doanh nghiệp tại Trung Quốc lưu trữ thông tin cá nhân và dữ liệu doanh nghiệp trong lãnh thổ Trung Quốc, đồng thời, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan an ninh, cũng như thông qua các cơ quan an ninh quốc gia thẩm tra. Điều này đã gây ra nhiều tranh cãi. Theo các chuyên gia, cùng với những doanh nghiệp công nghệ kỹ thuật của Trung Quốc trỗi dậy, ứng dụng TikTok của ByteDance không ngừng vươn ra bên ngoài, khiến mọi người lo ngại liệu Luật An ninh mạng của Trung Quốc cũng sẽ vươn ra bên ngoài biên giới Trung Quốc. Nhìn từ góc độ này, có thể thấy phương án “Mạng lưới sạch” của Mỹ chính là hành động chống lại “chủ nghĩa độc tài số hóa” của Trung Quốc.

Những động thái ăn miếng trả miếng cho thấy sự chia rẽ công nghệ ngày càng gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc, khi cả hai quốc gia đề xuất các mô hình quản trị kỹ thuật số toàn cầu riêng biệt. Chính quyền Trump đã đưa ra các kế hoạch cho một “mạng lưới sạch” và tất cả các biện pháp chỉ nhắm vào Trung Quốc. Đáp lại, Trung Quốc đã công bố đề xuất của riêng họ về các tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu, dựa trên «chủ quyền mạng». Điều này sẽ cho phép các quốc gia riêng lẻ điều chỉnh và kiểm soát việc sử dụng Internet của họ. Các nhà phân tích cho rằng, căng thẳng leo thang trong cuộc chiến công nghệ Mỹ - Trung sẽ khiến cho nhiều quốc gia và doanh nghiệp bị cuốn vào cuộc đối đầu này, khiến hợp tác công nghệ quốc tế dần biến mất, gây nguy cơ gián đoạn cho ngành công nghệ toàn cầu./



THÁI NGUYÊN TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Theo số liệu thống kê từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên, hiện nay trên địa bàn Tỉnh có khoảng 800 di tích lịch sử văn hóa, danh lam, thắng cảnh được kiểm kê, bảo vệ theo quy định của Luật Di sản; 17 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia, cùng nhiều phong tục tập quán đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Tỉnh. Đây là nguồn tài nguyên lịch sử quý giá trong khai thác và phát triển du lịch.

Những năm qua, để khai thác hiệu quả tiềm năng về du lịch, tỉnh Thái Nguyên xác định đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển ba loại hình du lịch, gồm: Du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, về nguồn và du lịch trải nghiệm vùng chè - văn hóa trà Tân Cương. Trong đó, du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng với trọng tâm là khu du lịch hồ Núi Cốc; du lịch về nguồn với trọng tâm là ATK Định Hóa và du lịch trải nghiệm vùng chè - văn hóa trà Tân Cương, TP. Thái Nguyên, đồng thời gắn kết ba loại hình du lịch này để hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo sự hấp dẫn cho khách du lịch. Cho đến nay, đã có nhiều tập đoàn kinh tế lớn, có kinh nghiệm và năng lực thực hiện khảo sát nghiên cứu các dự án phát triển du lịch trên địa bàn Tỉnh, Dự án điển hình như: Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch tâm linh vùng Hồ Núi Cốc; quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị phía Tây thành phố Thái Nguyên; dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Chí Đồng Tam Đảo...

Để tạo ra sản phẩm du lịch có chất lượng và tăng cường kết nối giao thông đến các khu, điểm du lịch, tỉnh Thái Nguyên đã quy hoạch 03 sân golf, nghiên cứu xây dựng đường du lịch ven hồ Núi Cốc; đường từ km 31 trên quốc lộ 3 vào Khu di tích quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa. Mặt khác, tỉnh Thái Nguyên cũng luôn coi trọng công tác liên kết, hợp tác du lịch. Tỉnh thường xuyên tham gia các hoạt động kích cầu du lịch nội địa, tăng cường liên kết với các tỉnh trong khu vực và cả nước, điển hình như hợp tác liên kết phát triển du lịch với tỉnh Quảng Bình, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Bắc... Song song với đó, để phát triển nguồn nhân lực du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tỉnh mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ du lịch cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, cũng như người dân tại các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn. Bên cạnh đó, để thu hút khách du lịch đến với Thái Nguyên, hàng năm Tỉnh tăng cường công tác quảng bá tài nguyên, sản phẩm du lịch thông qua các hoạt động như: Khai mạc Mùa Du lịch; tích cực tham gia chương trình du lịch "Qua những miền di sản Việt Bắc"; tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn... xây dựng Website, phóng sự; làm phim; phát hành ấn phẩm... để tuyên truyền quảng bá về du lịch Thái Nguyên.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, du lịch trong những năm qua du lịch tỉnh Thái Nguyên đã có chuyển biến tích cực, hạ tầng du lịch được đầu tư phát triển, nhiều khu du lịch được đầu tư



bài bản với quy mô lớn như khu du lịch Hồ Núi Cốc, khu du lịch ATK Định Hóa. Nhiều khu, điểm du lịch sinh thái (DLST) mới được hình thành như: Khu DLST làn nhà sàn Thái Hải, Dũng Tân; khu du lịch Hang Phượng Hoàng, vùng chè Tân Cương, La Bằng, Phú Đô, Túc Tranh... Cùng với đó, chất lượng các dịch vụ du lịch ngày càng được nâng lên. Lượng du khách đến với Thái Nguyên ngày một tăng, doanh thu du lịch hàng năm của tỉnh Thái Nguyên tăng bình quân từ 10-15%, trung bình mỗi năm các cơ sở lưu trú trên địa bàn Tỉnh phục vụ khoảng 600 nghìn lượt du khách, trong đó du khách quốc tế khoảng 62 nghìn lượt người. Đặc biệt năm 2019, số lượt khách du lịch đến với Thái Nguyên đạt 2900 nghìn lượt, tăng 15% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế ước đạt 75,3 nghìn lượt, tăng 7,1%; doanh thu từ các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn Tỉnh ước đạt 430 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ. Du lịch phát triển đã giúp tỉnh Thái Nguyên giải quyết được bài toán về việc làm, thu nhập cho hàng chục nghìn lao động, đặc biệt là người lao động tại vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số nơi có các khu, điểm du lịch được đầu tư, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân./

Hùng Minh



Những năm qua, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, từng bước mang lại hiệu quả tích cực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

HIỆU QUẢ TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở THÁI NGUYÊN

Đào tạo tiên tiến, chất lượng cao của khu vực và quốc tế vào hoạt động giảng dạy nhằm đào tạo nhân lực có tay nghề cao phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã tham mưu cho UBND tỉnh tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các ngành nghề trọng điểm đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt đối với các nhà trường của tỉnh và các ngành nghề mũi nhọn, trọng điểm theo định hướng phát triển kinh - tế xã hội của tỉnh đến năm 2025...

Đồng thời, chỉ đạo các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh, nhất là các trường cao đẳng, trường trung cấp đẩy mạnh việc đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh tham gia xây dựng, thẩm định chương trình, giáo trình, đánh giá chất lượng đào tạo để chương trình học tập sát với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp, kết hợp trong việc đưa học sinh, sinh viên (HSSV) đến thực hành và thực tập; mời đội ngũ kỹ thuật viên có chuyên môn tốt trong doanh nghiệp tham gia giảng dạy tại nhà trường hoặc tại địa điểm thực tập. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đăng ký tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp và thị trường lao động.

Với những định hướng trên nhiều trường đã xây dựng chương trình liên kết đào tạo, đào tạo theo địa chỉ (đào tạo theo đơn đặt hàng) thông qua việc ký hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp (như Trường CĐ nghề số 1 - BQP, Trường CĐ Công nghiệp Việt Đức, Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật, Trường TC Dân tộc nội trú, Trường TC Nghề Thái Nguyên,...), số HSSV tốt nghiệp có việc làm theo đơn đặt hàng đạt trên 90%, cung cấp



Học viên Trường Trung cấp DTNT tỉnh Thái Nguyên hoàn thành khóa học được trao Bằng tốt nghiệp tại Lễ bế giảng.

hàng nghìn lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp.

Thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT) theo Quyết định số 1956 của Thủ tướng Chính phủ, đã cung cấp cho LĐNT kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phù hợp theo trình độ của người học. Nhìn chung, công tác đào tạo nghề của tỉnh thời gian qua đã bám sát với thực tế, thể hiện qua tỷ lệ lao động sau học nghề có việc làm đều vượt kế hoạch đề ra, số LĐNT có việc làm sau học nghề là 12.244 người, đạt bình quân 82,04%. Trong đó, có 2.631 người được doanh nghiệp tuyển dụng; 1.290 người được doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm; 7.595 người tiếp tục làm công việc cũ nhưng nâng suất lao động và thu nhập tăng lên; 728 người thành lập doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác.

Thực tế cho thấy, đào tạo nghề cho LĐNT ở Thái Nguyên đã góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, nhiều hộ gia đình khi có người tham gia học nghề, có việc làm với thu nhập ổn định đã thoát nghèo, một số trở thành hộ khá, hộ giàu./.

Trọng Nghĩa

Tính đến 30/8/2020, trên địa bàn toàn tỉnh có 50 cơ sở GDNN, trong đó có 13 trường cao đẳng, 7 trường trung cấp, 13 trung tâm GDNN công lập và 17 cơ sở khác có tham gia hoạt động GDNN. Trong tổng số 50 cơ sở GDNN có 37 cơ sở công lập và 13 cơ sở ngoài công lập; 15 cơ sở do Trung ương quản lý (10 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 01 phân hiệu trường cao đẳng, 02 trung tâm tham gia hoạt động GDNN); 35 cơ sở do địa phương quản lý. Quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khoảng 40.000/người/năm.

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên nói riêng và của vùng trung du, miền núi phía Bắc nói chung. Các nhà trường đã chủ động trong việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo theo các trình độ, tích cực đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, tích hợp kiến thức, kỹ năng, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học vào thực hành nghề nghiệp tại nhà trường và các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo được các trường thực hiện thường xuyên theo yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và sự phát triển của khoa học công nghệ. Một số trường đã chủ động lựa chọn, áp dụng chương trình, tiêu chuẩn và công nghệ



SỨC BẬT MỚI TỪ NGÀNH NÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, từ nay đến năm 2025, Thái Nguyên sẽ tiếp tục phát huy những lợi thế so sánh, lợi thế đặc thù của địa phương, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành theo hướng sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

Tập trung vào 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực

Giai đoạn trước, thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, Tỉnh đã xác định các sản phẩm chủ lực bao gồm: Lúa, chè, rau, cây ăn quả, bò, gà, cây gỗ lớn..., đồng thời ban hành nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ các địa phương, nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi (phù hợp với quy hoạch, định hướng), thay đổi phương thức sản xuất theo hướng đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Đến nay, Tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa có quy mô lớn, giá trị cao như chè, lúa, rau, hoa, vùng cây ăn quả, chăn nuôi gà, thủy sản, rừng trồng gỗ lớn... Nổi bật, cây chè có diện tích trên 22,4 nghìn ha, sản lượng đạt 245 nghìn tấn, trong đó, tỷ lệ giống mới đạt gần 80%, diện tích chè được cấp chứng chỉ VietGap, hữu cơ là 2,6 nghìn ha. Giá trị sản phẩm bình quân trên 1ha chè đạt từ 370 đến 475 triệu đồng (đặc biệt, một số vùng chè đặc sản, thu nhập có thể lên tới 600 triệu đồng/ha). Chè Thái Nguyên đạt được nhiều được giải cao tại các cuộc thi quốc tế đã khẳng định được vị thế là "Đệ nhất danh trà".

Việc thực hiện tái cơ cấu đã góp phần quan trọng duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành, bình quân



Đồng chí Phạm Văn Sỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên (ngoài cùng bên trái) thăm mô hình trồng chè theo hướng hữu cơ tại thị trấn Sông Cầu (Đồng Hỷ)

giai đoạn 2016-2020 đạt 4,5%/năm, giá trị sản phẩm thu được trên 1ha trồng trọt tăng 16%/năm, ước sẽ đạt 103 triệu/ha vào cuối năm 2020. Thời gian tới, quá trình tái cơ cấu ngành sẽ có thay đổi để phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu. Cụ thể, Thái Nguyên sẽ chỉ còn tập trung vào 6 sản phẩm bao gồm: Chè, cây ăn quả, thịt lợn, thịt gà và trứng gà, quế, sản phẩm gỗ. Mục tiêu đến năm 2025, tổng diện tích chè đạt 23,5 nghìn ha; vùng cây ăn quả gồm các cây chính là na (đạt 1.530 ha), nhãn (hơn 2.300 ha) và bưởi (khoảng 2.370 ha); tổng đàn lợn đạt 750 nghìn con, đàn gà hơn 15 triệu con; diện tích rừng gỗ lớn được cấp chứng chỉ FSC đạt 10% tổng diện tích rừng trồng; diện tích quế đạt 6,5 nghìn ha...

Để cụ thể hóa chương trình phát triển các sản phẩm chủ lực,

Tỉnh sẽ rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn tiếp theo, đảm bảo bố trí đủ quỹ đất phục vụ kế hoạch phát triển các vùng sản xuất tập trung. Các chính sách hỗ trợ sẽ tập trung đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất; hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ tín dụng cho người dân để họ có đủ năng lực và điều kiện áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất; chú trọng xây dựng các trung tâm quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực và các sản phẩm OCOP...

Duy trì và phát huy thành quả trong xây dựng nông thôn mới

Sau 10 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng



nông thôn mới (NTM), Thái Nguyên đã tạo được dấu ấn thành công nổi bật. Đến tháng 8/2020, toàn tỉnh đã có 103 xã đạt chuẩn NTM, 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, bình quân toàn tỉnh đạt 17,23 tiêu chí/xã (cao hơn bình quân chung của cả nước là 16,2 tiêu chí/xã). Thái Nguyên được Trung ương đánh giá là tỉnh dẫn đầu trong 14 tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện phong trào thi đua “Cả nước thi đua chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2010 - 2020.

Có thể nói, xây dựng NTM đã trở thành phong trào thi đua sâu rộng có tính lan tỏa trong toàn tỉnh, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia. Nguồn lực để xây dựng NTM chủ yếu ở trong dân và xã hội hóa, ngân sách nhà nước chỉ đóng vai trò “vốn mồi” để thu hút, khuyến khích sự đóng góp từ nhân dân, tổ chức kinh tế trên địa bàn. Cụ thể, trong giai đoạn 2016 – 2020, toàn Tỉnh huy động được trên 34.431 tỷ đồng để xây dựng NTM, trong đó, vốn từ ngân sách (Trung ương, địa phương, lồng ghép) chỉ khoảng 4,9 nghìn tỷ đồng.

Quá trình xây dựng NTM ở Thái Nguyên đã góp phần làm thay đổi diện mạo của khu vực nông thôn và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Nổi bật, trong 5 năm gần đây, kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn đã được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Toàn tỉnh xây dựng được 212 km kênh mương, xây dựng mới và cải tạo 80 công trình hồ đập thủy lợi, nâng cấp 3.925 km đường giao thông nông thôn, 100% xóm bản được sử dụng điện lưới quốc gia. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 40,5 triệu đồng/năm vào cuối năm 2020 (gấp 3,7 lần so với năm 2010).

Trên cơ sở nền tảng đã đạt được, để chương trình xây dựng NTM đạt được thành công tốt hơn nữa, thời gian tới, Thái Nguyên sẽ tập trung vào công tác tuyên truyền để người dân nắm được xây dựng nông thôn mới là quá trình có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc; duy trì việc huy động các nguồn lực của xã hội tham gia xây dựng chương trình xây dựng NTM; tập trung nâng cao thu nhập cho người dân, trong đó giải pháp then chốt là thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; tiếp tục nâng cao các tiêu chí đã hoàn thành, nâng xã đạt chuẩn NTM thành xã NTM kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao; tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, đảm bảo công tác an ninh trật tự ở các vùng nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi nhất phát huy truyền thống văn hóa của đồng bào các dân tộc.

Với sự chỉ đạo quyết liệt, đúng hướng, quá trình điều hành linh hoạt của các cấp chính quyền, tin rằng Thái Nguyên sẽ đạt được nhiều kết quả cao hơn nữa trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn./.

Trịnh Long

Những năm qua, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện Phú Lương được cả hệ thống chính trị và người dân chăm lo phát triển. Nhờ đó, chất lượng và hiệu quả giáo dục có sự chuyển biến mạnh mẽ. Quy mô và mạng lưới trường, lớp phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Huyện. Nhờ triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển giáo dục, chất lượng dạy và học không ngừng nâng lên, được thể hiện qua những con số như: Trong 03 năm học gần đây, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,9%; tỷ lệ học sinh yếu ở cấp Tiểu học chỉ còn 0,88%, ở cấp THCS còn 2,5%, trong khi học sinh khá, giỏi ở cấp THCS tăng lên 56,9%. Hiệu quả công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ ngày càng được nâng lên. Năm 2019, huyện Phú Lương tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2, có 12 xã được xếp loại “Cộng đồng học tập” tốt và 03 xã xếp loại khá.

Với việc thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên thông qua các hoạt động như: Tập huấn; tổ chức các chuyên đề với nhiều nội dung khác nhau; cải tiến nội dung, hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn; khuyến khích giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tự bồi dưỡng; cử và tạo điều kiện cho giáo viên đi học các lớp đạt chuẩn và nâng chuẩn theo hình thức tại chức... giúp cho ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Lương luôn có một đội ngũ cán bộ, giáo viên đảm bảo về lượng và chất. Tính đến tháng 6 năm 2020, Ngành giáo dục và Đào tạo huyện Phú Lương có 96% cán bộ quản lý các nhà trường có trình độ trung cấp lý luận; 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn ở cấp mầm non là 91,2%, cấp tiểu học là 92,1%, cấp THCS là 82,2%.

Mặc dù điều kiện kinh tế - xã hội của Huyện còn nhiều khó khăn, việc huy động nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế nhưng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Lương đã chủ động và tích cực trong việc tham mưu và triển khai xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục đầy đủ, kịp thời; chủ động xây dựng danh mục đầu tư và trình Sở GDĐT và UBND huyện ưu tiên đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nhất là các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số DTTS như: Chương trình xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016-2020;



KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở HUYỆN PHÚ LƯƠNG- THÁI NGUYÊN

kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2020-2025; đề án kiên cố hóa, trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; Dự án giáo dục Trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất ... đã giúp cho cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn Huyện từng bước được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, giai đoạn 2018 -2020, Phòng Giáo dục Huyện đã tham mưu để UBND huyện bố trí nguồn lực cải tạo, sửa chữa, xây mới 44 công trình trường, lớp học tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống, với tổng vốn đầu tư gần 109 tỷ đồng, giúp hạ tầng giáo dục tại các vùng khó khăn của Huyện có sự cải thiện đáng kể. Đến nay, toàn Huyện đã có 44/53 trường đạt chuẩn Quốc gia, chiếm 83%.

Bên cạnh đó, để thu hẹp khoảng cách chất lượng dạy và học giữa các trường trong Huyện, đặc biệt là những trường ở vùng DTTS, ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Lương đã thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS,



Đ.ç Bùi Thanh Hải - Ủy viên BCH Đảng bộ Tỉnh - Bí thư huyện Phú Lương tặng hoa chúc mừng trường THCS Phấn Mễ II

như: Chỉ đạo các trường thực hiện hiệu quả đề án "Tăng cường tiếng việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", đồng thời thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách dành cho học sinh và giáo viên vùng DTTS và đặc biệt khó khăn. Điều này đã giúp thu hẹp khoảng cách trình độ giáo viên cũng như chất lượng dạy và học giữa các trường, các cấp học

trong Huyện, giúp cho chất lượng đào tạo của huyện Phú Lương phát triển đồng đều.

Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được, hiện ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Phú lương đang tập trung nhiều giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Huyện như: Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên thông qua việc tổ chức hội thi gắn với các phong trào thi đua của ngành; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra đánh giá đối với các nhà trường và đội ngũ giáo viên; tiếp tục tham mưu với các cấp để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học, cũng như thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với giáo viên.../.

Thành Nam



Hội nghị tổng kết năm học 2019-2020 và triển khai nhiệm vụ năm học 2020-2021 cấp THCS



TRUNG TÂM VĂN HÓA NGHỆ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN PHÁT HUY VAI TRÒ CHÍNH TRỊ CỦA VĂN HÓA NGHỆ THUẬT TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của ngành, thời gian qua, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên, đã phát huy tính chủ động, triển khai, tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn.

Các hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật ở các cấp trong tỉnh diễn ra sôi nổi, thường xuyên, liên tục, gắn với các sự kiện chính trị, các lễ hội lớn của tỉnh, của quốc gia, đáp ứng có hiệu quả nhu cầu thưởng thức văn hóa nghệ thuật của công chúng, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh, góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Chỉ riêng năm 2019 và 9 tháng đầu năm 2020, Trung tâm đã tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân trong tỉnh 204 buổi; biểu diễn 32 buổi phục vụ văn hóa Trà; 38 buổi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị như: Hội nghị tổng kết công tác năm 2018, triển khai nhiệm vụ năm 2019 và tổng kết phong trào thi đua yêu nước của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 2018; Đại hội đại biểu các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Lễ kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ; Kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng CSVN; Kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; Kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh... Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện 150 buổi biểu diễn phục vụ vùng đồng bào khó khăn và các đối tượng chính sách.

Bên cạnh đó, Trung tâm cũng tổ chức và tham gia thành công nhiều đợt Liên hoan, Hội thi, Hội diễn trong tỉnh, khu vực và toàn quốc, đạt được nhiều thành tích cao. Điển hình như năm 2019, tham gia Liên hoan tuyên truyền kỷ niệm 65 năm ngày chiến thắng Điện Biên phủ kết quả đạt được



Tiết mục biểu diễn chào mừng ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Giải A: Trưng bày Triển lãm ảnh tuyên truyền với chủ đề "Từ ATK Thái Nguyên đến chiến thắng Điện Biên phủ; Giải A: Trang trí xe cổ động tuyên truyền; Giải A tiết mục văn nghệ cổ động; 03 giải B tiết mục văn nghệ cổ động. Tham gia Hội thi múa không chuyên toàn quốc năm 2019 tại tỉnh Ninh Thuận, kết quả đạt được: 01 Huy chương Vàng chương trình; 01 Huy chương Vàng tiết mục: Lời Then; 02 Huy chương Bạc tiết mục: Ký ức của mẹ và Những người lính đảo. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham gia Hội thi tìm hiểu về chủ quyền biển, đảo Việt Nam năm 2019 tại tỉnh Hòa Bình, kết quả đạt được: Giải Ba toàn đoàn; Giải Nhì Đội tuyên truyền lưu động; Giải Ba xe tuyên truyền lưu động; Giải Nhì triển lãm.

Là đơn vị được giao thực hiện xây dựng mô hình, mẫu hình làng bản văn hoá cơ sở, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đã sớm triển khai Kế hoạch xây dựng mô hình, mẫu hình làng bản văn hóa cơ sở về hoạt động văn hóa văn nghệ. Với sự sáng tạo và đổi mới phương pháp, thống nhất



Tiết mục tham gia hội diễn ca múa nhạc

cách làm, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh với Phòng VH-TT, Trung tâm VH-TT&TT huyện, thành phố, thị xã; sự quan tâm vào cuộc của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể; sự nhiệt tình của các hạt nhân văn nghệ tại 10 điểm xây dựng mô hình, mẫu hình làng, bản văn hóa cơ sở về hoạt động văn hóa văn nghệ năm 2019 đã thành công tốt đẹp.

Với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật hoạt động ngày càng phong phú, đa dạng, của Trung tâm tổ chức đã đem lại kết quả thiết thực, tạo hiệu ứng xã hội tích cực giúp gắn kết cộng đồng, góp phần đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đi vào cuộc sống. Đồng thời, tăng cường quảng bá hiệu quả các sản phẩm, tiềm năng thế mạnh về du lịch cũng như hình ảnh về văn hóa, con người Thái Nguyên đến với nhân dân, du khách, bạn bè trong nước và quốc tế./

Minh Châu



THÁI NGUYÊN: TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀO PHÁT TRIỂN KINH KẾ XÃ HỘI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Thái Nguyên là tỉnh trung du miền núi phía Bắc, dân số trên 1,2 triệu người, trong đó dân số sống ở khu vực nông thôn chiếm 65%, có khoảng 27% là người dân tộc thiểu số. Những năm gần đây, kinh tế của tỉnh Thái Nguyên luôn tăng trưởng khá, năm 2018 đạt 10,5%, bằng 1,5 lần bình quân chung của cả nước, năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo của Tỉnh còn 6,39%, đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, góp phần củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc. Có được những kết quả trên, là nhờ sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị và người dân trong Tỉnh, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống Ngân hàng Chính sách Xã hội (CSXH), đặc biệt là đối với công tác giảm nghèo của Tỉnh.

Thực hiện vai trò, sứ mệnh của mình, Ngân hàng CSXH tỉnh Thái Nguyên đã bám sát định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của Tỉnh để triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng CSXH. Hiện nay, vốn tín dụng chính sách đã được đầu tư đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tỉnh. Đến tháng 8 năm 2020, với 16 chương trình tín dụng đang triển khai, dư nợ tín dụng đạt trên 4,3 nghìn tỷ đồng, tạo vốn vay cho trên 140,5 nghìn lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Nhờ nguồn vốn của Ngân hàng CSXH mà gần 63 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh; gần 2,5 nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học; trên 6 nghìn lao động được duy trì và tạo việc làm mới, hơn 500 lao động được đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; gần 22 lượt hộ hoạt động sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn được vay vốn. Bên cạnh đó, nhờ nguồn vốn



Niềm vui của người dân thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên khi đến Điểm giao dịch NHCSXH thị xã nhận và hoàn trả vốn vay.

Ảnh: Tư liệu.

tín dụng CSXH, mà trong 5 năm vừa qua, đã có trên 66,7 nghìn công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trên 1,7 nghìn căn nhà ở cho hộ nghèo và 48 nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp được đầu tư xây dựng, góp phần cải thiện đáng kể cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa nhà ở tại các vùng nông thôn của tỉnh Thái Nguyên.

Hoạt động tín dụng CSXH đã từng bước cung ứng dịch vụ tài chính ngân hàng cho nhân dân các dân tộc miền núi, vùng cao. Cũng chính từ việc tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi, nên tín dụng CSXH đã góp phần hạn chế tình trạng người nghèo và các đối tượng chính sách phải tìm kiếm những khoản vay lãi suất cao, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn... Thông qua tín dụng CSXH, các hộ nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác có vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, là đòn bẩy kinh tế kích thích người nghèo phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu để cải thiện cuộc sống.

Đây cũng là nguồn lực to lớn để tỉnh Thái Nguyên thực hiện các mục tiêu như: phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát triển giáo dục; dạy nghề,

tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới...

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, những năm qua, hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên luôn nhận được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương. Hàng năm, các cấp ủy, chính quyền địa phương của tỉnh Thái Nguyên trong việc chỉ đạo sát sao, kịp thời điều tra, rà soát phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác làm căn cứ để Ngân hàng CSXH tỉnh Thái Nguyên thực hiện các thủ tục giải ngân ngân nguồn vốn được nhanh chóng và đảm bảo đúng đối tượng được thụ hưởng. Mặt khác, các hội, đoàn thể cấp xã và Ban quản lý tổ Tiết kiệm và Vay vốn cơ sở luôn hoạt động tích cực, giám sát hiệu quả hoạt động sử dụng đồng vốn của người vay, thực hiện tốt vai trò là "cánh tay nối dài" của Ngân hàng CSXH. Chính những điều này, đã giúp cho hoạt động tín dụng CSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ngày càng hiệu quả, đóng góp ngày càng lớn vào quá trình đổi mới và phát triển của địa phương./.

P.V

HUYỆN ĐẠI TỪ

HOÀN THIỆN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trong giai đoạn 2016 – 2020, huyện Đại Từ đã tập trung toàn lực để ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, tạo thêm cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế, tạo sức hút với các nhà đầu tư mới.

Cụ thể, với đường tuyến xã, Huyện đã hoàn thành vượt mục tiêu đề ra, xây dựng được trên 151 km, kinh phí huy động thực hiện đạt trên 287% kế hoạch. Nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, người dân đã hết lòng ủng hộ, hiến đất, tài sản để làm đường giao thông nông thôn và các tuyến đường do tỉnh quản lý như: Xây dựng 05 ngả tràn trên tuyến đường ĐT261; tràn Cổ Châu xã Bình Thuận; cầu Suối Tắm; nâng cấp mở rộng nền, mặt đường ĐT261; các tuyến đường ĐT263B, 263C và các tuyến đường giao thông nông thôn.

Trong việc triển khai xây dựng, Huyện chỉ đạo phòng Kinh tế và Hạ tầng trực tiếp khảo sát, thiết kế các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn Huyện theo hình thức thiết kế đơn giản để tiết kiệm chi phí, các công trình cơ bản đều đáp ứng tiến độ đề ra, không để công trình nào chưa có thiết kế đã thi công, đến thời điểm hiện tại đã thiết kế được trên 250 km đường các loại, đồng thời tiết kiệm được khoảng 40 tỷ đồng tiền khảo sát, thiết kế, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công của Huyện.

Do đặc thù là Huyện có diện tích rộng, gồm nhiều đơn vị hành chính, địa hình chủ yếu là đồi núi, trung du nên khối lượng đường giao thông rất lớn, để đạt được kết quả như trên, là nhờ sự nỗ lực



Đường giao thông nông thôn xã Tân Linh, huyện Đại Từ

của cả hệ thống chính trị và người dân trong Huyện. Tuy nhiên, trong bối cảnh, nguồn lực đầu tư cho xây dựng các tuyến đường giao thông còn hạn chế, nên việc đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; việc huy động đóng góp từ nhân dân còn gặp nhiều khó khăn... Để khắc phục những khó khăn trên, trong giai đoạn 2021 – 2025, huyện Đại Từ đã đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cao hơn nữa chất lượng hạ tầng giao thông trên địa bàn Huyện như: Tiếp tục rà soát các chỉ tiêu còn đạt thấp trong đề án để có những giải pháp tập trung chỉ đạo thực hiện; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và các xã, thị trấn tích cực vận động nhân dân hiến đất, tài sản để GPMB đầu tư xây dựng các công trình giao thông. Phát huy tốt vai trò của MTTQ và các cấp, các ngành trong việc tham gia xây dựng đường giao thông và thực hiện tốt công tác giám sát cộng đồng;

Tăng cường vận động thu hút các nguồn lực đầu tư; Phối hợp tốt với các ngành của Tỉnh để triển khai thi công nâng cấp, cải tạo các tuyến đường Tỉnh; Bố trí vốn cho việc thực hiện quản lý và bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện; Xây dựng mô hình tự quản tại cơ sở các xã, thị trấn nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, sửa chữa thường xuyên đường giao thông nông thôn và các công trình thoát nước đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn; Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng đối với tập thể, cá nhân, hộ gia đình có nhiều thành tích tiêu biểu.

Với sự đồng lòng quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân, chắc chắn hệ thống hạ tầng giao thông huyện Đại Từ thời gian tới sẽ ngày một hoàn thiện tốt hơn, qua đó nâng cao sức hút đầu tư của Huyện, cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ngày một tốt hơn nữa./.

Hoàng Hiến



HUYỆN ĐỊNH HÓA - ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Những năm qua, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên (GDNNGDTEX) huyện Định Hóa đã có sự chuyển mình mạnh mẽ. Trung tâm đã tổ chức hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua, tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, đồng thời thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của các cấp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề môn học, dạy tích hợp liên môn... Nhờ đó, chất lượng dạy học của Trung tâm có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng đại trà từng bước được nâng cao, số học sinh yếu kém giảm. Hàng năm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 90%. Năm học 2018-2019, Trung tâm được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ thi đua vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo trong dạy và học".

Cùng với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề trong tỉnh, Trung tâm GDNNGDTEX huyện Định Hóa luôn làm tốt công tác tuyên truyền phân luồng học sinh, định hướng nghề nghiệp cho các em. Hoạt động dạy nghề của Trung tâm ngày càng đi vào chiều sâu, hàng năm Trung tâm luôn duy trì từ 5-6 lớp trung cấp nghề. Trong 03 năm học vừa qua, Trung tâm đã tổ chức được 13 lớp trung cấp nghề, với các nghề như: Chế biến món ăn; điện; cơ khí; tin học văn phòng; may công nghiệp; quản lý nhà hàng khách sạn.

Là đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Trung tâm GDNNGDTEX huyện Định Hóa luôn bám sát nhu cầu đào tạo nghề của các địa phương trong huyện, tập trung



Quang cảnh Lễ khai giảng lớp quản lý nhà nước ngạch chuyên viên tại Trung tâm GDNN-GDTEX huyện Định Hóa

đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh, huyện về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời, dựa trên chiến lược phát triển kinh tế của Huyện tổ chức điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề, xác định các nghề đào tạo, thực hiện tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho lao động; chủ động xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện đáp ứng nhu cầu đào tạo, chiêu sinh; liên kết với các trường mở các lớp dạy nghề phù hợp với khả năng của người học. Cùng với đó, Trung tâm cũng tập trung huy động các nguồn lực đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất; quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy; đa dạng hóa các loại hình đào tạo; tổ chức giảng dạy theo hướng có mô hình, có trọng tâm, trọng điểm; giảng dạy theo phương châm "học đi đôi với làm", học viên vừa học vừa được thực hành, đảm bảo tay nghề vững vàng khi kết thúc khóa học.

Trong giai đoạn 2007-2020, Trung tâm đã đào tạo được 70 lớp nghề cho lao động nông thôn,

với hơn 2,6 nghìn học viên. Thông qua những lớp đào tạo này, nhiều lao động, đặc biệt là lao động người dân tộc thiểu số được trang bị các kiến thức sản xuất như: chế biến chè xanh, chè đen; nuôi và phòng trừ bệnh cho gà, lợn; trồng và nhân giống nấm, những kỹ năng trong sửa chữa máy nông nghiệp. Qua khảo sát cho thấy, 100% học viên sau khi tham gia các lớp đào tạo nghề đều có thể áp dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất. Đặc biệt nhiều học viên, đã mạnh dạn đầu tư vào phát triển chăn nuôi với quy mô lớn, thành lập các cơ sở chế biến chè, sản xuất ra những sản phẩm có giá trị cao cung ứng bán ra thị trường; mở rộng quy mô sản xuất giúp nhiều lao động khác có việc làm và thu nhập ổn định.

Với sự nỗ lực trong hoạt động giáo dục và đào tạo của Trung tâm GDNNGDTEX Huyện, tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề trên địa bàn huyện Định Hóa ngày một nâng lên, giúp nâng cao năng xuất lao động, tăng thu nhập, kéo kinh tế hộ gia đình phát triển, góp phần tích cực vào công tác xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

P.V

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 11/2020 (585) Ra hàng tháng. Năm thứ 59

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Lễ công bố Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN
3. Tổng cục Thống kê tổ chức chương trình về nguồn "Theo dấu chân Người"
4. Hội nghị tổng kết kết quả điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế năm 2021

HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 75 NĂM THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ

5. Đo lường bạo lực, đo đếm những ai?!
Nguyễn Thị Việt Nga
6. Trường Cao đẳng Thống kê - Chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển
TS. Nguyễn Thị Huệ
9. Đảng bộ Trường Cao đẳng Thống kê - Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên vì mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục
Nguyễn Việt Hùng
11. Công đoàn trường Cao đẳng Thống kê - 60 năm xây dựng và phát triển
TS. Nguyễn Văn Chung
12. Tự hào 60 năm Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường Cao đẳng Thống kê
Phạm Văn Sỹ

KINH TẾ - XÃ HỘI

14. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2020
16. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 10 năm 2020
17. Hiện thực hóa ước mơ phát triển thương hiệu Việt trên thị trường quốc tế
TS. Hoàng Thị Thu Thủy
20. Điện hạt nhân trên thế giới và đề xuất tại Việt Nam
Duy Hưng
23. Hệ thống logistics trong tiến trình phát triển vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung
PGS. TS. Nguyễn Quang Hồng

27. Xuất khẩu nông sản ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ EVFTA
ThS. Nguyễn Thị Thọ

29. Phát huy hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội
ThS. Phạm Hiếu Nhơn

32. Kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh: 5 năm một chặng đường
Vũ Minh Giang

34. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

35. Đầu tư trực tiếp nước ngoài với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại vùng đồng bằng Sông Hồng
Vũ Thị Vân Anh
39. Sự cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước
Trần Tuấn Hưng

QUỐC TẾ

40. Cuộc chiến công nghệ Mỹ - Trung Động thái ăn miếng trả miếng
Thu Hường

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN

43. Thái Nguyên tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch
Hùng Minh
44. Hiệu quả tích cực trong công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm ở thái nguyên
Trọng Nghĩa
45. Sức bật mới từ ngành Nông nghiệp Thái Nguyên
Trịnh Long
47. Kết quả nổi bật trong phát triển giáo dục và đào tạo ở huyện Phú Lương - Thái Nguyên
Thành Nam
51. Huyện Định Hóa - đẩy mạnh Hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên

PHÁT HUY GIÁ TRỊ KHU DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT ATK ĐỊNH HÓA

Ban Quản lý Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hóa được giao quản lý, bảo tồn 16 di tích lịch sử, trong đó có những di tích quan trọng, như nơi ở và làm việc của các nhà cách mạng tiền bối Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, đồi Pọ Đồn - nơi Bác Hồ chủ trì lễ phong quân hàm Đại tướng, Tổng Chỉ huy quân đội quốc gia và Dân quân tự vệ cho đồng chí Võ Nguyên Giáp (năm 1948).

Để làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa, ngoài hoạt động sưu tầm, bảo quản tài liệu, trưng bày hiện vật dân tộc học và hiện vật thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Ban Quản lý Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định đã phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường tuyên truyền, quảng bá hình ảnh khu di tích thông qua các phương tiện thông tin đại chúng trung ương và địa phương (phát thanh, truyền hình, báo viết); tổ chức tuyên truyền thông qua băng zôn, cờ, khẩu hiệu với nội dung phù hợp với sự kiện lịch sử. Ban Quản lý thường xuyên mở cửa đón du khách thập phương đến dâng hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm nhà trưng bày bảo tàng ATK Định Hóa và các điểm di tích; chú trọng tới việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thuyết minh để làm tốt công tác phục vụ, đón tiếp nhiều đoàn khách trong và ngoài nước...



Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhờ thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa, Ban quản lý Khu di tích Lịch sử - Sinh thái ATK Định Hoá Thái Nguyên đã cùng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên thực hiện thắng lợi nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng.

Bên cạnh đó, hoạt động bảo tồn, tôn tạo luôn được Ban đặc biệt chú trọng. Ban đã phối hợp với các đơn vị liên quan khởi công Dự án sửa chữa Nhà Trưng bày Bảo tàng ATK Định Hóa, di tích Tổng Bí thư Trường Chinh, di tích Đồi phong tướng vào di tích Khuôn Tát; thực hiện các bước hoàn thiện Dự án

nâng cấp đường vào di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khau Tý; phòng chống mối, mọt các điểm di tích và các công trình văn hóa, sửa chữa nhỏ các điểm di tích khác. Thi công xây dựng công trình cải tạo, sửa chữa biển quảng cáo tại đỉnh Đèo De; lắp đặt hệ thống âm thanh tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh... Nhờ tuân thủ quy trình - Vệ sinh, môi trường, các khu, các điểm di tích luôn được bảo quản tốt, tôn nghiêm, sạch đẹp.

Cùng với việc tôn tạo các di tích, phát huy giá trị lịch sử cách mạng của các di tích tại ATK Định Hóa, để phát triển du lịch, Ban Quản lý di tích cùng với chính quyền địa phương luôn đẩy mạnh hoạt động giới thiệu bản sắc văn hóa vùng tới du khách trong nước và quốc tế. Hàng năm, Ban Quản lý đón, giới thiệu ATK Định Hóa cho khoảng 60 vạn đồng bào, chiến sĩ cả nước đến tham quan, tìm hiểu chiến khu xưa. Giá trị của khu di tích cùng với sự nhiệt tình, nồng hậu của đội ngũ cán bộ quản lý, hướng dẫn viên tại khu di tích và sự thân thiện, chân thành của người dân nơi đây đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách trong hành trình khám phá lịch sử - văn hóa dân tộc./

Châu Minh



Du khách nghe hướng dẫn viên thuyết minh tại di tích Bác Hồ ở Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hóa



TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỐNG KÊ

CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
THUỘC TỔNG CỤC THỐNG KÊ - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

60 NĂM

Xây dựng và phát triển (1960 - 2020)

2020

**XÉT TUYỂN
KHÔNG THI**

Các ngành đào tạo chính:

1. Thống kê Kinh tế - Xã hội
2. Thống kê Kinh doanh
3. Kế toán
4. Kế toán Doanh nghiệp
5. Kế toán Hành chính sự nghiệp
6. Kế toán Tin học
7. Tài chính - Ngân hàng
8. Tài chính Doanh nghiệp
9. Quản trị Văn phòng
10. Logistics
11. Quản trị Kinh doanh
12. Quản trị Nhân lực
13. Phiên dịch Tiếng Anh thương mại
14. Tiếng Anh Du lịch
15. Tin học ứng dụng
16. Công nghệ thông tin
17. Quản trị mạng máy tính
18. Thiết kế trang Web
19. Hệ thống thông tin Kinh tế

*Điểm đến của nhà quản lý kinh tế tương lai
Truyền thống - Đổi mới - Chất lượng - Phát triển!*

Địa chỉ: Số 568, đường Thành Cổ, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222 3821 713 - 0902 286 813 - 0975 112 868 - 0984 781 822

Website: www.cos.edu.vn

* Facebook.com/Thongke.Cos.edu.vn